

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ HẠNH

**QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH
THÀNH PHỐ HUẾ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ: QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ CÔNG TRÌNH

Hà Nội – năm 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ HẠNH

**QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH
THÀNH PHỐ HUẾ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ CÔNG TRÌNH

MÃ SỐ: 62.58.01.06

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. VŨ THỊ VINH

TS. KTS. NGÔ THỊ KIM DUNG

Hà Nội, năm 2017

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên tác giả xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc và chân thành đến PGS. TS. Vũ Thị Vinh, TS. KTS. Ngô Thị Kim Dung đã truyền đạt những kinh nghiệm, phương pháp và nhiệt tâm hướng dẫn tôi hoàn thành luận án này.

Tác giả xin được chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các nhà khoa học, đặc biệt là PGS.TS.KTS. Trần Trọng Hanh, TS. KTS Nguyễn Xuân Hình đã tận tình góp ý, chia sẻ những bài học quý báu làm sáng tỏ các cơ sở lý luận khoa học về công tác quản lý không gian xanh để luận án được hoàn thiện.

Xin chân thành cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Ban giám hiệu Trường đại học Kiến trúc Hà Nội, Khoa sau đại học, Khoa Quản lý đô thị và các đơn vị có liên quan đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu luận án.

Xin được gửi lời chân thành cảm ơn đến gia đình và những người bạn thân thiết đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận án.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

NCS. Nguyễn Thị Hạnh

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án tiến sĩ với đề tài: **“Quản lý không gian xanh thành phố Huế”** là công trình khoa học do tôi nghiên cứu và đề xuất. Các số liệu trong luận án là trung thực, những thông tin trích dẫn đảm bảo chính xác. Các kết quả nghiên cứu nêu trong luận án chưa có ai công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào.

Tác giả luận án

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
LỜI CAM ĐOAN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU	ix
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ	i
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu của Luận án.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
3.1. Đối tượng nghiên cứu.....	4
3.2. Phạm vi nghiên cứu	4
4. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	5
6. Những đóng góp mới của luận án.....	6
7. Kết cấu của luận án.....	6
8. Một số khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong luận án.....	7
PHẦN NỘI DUNG	11
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH	11
1.1.	11
Tổng quan về quản lý không gian xanh tại một số thành phố trên thế giới và Việt Nam.....	11
1.1.1. Một số thành phố trên thế giới.....	11
1.1.2. Một số thành phố tại Việt Nam.....	23
1.2. Hiện trạng phát triển không gian xanh thành phố Huế.....	27

1.2.1. Khái quát chung về thành phố Huế	27
1.2.2. Thực trạng không gian xanh thành phố Huế	28
1.2.3. Một số đánh giá về thực trạng hệ thống không gian xanh của thành phố Huế	34
1.3. Thực trạng quản lý không gian xanh thành phố Huế.....	37
1.3.1. Công tác quy hoạch không gian xanh đô thị	37
1.3.2. Công tác đầu tư phát triển.....	38
1.3.3. Quản lý khai thác và sử dụng.....	40
1.3.4. Phân cấp quản lý nhà nước không gian xanh của thành phố Huế	40
1.3.5. Vai trò tham gia của cộng đồng dân cư, các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong công tác quản lý không gian xanh	45
1.3.6. Kết quả điều tra xã hội học về nhu cầu của người dân về các công viên vườn hoa trong thành phố Huế	46
1.3.7. Một số tồn tại trong công tác quản lý không gian xanh đô thị.....	47
1.4. Các nghiên cứu có liên quan tới đề tài luận án.....	50
1.4.1. Các đề tài, dự án nghiên cứu.....	50
1.4.2. Các luận án tiến sĩ trong nước và nước ngoài	53
1.5. Những vấn đề cần nghiên cứu của luận án.....	58
Chương 2: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH THÀNH PHỐ HUẾ.....	60
2.1. Cơ sở lý thuyết.....	60
2.1.1. Khái niệm không gian xanh của Luận án.....	61
2.1.2. Vai trò, chức năng của không gian xanh	65
2.1.3. Lý thuyết Kevin Lynch.....	70
2.1.4. Lý thuyết về quản lý không gian xanh đô thị	71
2.1.5. Quản lý phát triển không gian xanh thích ứng với biến đổi khí hậu	76
2.1.6. Quản lý không gian xanh và các xu hướng phát triển đô thị.....	77

2.2. Các cơ sở pháp lý.....	80
2.2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật	80
2.2.2. Các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	85
2.2.3. Các chương trình, kế hoạch của quốc gia có liên quan.....	86
2.2.4. Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	87
2.3. Các yếu tố tác động đến quản lý không gian xanh thành phố Huế	91
2.3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	91
2.3.2. Những tác động của biến đổi khí hậu.....	93
2.3.3. Những giá trị lịch sử văn hóa gắn kết với không gian xanh.....	93
2.3.4. Các chương trình kế hoạch phát triển có liên quan của tỉnh Thừa Thiên Huế	94
2.4.5. Yếu tố khoa học công nghệ trong quản lý không gian xanh đô thị.....	95
2.4.6. Vai trò chính quyền đô thị trong công tác quản lý không gian xanh đô thị.....	96
2.4.7. Sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý không gian xanh đô thị.....	97
2.4. Một số bài học kinh nghiệm của các đô thị trong nước và nước ngoài.....	99
2.4.1. Các chiến lược duy trì không gian xanh - Kinh nghiệm của Cộng đồng đô thị Lyon, Cộng hòa Pháp	100
2.4.2. Tiêu chuẩn không gian xanh đô thị - Kinh nghiệm của Broxtowe, Nottinghamshire, Anh	101
2.4.3. Bản đồ che phủ xanh và các chỉ số che phủ xanh - Kinh nghiệm của Thành phố Philadelphia – Mỹ	102

2.4.4. Sự tham gia quản lý của cộng đồng - Kinh nghiệm của thành phố Regina, Canada	105
2.4.5. Về đối tượng quản lý và chế tài xử phạt trong quản lý công viên, cây xanh - kinh nghiệm của của thành phố Đà Lạt.....	105
Chương 3. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH.....	107
THÀNH PHỐ HUẾ.....	107
3.1. Quan điểm quản lý không gian xanh	107
3.2. Các nguyên tắc quản lý không gian xanh thành phố Huế	108
3.3. Kiểm soát phát triển không gian xanh thành phố Huế.....	111
3.3.1. Nhận diện và phân loại không gian xanh thành phố Huế	111
3.3.2. Một số yêu cầu kiểm soát phát triển theo phân loại không gian xanh của thành phố Huế	115
3.3.3. Phân vùng quản lý phát triển không gian xanh của thành phố Huế ...	117
3.3.4. Các công cụ quản lý không gian xanh thành phố Huế.....	125
3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý không gian xanh thành phố Huế.....	130
3.4.1. Bổ sung nhiệm vụ của Phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật thuộc Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế	130
3.4.2. Bổ sung nhiệm vụ của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Huế	131
3.4.3. Bổ sung nhiệm vụ của Trung tâm Công viên cây xanh Huế thuộc UBND thành phố Huế	132
3.4.4. Đối với Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế- trực thuộc UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	132
3.4.5. Tổng hợp các nhiệm vụ hiện tại và đề nghị bổ sung của các cơ quan quản lý không gian xanh thành phố Huế.....	133

3.5. Nâng cao vai trò của cộng đồng trong công tác quản lý không gian xanh thành phố Huế	135
3.5.1. Vận động cộng đồng dân cư tham gia trồng và chăm sóc cây xanh...	135
3.5.2. Tôn vinh các cá nhân, tổ chức trồng và chăm sóc cây giỏi.....	135
3.6. Điều chỉnh, bổ sung một số cơ sở pháp lý trong quản lý không gian xanh thành phố Huế	136
3.6.1. Làm rõ và bổ sung quy định đất công viên, vườn hoa là một loại đất trong nhóm đất sử dụng công cộng tại điểm e, khoản 2 Điều 10 của Luật đất đai 2013	138
3.6.2. Bổ sung quy định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trong đô ...	139
3.6.3. Bổ sung quy định các khu chức năng trong công viên cấp đô thị và cấp khu vực tại Tiêu chuẩn TCXDVN 362: 2005 của Bộ Xây dựng	140
3.7. Kết quả nghiên cứu và bàn luận.....	144
3.7.1. Kết quả nghiên cứu.....	144
3.7.2. Bàn luận một số kết quả nghiên cứu	145
PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	151
I. Kết luận	151
II. Kiến nghị.....	152
1. Kiến nghị Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ	152
2. Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương.....	153
CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....
PHỤ LỤC.....

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tên đầy đủ
CĐĐT	Cộng đồng đô thị
BĐKH	Biến đổi khí hậu
KGX	Không gian xanh
KGXĐT	Không gian xanh đô thị
KGXTN	Không gian xanh tự nhiên
KGXBTN	Không gian xanh bán tự nhiên
KGXNT	Không gian xanh nhân tạo
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
TTCVCX	Trung tâm Công viên Cây xanh
TTBTDTCĐ	Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô
TC (Tree Canopy)	Độ che phủ bởi cây xanh
TP	Thành phố
TTX	Tăng trưởng xanh
TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

Số hiệu bảng, biểu	Tên bảng, biểu
<i>Bảng 1.1</i>	<i>So sánh chỉ tiêu sử dụng đất công viên, cây xanh của thành phố Huế với TCXDVN 362:2005</i>
<i>Bảng 1.2</i>	<i>Hiện trạng sử dụng đất không gian xanh của thành phố Huế năm 2015</i>
<i>Bảng 2.1</i>	<i>Các lợi ích hàng năm từ rừng đô thị của thành phố Toronto, Canada</i>
<i>Bảng 2.2</i>	<i>Các mô hình KGX trong quy hoạch đô thị</i>
<i>Bảng 2.3</i>	<i>Thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước</i>
<i>Bảng 2.4</i>	<i>Tiêu chuẩn KGX của Broxtowe, Norttinghamshire, Anh quốc</i>
<i>Bảng 3.1</i>	<i>Các loại KGX bán tự nhiên của thành phố Huế</i>
<i>Bảng 3.2</i>	<i>Các loại KGX nhân tạo của thành phố Huế</i>
<i>Bảng 3.3</i>	<i>Các chỉ số tỷ lệ che phủ xanh hiện tại và dự kiến theo các vùng của thành phố Huế</i>
<i>Bảng 3.4</i>	<i>Kiến toàn tổ chức các phòng chuyên môn về quản lý không gian xanh đô thị</i>
<i>Bảng 3.5</i>	<i>Tỷ lệ sử dụng đất các khu chức năng trong công viên tại các quy định pháp lý hiện hành</i>
<i>Bảng 3.6</i>	<i>Đề xuất các khu chức năng trong công viên cấp đô thị và cấp khu vực</i>

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ

Ký hiệu hình	Tên các hình vẽ, sơ đồ
Hình 1.1	<i>Quy hoạch KGX thành phố Ottawa- Canada</i>
Hình 1.2	<i>Độ che phủ xanh hiện tại của thành phố Philadenphia</i>
Hình 1.3	<i>Quy hoạch cấu trúc xanh của St- Albans, Anh</i>
Hình 1.4	<i>Không gian xanh thành phố Nantes, Pháp</i>
Hình 1.5	<i>Tổ chức thành niên tình nguyện AYUH trồng cây ở Anh</i>
Hình 1.6	<i>Quy hoạch hệ thống không gian xanh của Singapore</i>
Hình 1.7	<i>Quy hoạch chung thành phố Hội An - đô thị sinh thái bền vững</i>
Hình 1.8	<i>Không gian xanh trong quy hoạch chung thành phố Đà Lạt</i>
Hình 1.9	<i>Bản đồ kinh thành Huế xưa</i>
Hình 1.10	<i>Biểu đồ phân loại công viên, cây xanh của thành phố Huế năm 2015</i>
Hình 1.11	<i>Không gian xanh trong Lăng Tịch Đức</i>
Hình 1.12	<i>Các hành lang xanh bên bờ Nam sông Hương</i>
Hình 1.13	<i>Hệ thống không gian xanh trong Kinh thành Huế</i>
Hình 1.14	<i>Sơ đồ tổ chức quản lý KGX thành phố Huế</i>
Hình 1.15	<i>Sơ đồ tổ chức Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế</i>
Hình 1.16	<i>Sơ đồ tổ chức Trung tâm CVCX Huế</i>
Hình 1.17	<i>Sơ đồ tổ chức phòng Quản lý Đô thị, TP Huế</i>
Hình 2.1	<i>Sơ đồ các lợi ích về môi trường của cây xanh</i>
Hình 2.2	<i>Sơ đồ các lợi ích về kinh tế của cây xanh</i>
Hình 2.3	<i>Quá trình quang hợp của cây xanh</i>
Hình 2.4	<i>Thành phố sinh thái Ottawa, Canada và Thành phố sinh thái Helsinki, Phần Lan</i>
Hình 2.5	<i>Quy hoạch chiến lược không gian xanh TP Munster, Đức</i>

Hình 2.6	Sơ đồ định hướng phát triển không gian TP Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050
Hình 2.7	Quy hoạch định hướng bờ Nam sông Hương
Hình 2.8	Quy hoạch định hướng Trung tâm văn hóa Ngự Bình
Hình 2.9	Biểu đồ cơ cấu kinh tế của thành phố Huế giai đoạn 2005-2010 và năm 2015
Hình 2.10	Minh họa việc sử dụng CNTT để quản lý không gian xanh
Hình 2.11	Sơ đồ mô hình tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam các cấp
Hình 2.12	Sơ đồ liên kết các không gian xanh của Cộng đồng đô thị Lyon, Pháp
Hình 2.13	Tỷ lệ các loại che phủ mặt đất thành phố Philadelphia, Mỹ
Hình 2.14	Tỷ lệ che phủ xanh hiện tại và dự kiến đạt mục tiêu 30% của thành phố Philadelphia, Mỹ
Hình 3.1	Biểu đồ hệ thống không gian xanh hiện tại và dự kiến phát triển của TP Huế
Hình 3.2	Phân bố hệ thống không gian xanh của thành phố Huế
Hình 3.3	Không gian xanh trong Kinh thành Huế
Hình 3.4	Không gian xanh khu vực ngoài Kinh thành Huế
Hình 3.5	Không gian xanh vùng lõi đô thị Nam sông Hương
Hình 3.6	Vùng bảo tồn di sản và bảo vệ thiên nhiên Tây Nam thành phố Huế
Hình 3.7	Sông Hương - KGX cảnh quan đặc biệt
Hình 3.8	Thí điểm ứng dụng GIS quản lý cây xanh một tuyến đường của thành phố Huế
Hình 3.9	Sơ đồ công tác quản lý không gian xanh đô thị
Hình 3.10	Sơ đồ văn bản QPPL về quản lý KGX đô thị

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hệ thống đô thị Việt Nam quá trình lịch sử phát triển, đã hình thành nên một số đô thị, mà trong đó chứa đựng một khối lượng rất lớn các công trình di tích lịch sử, văn hóa đã được quốc tế công nhận là di sản văn hóa thế giới. Đồng thời ở đó còn có những không gian cảnh quan, thiên nhiên tươi đẹp như ở các thành phố Huế, Hạ Long, Đà Lạt, Ninh Bình... các không gian này đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc mang lại những giá trị thẩm mỹ đô thị, chất lượng sống đô thị và bảo vệ môi trường sinh thái.

Thành phố Huế thuộc vùng đất văn hiến, có bề dày lịch sử là nơi hội tụ nhiều giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể phong phú, đặc sắc đã được thế giới công nhận. Thành phố có diện mạo độc đáo với các yếu tố thiên nhiên hòa quyện trong tổng thể kiến trúc cảnh quan đô thị. Dòng sông Hương “*Con đường Hoàng Gia*” là trục cảnh quan chủ đạo cùng với các công viên dọc hai bờ sông, các di tích lịch sử văn hóa, hệ thống nhà vườn độc đáo, hệ thống mặt nước sông, hồ trong Kinh thành cùng các khu vực cảnh quan thiên nhiên ngay trong lòng thành phố là những không gian xanh rất đặc trưng của Kinh thành Huế. Những không gian xanh đó mang đậm nét văn hóa, lịch sử là “*hồn cốt*” của Cố đô Huế, cần được quản lý một cách phù hợp cùng với yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị theo các quy định của luật pháp Việt Nam cũng như các quy định của quốc tế.

Trong công tác quản lý không gian xanh, hiện nay UBND thành phố Huế đã căn cứ quy định của các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch đô thị, các quy hoạch ngành có liên quan để triển khai thực hiện đầu tư phát triển và khai thác sử dụng các không gian xanh, phục vụ mục đích phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và cộng đồng dân cư. Tuy nhiên việc quản lý các không gian xanh thành phố Huế trong giai đoạn vừa qua mặc dù có nhiều điểm sáng, nhưng cũng đã bộc lộ một số bất cập, cụ thể:

- *Về đối tượng quản lý:* Hệ thống không gian xanh của thành phố Huế rất phong phú đa dạng, nhưng chưa được đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện. Hiện tại chỉ có hệ thống cây xanh sử dụng công cộng là các công viên, vườn hoa và cây xanh đường phố - một yếu tố cấu thành của hệ thống không gian xanh đô thị được xem là đối tượng quản lý.

- *Công tác triển khai thực hiện quy hoạch:* Sau khi quy hoạch chung đô thị được duyệt, quy hoạch chuyên ngành cây xanh đô thị chưa được lập để làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư cải tạo hoặc phát triển các không gian xanh đô thị. Bởi vì hiện tại việc lập quy hoạch chuyên ngành công viên, cây xanh chỉ quy định đối với các đô thị là thành phố trực thuộc Trung ương, còn các đô thị là thành phố trực thuộc tỉnh thì chưa có quy định được lập quy hoạch chuyên ngành này.

- *Phân cấp quản lý nhà nước:* Sở Xây dựng là cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với toàn bộ hệ thống cây xanh công cộng đô thị; cây xanh gắn với các công trình di tích do Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế quản lý; các khu rừng đặc dụng, rừng sản xuất, khu vực sản xuất nông nghiệp thuộc quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các không gian mặt nước sông, hồ thuộc quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường và Trung tâm Công viên cây xanh Huế trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Huế có chức năng quản lý, khai thác một phần hệ thống không gian xanh đô thị, bao gồm các công viên, vườn hoa, vườn ươm và cây xanh đường phố.

- *Vai trò cộng đồng:* Đối tượng sử dụng các không gian xanh đô thị là cộng đồng dân cư, các tổ chức của nhà nước và các tổ chức khác trong cuộc sống hàng ngày ở đô thị. Tuy nhiên vai trò của cộng đồng dân cư, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học, doanh nghiệp phát triển đô thị chưa có tiếng nói đủ mạnh trong việc quản lý các không gian xanh từ công tác nghiên cứu lập quy hoạch đến đầu tư phát triển và khai thác sử dụng.

- *Về công cụ quản lý*: Hiện nay việc quản lý các công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố của thành phố Huế chủ yếu dựa trên cơ sở các bản đồ giấy trong đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, các dự án khu đô thị mới, dự án mở rộng đường...các ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến chưa được áp dụng. Do vậy nhìn chung bức tranh tổng thể về hiện trạng không gian xanh của thành phố chưa có trong giai đoạn hiện nay.

- *Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành*

Hiện nay, khái niệm về không gian xanh chưa có trong các quy định hiện hành, một số quy định giữa các văn bản hiện nay đang chưa có sự thống nhất về một đối tượng quản lý cũng như nội dung quản lý; sự nối kết giữa các văn bản pháp luật chưa đồng bộ. Các vấn đề bất cập này sẽ được đánh giá cụ thể tại Chương I của Luận án.

Với các vấn đề còn tồn tại nêu trên, việc nghiên cứu đề tài: ***“Quản lý không gian xanh thành phố Huế”*** là cần thiết, nhằm tìm ra các giải pháp quản lý, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần và thể chất của dân cư, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa và cảnh quan thiên nhiên đặc sắc của thành phố Huế, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và những đòi hỏi của yêu cầu phát triển đô thị trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu nghiên cứu của Luận án

Nghiên cứu quản lý không gian xanh thành phố Huế nhằm tìm ra các giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với không gian xanh của thành phố Huế.

Mục tiêu tổng thể

Quản lý không gian xanh thành phố Huế nhằm bảo vệ, giữ gìn các giá trị cảnh quan thiên nhiên đặc biệt các không gian gắn với di tích lịch sử văn hóa đã được quốc tế, quốc gia công nhận, hướng đến phát triển thành phố Huế là đô thị xanh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Mục tiêu cụ thể

- Bổ sung các quy định của văn bản pháp luật hiện hành về quản lý không gian xanh đô thị theo hướng phát triển đô thị bền vững.

- Bảo vệ và kiểm soát phát triển các không gian xanh, đặc biệt là các không gian xanh gắn với các di sản văn hóa, lịch sử trong khu vực thành phố hiện hữu và mở rộng theo quy hoạch chung đô thị được duyệt trong quá trình phát triển đô thị.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả các không gian xanh, góp phần làm giảm phát khí nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần và thể chất của cộng đồng dân cư đô thị cùng với việc nâng cấp các giá trị của không gian xanh đô thị.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác quản lý nhà nước đối với không gian xanh của thành phố Huế.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Toàn bộ phạm vi diện tích thành phố Huế hiện hữu, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Về thời gian: Theo Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Huế đến năm 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài Luận án áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- ***Phương pháp điều tra xã hội học:*** Là phương pháp thu thập thông tin về các hiện tượng và quá trình xã hội trong điều kiện thời gian, địa điểm cụ thể về tình hình thực trạng cũng như những mong muốn, nhu cầu của cộng đồng nhằm phân tích và đưa ra các kiến nghị cho công tác quản lý công tác quản lý không gian xanh của thành phố Huế.

- **Phương pháp phân tích, tổng hợp:** Phân tích là nghiên cứu các tài liệu, lý luận khác nhau, những thành quả thực tiễn trong quá khứ của công tác quản lý không gian xanh tại các đô thị trên thế giới và Việt Nam bằng cách phân tích, rút ra các bài học kinh nghiệm. Tổng hợp là liên kết từng mặt, từng bộ phận thông tin đã được phân tích tạo ra một hệ thống lý thuyết mới đầy đủ và sâu sắc về vào công tác quản lý không gian xanh, để có thể vận dụng một cách sáng tạo vào trường hợp của thành phố Huế.

- **Phương pháp kế thừa:** Quản lý không gian xanh đô thị là vấn đề mới ở nước ta vì vậy khi nghiên cứu quản lý không gian xanh cho thành phố Huế luận án cần phải nghiên cứu và kế thừa có chọn lọc các đề tài nghiên cứu của nước ngoài và các nghiên cứu trong nước có liên quan tới không gian xanh để từ đó giúp cho việc nghiên cứu nhanh chóng và tránh trùng lặp với những nội dung mà các công trình đề tài đã nghiên cứu và công được bố.

- **Phương pháp chuyên gia:** Là phương pháp sử dụng trí tuệ của đội ngũ chuyên gia để xem xét nhận định bản chất và tìm ra các giải pháp tối ưu của công tác quản lý không gian xanh.

- **Phương pháp dự báo:** Có 2 phương pháp dự báo thường sử dụng là dự báo định tính và dự báo định lượng, PP dự báo định tính tổng hợp các thông tin và ý kiến của các chuyên gia; PP dự báo định lượng là sử dụng các dữ liệu quá khứ hoặc hiện tại để dự báo cho tương lai, với giả định giá trị tương lai của biến số dự báo sẽ phụ thuộc vào xu thế vận động của đối tượng đó trong quá khứ. Cả 2 phương pháp đều rất dễ mắc sai lầm nếu sử dụng độc lập, do vậy cần có sự kết hợp giữa phương pháp định lượng và phương pháp định tính để nâng cao độ tin cậy của phương pháp dự báo.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- **Ý nghĩa về mặt lý luận**

- Bổ sung lý luận về công tác quản lý không gian xanh đô thị.

- Là tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo trong lĩnh vực quản lý đô thị nói chung và quản lý không gian xanh đô thị nói riêng.

- Ý nghĩa thực tiễn

Những đóng góp mới của luận án được ứng dụng trong công tác quản lý không gian xanh đô thị, cụ thể:

- Các đề xuất một số giải pháp về quản lý KGX thành phố Huế và điều chỉnh, bổ sung một số quy định của văn bản pháp lý hiện hành nhằm góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý không gian xanh thành phố Huế nói riêng và KGX đô thị nói chung.

- Từ kết quả nghiên cứu có thể vận dụng cho công tác quản lý không gian xanh đối với một số đô thị khác có yếu tố tương đồng với thành phố Huế.

6. Những đóng góp mới của luận án

Những đóng góp mới của Luận án là những giải pháp cụ thể mang tính chất ứng dụng đối với các vấn đề thực tiễn của công tác quản lý không gian xanh của thành phố Huế nói riêng và KGX đô thị nói chung, cụ thể như sau:

- (1) Đề xuất khái niệm không gian xanh và phân loại không gian xanh.
- (2) Nguyên tắc quản lý quản lý không gian xanh thành phố Huế.
- (3) Giải pháp kiểm soát, quản lý phát triển KGX thành phố Huế.
- (4) Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý không gian xanh thành phố Huế.
- (5) Điều chỉnh, bổ sung một số quy định của văn bản pháp lý hiện hành.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu và Kiến nghị, kết luận, nội dung luận án gồm có 3 chương như sau:

- Chương I: Tổng quan về quản lý không gian xanh đô thị.
- Chương II: Cơ sở khoa học quản lý không gian xanh thành phố Huế.
- Chương III: Giải pháp quản lý không gian xanh thành phố Huế.

8. Một số khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong luận án

8.1. Không gian xanh đô thị

Ở nước ta trong những năm qua trong các văn bản quy định đều sử dụng khái niệm quản lý cây xanh đô thị. Cho đến năm 2013 tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD hướng dẫn về thiết kế đô thị đã nêu không gian xanh của đô thị bao gồm “*hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, công viên hoặc rừng tự nhiên, nhân tạo trong đô thị*”.

Đây là vấn đề mới đối với nước ta, vì vậy việc làm rõ hơn khái niệm không gian xanh cần được phân tích đầy đủ hơn ở Chương II của Luận án.

8.2. Không gian mở

Không gian mở đề cập đến môi trường ngoài trời, trong đó kết hợp khuyến khích các hoạt động thể chất của con người. Không gian mở bao gồm các khu vực mở (cả mặt đất và mặt nước) có giá trị vui chơi giải trí, bảo tồn thiên nhiên, văn hóa lịch sử hoặc các mục đích thẩm mỹ. [74]

8.3. Cảnh quan

Là một bộ phận của bề mặt trái đất, có những đặc điểm riêng về địa hình, khí hậu, thủy văn, đất đai, động thực vật,...nghĩa là một tổ hợp phong cảnh có thể khác nhau, nhưng tạo nên một biểu tượng thống nhất về cảnh quan chung của địa phương. [27]

- *Cảnh quan thiên nhiên*: Được tạo thành trong tiến trình phát triển tự nhiên của môi trường thiên nhiên không do con người tạo ra. Cảnh quan thiên nhiên gồm 5 yếu tố hợp thành: địa hình, nước, thực vật, động vật và không trung. Các yếu tố này nằm trong một quá trình phát sinh và phát triển liên quan tác động lẫn nhau trong một cơ thể thống nhất hoàn chỉnh của trái đất. [27]

- *Cảnh quan nhân tạo*: Là cảnh quan thiên nhiên bị biến đổi trong quá trình hoạt động sống của con người. [28]

8.4. Phát triển bền vững

Trong báo cáo “*Tương lai của chúng ta*” Hội đồng thế giới về môi trường và phát triển (WCED) do Cựu Thủ tướng Na Uy, Gro Harlem Brundtland là chủ tịch đã đưa ra ý tưởng và khái niệm về phát triển bền vững. Đó là: “*Những thế hệ hiện tại cần đáp ứng nhu cầu của mình, mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong đáp ứng các nhu cầu của họ*”. Theo Ngân hàng thế giới (WB) thì phát triển bền vững gồm 3 mục tiêu: Kinh tế, xã hội và môi trường hài hòa với nhau. [23]

8.5. Môi trường, môi trường đô thị và hệ sinh thái học

* Môi trường là toàn bộ các hệ thống tự nhiên và các hệ thống do con người tạo ra, trong đó con người sinh sống bằng lao động và khai thác các tài nguyên thiên nhiên hoặc nhân tạo nhằm thỏa mãn các nhu cầu của mình. [50]

* Theo GS.TS Lê Hồng Kế: “Môi trường đô thị trước hết là môi trường thiên nhiên, mà trên đó con người tạo nên những hoạt động vật chất để phục vụ sự sống của con người”. Thành phần của môi trường đô thị bao gồm các yếu tố thành phần tự nhiên và nhân tạo. Trong đó thành phần tự nhiên bao gồm: địa hình, đất, nước, không khí, khí hậu, động thực vật, các hệ sinh thái, sông ngòi, ao hồ.[23]

* Đa dạng hệ sinh thái: Sự phong phú về sinh cảnh trên cạn và môi trường dưới nước của Trái đất đã tạo nên một số lượng lớn hệ sinh thái, những sinh cảnh rộng lớn gồm rừng mưa nhiệt đới, đồng cỏ, đất ngập nước, san hô và rừng ngập mặn chứa đựng nhiều hệ sinh thái khác nhau.[23]

* Hệ sinh thái học: [47] Là một hệ thống bao gồm các quần xã (thành phần hữu sinh) và các môi trường sống của chúng (các thành phần vô sinh) trong hệ sinh thái, các thành phần hữu sinh và vô sinh luôn có sự tác động lẫn nhau và tạo ra hệ thống môi sinh để hợp thành một quần thể thống nhất. Một cái hồ, khúc sông, khu rừng..., gồm các sinh vật và môi trường của chúng được coi là hệ sinh thái. Các nhân tố sinh thái theo nguồn gốc và đặc trưng tác động mà chia ra thành nhóm sinh thái vô sinh, nhóm sinh thái hữu sinh.

8.6. Rừng

Theo định nghĩa của FAO, rừng là một khu đất liền khoảnh lớn hơn 0,5 ha với chiều cao cây lớn hơn 5 m và độ tàn che lớn hơn 10%, hoặc cây rừng có thể đạt được chiều cao và độ tàn theo tiêu chí này trong điều kiện nguyên sản. [72]

Rừng là một hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật rừng, động vật rừng, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó cây gỗ, tre nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính có độ che phủ của tán rừng từ 0,1 trở lên. Rừng gồm rừng trồng và rừng tự nhiên trên đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng. [34]

8.7. Độ che phủ của tán rừng

Là mức độ che kín của tán cây rừng đối với đất rừng, được biểu thị bằng tỉ lệ phần mười giữa diện tích đất rừng bị tán cây rừng che bóng và diện tích đất rừng. [34]

8.8. Rừng đặc dụng

Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái rừng của quốc gia, nguồn gen sinh vật rừng; nghiên cứu khoa học; bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; phục vụ nghỉ ngơi, du lịch, kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường, bao gồm 4 loại: *i) Vườn quốc gia; ii) Khu bảo tồn thiên nhiên gồm khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh; iii) Khu bảo vệ cảnh quan gồm khu rừng di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; iv) Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học*". [34]

8.9. Sinh khối [30]

Sinh khối là các vật chất hữu cơ ở trên và dưới mặt đất và cả thực vật sống và thực vật chết ví dụ như cây thân gỗ, cây hoa màu/lương thực, cây thân cỏ, thảm mục, rễ cây, v.v. Sinh khối bao gồm cả các bề được xác định ở trên và dưới mặt đất.

Sinh khối rừng: Được định nghĩa là tổng lượng vật chất hữu cơ sống trên mặt đất trong rừng, được tính bằng tấn khô trên một đơn vị diện tích (rừng, ha,

vùng, hoặc quốc gia). Sinh khối rừng được phân loại thành sinh khối trên mặt đất và sinh khối dưới mặt đất.

8.10. Quản lý nhà nước

Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực Nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước. Theo nghĩa rộng, quản lý nhà nước là toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước, từ hoạt động lập pháp, hoạt động hành pháp, đến hoạt động tư pháp. Theo nghĩa hẹp, quản lý nhà nước chỉ bao gồm hoạt động hành pháp. [13]

8.11. Quản lý đô thị

Quản lý đô thị là một khoa học tổng hợp được xây dựng trên cơ sở của nhiều khoa học chuyên ngành, bao gồm hệ thống chính sách, cơ chế, biện pháp và phương tiện được chính quyền nhà nước các cấp sử dụng để tạo điều kiện quản lý và kiểm soát quá trình tăng trưởng đô thị. Theo một nghĩa rộng thì quản lý đô thị là quản lý con người và không gian sống (ăn, ở, làm việc, nghỉ ngơi...) ở đô thị. Quản lý đô thị bao gồm quản lý hành chính đô thị và quản lý nghiệp vụ trong mọi lĩnh vực ở đô thị. [13]

Quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của các ngành, lĩnh vực của đô thị: Là các hoạt động của cơ quan chuyên môn các cấp, thực hiện chức năng tham mưu, giúp các cơ quan của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp. [13]

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH

1.1. Tổng quan về quản lý không gian xanh tại một số thành phố trên thế giới và Việt Nam

Quản lý không gian xanh đô thị là quản lý chuyên môn, nghiệp vụ ở đô thị, thực hiện chức năng tham mưu, giúp các cơ quan của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật đối với không gian xanh. Công tác quản lý không gian xanh đô thị được xác định bao gồm từ bước lập quy hoạch đến đầu tư phát triển và khai thác sử dụng. Công tác quản lý không gian xanh đô thị được thực hiện bởi bộ máy quản lý nhà nước cùng với sự tham gia của cộng đồng, nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và sự phát triển bền vững.

1.1.1. Một số thành phố trên thế giới

Ở các quốc gia có thể chế chính trị, xã hội khác nhau thì có chính sách quản lý xã hội khác nhau, nhưng tùy theo mỗi thời kỳ phát triển các chính sách quản lý xã hội có thể thay đổi tùy thuộc sự biến động chính trị, kinh tế, xã hội của quốc gia đó hoặc trong khu vực và thế giới. Tuy nhiên để cùng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu thì công tác quản lý kinh tế xã hội đều có yêu cầu chung đó là giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường sinh thái... Do vậy để có thể góp phần đạt được mục tiêu chung nêu trên, việc quản lý tốt hệ thống không gian xanh là một trong những giải pháp có hiệu quả mà không phải tốn nhiều kinh phí. Nhiều nước trên thế giới và trong khu vực đã trải qua những vấn đề của thực tiễn phát triển trước Việt nam, sẽ là những bài học quý đối với công tác quản lý không gian xanh đô thị Việt Nam nói chung và đối với thành phố Huế nói riêng.

a) *Một số thành phố tại các nước khu vực Bắc Mỹ:* Với quan điểm công tác quản lý không gian xanh đô thị được xác định bao gồm từ bước lập quy hoạch đến đầu tư phát triển và khai thác sử dụng thông qua cơ quản lý nhà nước

với các công cụ quản lý tiên tiến và sự tham gia của cộng đồng của các nước trong khu vực Bắc Mỹ như sau:

* Công tác quy hoạch không gian xanh: Để đảm bảo tính linh hoạt các thành phố đã xây dựng quy hoạch tổng thể không gian xanh đô thị (Greenspace Master Plan) [81] bao gồm các nội dung sau:

- Lập bản đồ và xác định các khu vực xanh với vai trò chức năng của mỗi khu vực (chủ yếu là nhiệm vụ giải trí, môi trường hoặc cả hai). (Hình 1.1).

- Rà soát lại quy hoạch và thể hiện chính xác tất cả các loại không gian xanh khác nhau trong thành phố. Đánh giá lại khu vực không gian xanh chưa được xác định trong quy hoạch như rừng, đất ngập nước v.v.

- Xác định các mục tiêu cho các vùng xanh và khả năng ứng các mục tiêu được xác định.

- Thiết lập một mạng lưới các khu vực xanh và đánh giá có bao nhiêu khu vực đã được kết nối với nhau, những khu vực nào chưa được kết nối và làm thế nào để mở rộng sự kết nối đó.

- Xác định yêu cầu quản lý các không gian xanh, những giải pháp để tạo ra sự cân bằng giữa việc duy trì các vùng đất đảm bảo bền vững về môi trường và cho phép sử dụng công cộng. Trên cơ sở đó xác định nguồn kinh phí phù hợp với khả năng của thành phố.

* Đầu tư phát triển và bảo trì không gian xanh

- Đầu tư và bảo trì đối với không gian xanh là hai vấn đề có mối quan hệ gắn kết với nhau. Đầu tư như thế nào là hiệu quả và phù hợp với khả năng kinh phí của thành phố.

- Đầu tư không dàn trải và đầu tư đến đâu cần làm tốt công tác bảo trì đến đó. Điều rất quan trọng mà các thành phố cần quan tâm là phải xây dựng một kế hoạch chi tiết cho công tác bảo trì và là một nhiệm vụ cốt lõi của quản lý. Một tổ chức chuyên gia có thể đưa ra hướng dẫn về việc lập kế hoạch quản lý ví dụ: Loại cây nào thì chăm sóc thế nào, thời gian tưới nước cho cây, thời gian cắt tỉa

cho cây v.v. Thông thường quy trình bảo trì không gian xanh được ứng dụng công nghệ GIS nên rất hiệu quả.

* Phân cấp trong quản lý không gian xanh đô thị: Sự phân cấp của chính phủ Liên bang cho các bang và từ các bang cho các thành phố thông qua các Luật, các quy định khác. Tại Vancouver - Canada, cây xanh được cấp giấy phép để chăm sóc, duy trì do đó việc quản lý trở nên đơn giản và dễ dàng hơn.



Hình 1.1. Quy hoạch không gian xanh thành phố Ottawa – Canada [82]

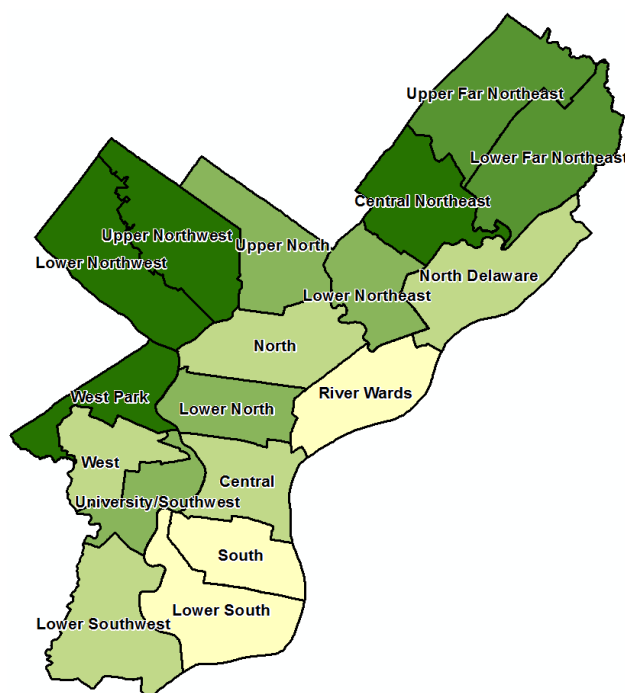
Cụ thể tại Vancouver, có hai loại giấy phép được yêu cầu đối với các cây xanh trên đường phố và cây xanh do người dân trồng. Nếu không được cấp phép mà cứ tiến hành đốn hạ hay di dời sẽ bị xử phạt bằng tiền. Những không gian xanh nhân tạo và những đặc điểm tự nhiên của Vancouver giúp làm nên nét đặc trưng riêng của thành phố.

* Công cụ quản lý không gian xanh: Hiện nay hầu hết các thành phố ở khi vực Bắc Mỹ đều quản lý không gian xanh bằng hệ thống thông tin địa lý (GIS). Việc ứng dụng GIS giúp cho Công ty công viên cây xanh các thành phố có thể quản lý tốt mật độ cây xanh, lập kế hoạch chăm sóc cây trong mùa mưa bão, cũng như trồng bổ sung thay thế khi cây già cỗi hoặc gãy đổ... hoặc có giải pháp

phối hợp hiệu quả khi quy hoạch các tuyến đường mới hoặc khi mở rộng những tuyến đường. Với công nghệ này các đơn vị quản lý cây xanh đã giảm bớt được nhiều nhân công trong việc duy trì và khai thác các không gian xanh trong đô thị.

Xác định độ che phủ xanh đô thị: Các thành phố của Mỹ như Philadelphia, Portland, New York (Mỹ), Ottawa...(Canada) đã ứng dụng công nghệ ảnh viễn thám có độ phân giải cao để xác định độ che phủ xanh của thành phố (hình 1.2).

Thành phố Philadelphia độ che phủ xanh hiện tại chiếm 20% diện tích mặt đất của thành phố (tương đương 16.884 acres) diện tích phủ xanh bình quân đầu người hiện tại là 47,36 m²/người. Thêm vào đó là 49% tương đương 42.451 acres đất của thành phố về mặt lý thuyết có thể làm thay đổi tổng diện tích thành phố được che phủ xanh. [71]



Hình 1.2. Độ che phủ xanh hiện tại tại TP Philadelphia, Mỹ [71]

* Vai trò của cộng đồng trong quản lý không gian xanh

- Chăm sóc và bảo vệ cây xanh: Không gian xanh có vai trò quan trọng trong việc nâng cao giá trị cuộc sống của con người. Không gian xanh không chỉ mang lại nhiều ý nghĩa trong cuộc sống về văn hoá, lịch sử mà còn là yếu tố tác động đến kinh tế. Do vậy người dân ở tất cả các thành phố của Canada đã có ý thức cao trong việc xây dựng cho nhà mình một khoảng không gian xanh riêng cũng như tham gia chăm sóc các không gian xanh công cộng của thành phố.

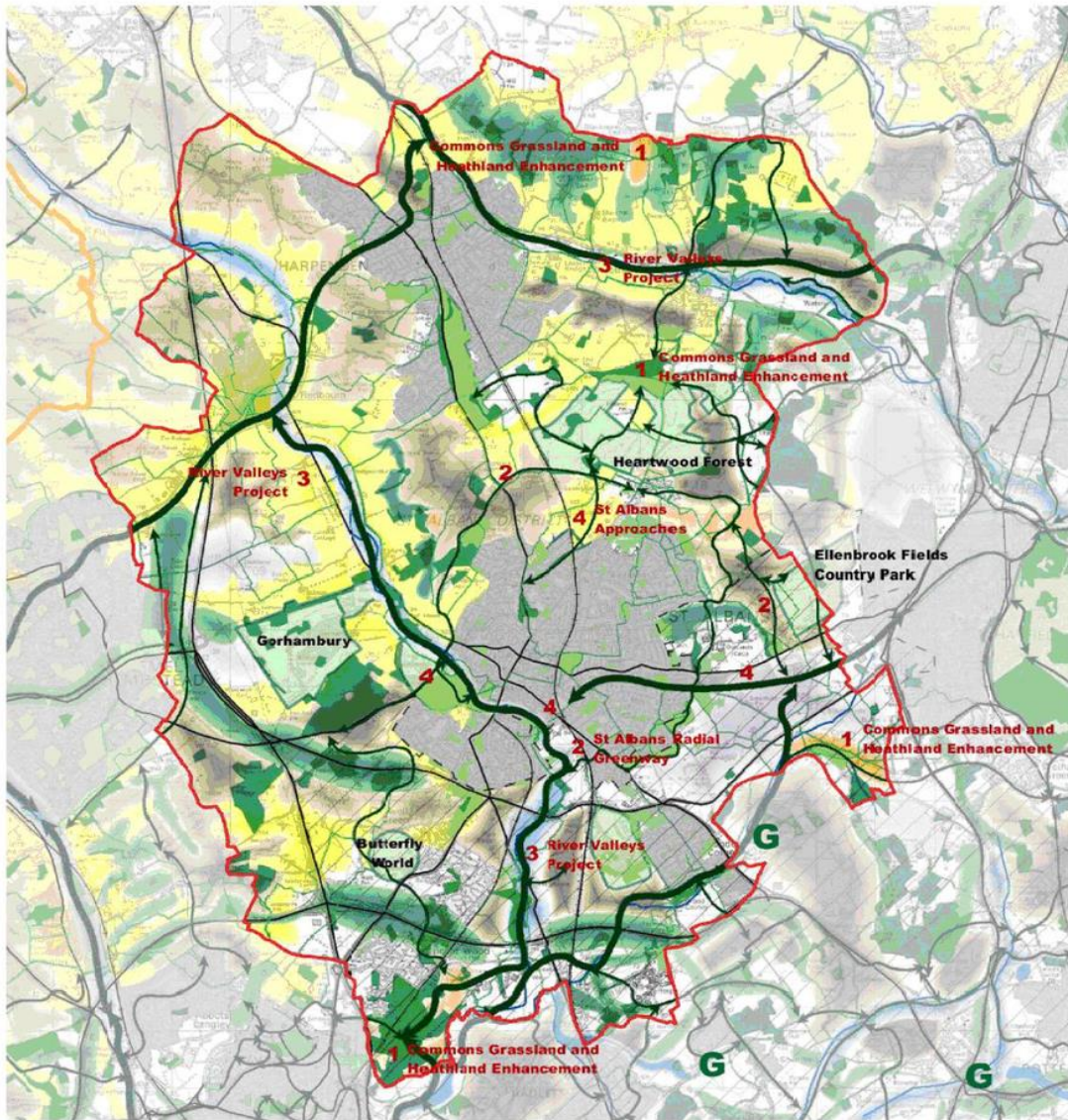
- Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý không gian xanh: Ở Mỹ, một số thành phố có các tổ chức để hỗ trợ cho chính quyền đô thị trong công tác quản lý KGX ví dụ như “*Ban Cố vấn Không gian xanh đô thị*” của thành phố Portland - bang Oregon. Ban này gồm những chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực: Quy hoạch đô thị, Kỹ sư Hạ tầng, Quản lý Công viên, Rừng, Kinh tế, Công nghệ thông tin v.v. họ là những người có kinh nghiệm từ 25-30 năm, đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu nhưng có mong muốn đóng góp cho thành phố Portland ngày càng đẹp hơn, xanh hơn. [84]

b) Một số thành phố tại châu Âu

* Công tác quy hoạch không gian xanh: Từ việc xác định rõ các không gian xanh như hành lang xanh, vành đai xanh, các mảng xanh lớn trong thành phố, đến việc xây dựng chiến lược không gian xanh thành phố. Trên cơ sở số liệu thống kê, việc xác định mối quan hệ tương tác với các chính sách, chiến lược cấp quốc gia, cấp vùng có liên quan là nền tảng để lập kế hoạch hành động và huy động nguồn lực thực hiện chiến lược không gian xanh của thành phố đó. (Hình 1.3 và 1.4)

- Thành phố St Albans, (Vương quốc Anh) là thành phố cổ, có công viên Verulamium rộng 100 mẫu Anh được đặt tên theo tên của thành phố La Mã, công trình 2.000 năm tuổi, có vị trí 20 phút đi từ trung tâm London. Chiến lược không gian xanh của Sopwell Nunnery thuộc thành phố St Albans được nghiên cứu với sự gắn kết giữa Chiến lược và chính sách quốc gia về không gian xanh (The National Context), chính sách cấp địa phương (The Local Policy Context) để xác định tầm nhìn quản lý không gian xanh hiện tại và phát triển trong tương lai 10 - 20 năm. [75]

Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược không gian xanh của Sopwell Nunnery gồm nhiều giải pháp trong đó có: Huy động từ nguồn ngân sách địa phương, huy động từ các doanh nghiệp; nguồn lực của cộng đồng và huy động từ nhiều nguồn khác. Ngân sách của Hội đồng Sopwell Nunnery - St Albans với kế



Legend

Proposals		Existing		Barriers	
	Strategic link		Long distance and promoted routes		Major road network
	Local link		Rivers		Railway
	Green infrastructure projects		Disused Railway		
	Strategic GI assets		Area of Outstanding Natural Beauty (Strategic / regional & sub-regional GI asset)		
	Farmland conservation & enhancement zone		Accessible open space		
	Wetland habitat zone		Watling Chase gateway site		
	Woodland enhancement/creation zone		Woodland		
	Chalk valleys conservation zone		Main settlements		
	Heathland/grassland creation zone		Watling Chase Community Forest		
	Landscape restoration				

Land Use Consultants 2011

(c) Crown copy
OS License No: 100018953 -

Hình 1.3. Quy hoạch cấu trúc xanh của St Albans - Anh [91]

hoạch vốn trong vòng 3 năm, năm tài chính bắt đầu từ 01/4 đến 31/5 hàng năm là một nguồn lực chủ yếu cho việc duy trì các không gian xanh của Sopwell

Nunnery [75].- Thành phố Nantes - Pháp: Thành phố có dân số là 282.852 người (năm 2009), không gian xanh của thành phố được xác định bao gồm: không gian xanh công cộng và tư nhân, ngoại trừ các vùng mặt nước. Với tỷ lệ không gian xanh là 57 m² /người, khu vực nội thành không gian xanh bình quân 37 m²/người.



Hình 1.4. Không gian xanh thành phố Nantes, Pháp [91]

Cư dân của thành phố sống với khoảng cách 300 m từ nhà ở đến không gian xanh. Đây là một thành phố với chỉ tiêu không gian xanh đạt được rất cao và khoảng cách từ nơi ở của người dân đến các KGX rất hợp lý đã tạo nên một thành phố có môi trường sống tốt [91].

* Đầu tư và phát triển không gian xanh: Do tình hình tài chính ở nhiều quốc gia có những biến động, nên việc cắt giảm kinh phí trong đầu tư và bảo trì không gian xanh cũng là vấn đề của nhiều thành phố. Mặc dù vậy với nhiều giải pháp nên công tác đầu tư và bảo trì vẫn giữ được ở mức độ cho phép hàng ngày.

Để có kinh phí cho đầu tư và bảo trì thành phố London đã đưa ra giải pháp 8 mô hình tài trợ cho không gian xanh bao gồm [79]: (1) *Kinh phí của chính quyền địa phương*; (2) *Tài trợ khu vực công của nhiều cơ quan*; (3) *Các sáng*

kiến về thuế; (4) Các cơ hội cho kế hoạch và phát triển; (5) Trái phiếu và tài chính thương mại; (6) Cơ hội để tạo thu nhập; (7) Đóng góp và hiến tặng của các nhà mạnh thường quân; (8) Sự tham gia tự nguyện của các tình nguyện viên.

* Công tác phân cấp quản lý: Trong nhiều thành phố ở Anh, cùng với các đơn vị quản lý không gian xanh có Ủy ban môi trường là cơ quan mang tính giám sát và đánh giá việc thực hiện của các đơn vị quản lý các không gian xanh của thành phố.

* Sự tham gia của cộng đồng: Với quan niệm của người dân ở Châu Âu "Trồng cây, đó là một phước lành" vì cây cối sống lâu hơn chúng ta và cung cấp hoa quả và bóng mát cho các thế hệ tiếp theo. Hà Lan là đất nước đã khởi xướng phong trào "Cộng đồng nở hoa – Community in Bloom" và đã thu hút được rất nhiều nước trên thế giới tham gia.



Hình 1.5. Tổ chức thanh niên tình nguyện quốc tế AYUH trồng cây ở Anh [67]

Tổ chức AYUDH [67] một tổ chức thanh niên tình nguyện quốc tế với phong trào huy động thanh thiếu niên tái trồng rừng ở các vùng ngoại ô và làm xanh không gian đô thị thông qua việc giới thiệu và trồng cây bản địa trên khắp châu Âu. Tại Bỉ, AYUDH đã trồng một loại gỗ mới tại Knesselare. Họ cũng đã khởi xướng một sáng kiến để trồng khoảng từ 800 đến 1000 cây bản địa của Anh

trong một khoảng thời gian ba năm trên bờ Dartmoor, một Vườn Quốc gia ở tỉnh Devon, Tây Nam nước Anh. Đối tác sáng lập của AYUDH là Embracing the World là một thành viên của Chiến dịch một tỷ cây xanh (Billion Tree) của Liên hợp quốc, đã tổ chức trồng hơn một triệu cây trên toàn cầu từ năm 2001 (Hình 1.5)

c) Một số thành phố tại các nước Châu Á

Châu Á là châu lục đông dân nhất thế giới, với các nước có điều kiện kinh tế, khoa học công nghệ và văn hóa, lối sống khác nhau. Vì vậy công tác quản lý không gian xanh ở đô thị của các nước cũng có điểm giống nhau và cũng có sự khác nhau từ việc ban hành các văn pháp luật đến cách thức quản lý.

** Công tác quy hoạch không gian xanh*

Indonesia đã ban hành Luật Quy hoạch không gian 2007 (SPL), với quan điểm cho rằng không gian xanh mở (KGXM - GOSs) là tài sản không thể thiếu đối với sức khỏe dân cư đô thị, thực tiễn giai đoạn đó các thành phố của Indonesian có khoảng 9% diện tích là không gian xanh mở. Luật quy hoạch không gian đã quy định diện tích KGX mở của các đô thị phải chiếm tỷ trọng 30% tổng diện tích và việc thực hiện Luật Quy hoạch không gian của các địa phương đã làm tăng số lượng các KGXM một cách đáng kể. [73]

** Công tác đầu tư, phát triển các không gian xanh*

- Nhật Bản đã có Luật Bảo tồn cây xanh, duy trì rừng trong đô thị nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, trên cơ sở đó, thành phố Yokaichi đã có Chương trình Lâm nghiệp nhằm quản lý Lâm nghiệp quản lý cây xanh một cách toàn diện, cung cấp lợi bình đẳng cho tất cả cư dân thành phố, đảm bảo rằng những áp lực về phát triển đô thị không bao gồm việc phải giảm số lượng cây xanh. Đối với tất cả những công việc liên quan đến cây xanh như trồng mới, tỉa cành lớn, di dời hay đốn... đều cần được cấp giấy phép thực hiện. Đồng thời phải thông qua một nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc cây đủ điều kiện (chứng nhận chuyên gia trồng

cây ISA) nhằm đảm bảo việc chăm sóc thích hợp, giảm thiểu nhu cầu và chi phí bảo dưỡng trong tương lai. [14]

- Tại Hàn Quốc việc chăm sóc duy trì cây xanh được thực hiện với phương pháp là vào mùa hạ nhân viên chăm sóc cây xanh sẽ treo vào mỗi thân cây một túi dung dịch khoảng 20 lít chứa cả nước và chất dinh dưỡng và một dây dẫn xuống cho nước chảy xuống gốc cây. Mùa đông khí hậu thường khô hơn, để giữ nước và giữ ẩm họ phủ một tấm vải dày như một tấm chăn ở gốc cây. Việc này còn tránh được tình trạng bụi đất bị cuốn ra đường khi gió bắc thổi mạnh. Một số cây còn được bọc một lớp rơm rạ ngoài thân như mặc áo. Để đảm bảo có cây thay thế khi có cây bị chết, khi dự định trồng cây ở một tuyến phố, họ sẽ trồng với số lượng nhiều hơn số cần thiết ở khu vườn ươm. Những cây dự phòng với cùng kích thước, độ tuổi sẽ được trồng thế vào vị trí cây đã chết. Hết xuân đến hạ, quy trình chăm sóc cây được lặp lại sẽ đảm bảo vẻ đẹp đồng bộ về cây xanh của các con phố. [29]

- Tại Singapore, những khu bảo tồn hoặc khu vực được quy hoạch bảo tồn cây xanh sẽ không được đốn hạ bất kỳ cây nào có đường kính vượt quá 1m đang sinh trưởng, trừ phi được Hội đồng công viên quốc gia (NParks) cho phép.

Đảo quốc này còn có quy định riêng đối với các cây di sản, cây trưởng thành trong và ngoài các khu vực bảo tồn được pháp luật bảo vệ. Chính phủ Singapore có kế hoạch phủ xanh toàn bộ đất nước thông qua mô hình phát triển "thành phố trong khu vườn". Gần đây, kế hoạch trồng cây xanh ở Singapore bước vào giai đoạn mới hướng tới bảo tồn sinh học đa dạng. Đây là một quá trình phân đầu liên tục của chính phủ và người dân để tạo nên sự khác biệt với các nước đang phát triển. [29]

* Công tác tổ chức quản lý:

- Những biện pháp quản lý cây xanh của thành phố Tokyo: Thành phố Tokyo đã từng là một khu vực rộng lớn với không gian hai bờ sông có nhiều cây xanh được trồng từ thời Edo. Cục Xây dựng thuộc chính quyền thành phố Tokyo

có vai trò quản lý các công viên và cây xanh bên đường, năm 1954 đã xây dựng và ban hành Quy chế Quản lý cây xanh ở Tokyo.



Hình 1.6. Quy hoạch hệ thống không gian xanh Singapore [91]

Theo quy định, việc chăm sóc, phòng chống côn trùng và cắt tỉa phải được tiến hành thường xuyên, những cây bị chết hoặc hư hỏng cần được loại bỏ càng sớm càng tốt. Pháp lệnh về Quản lý cây xanh ở Tokyo đã cung cấp cơ sở pháp lý cho các chiến lược quản lý cụ thể. Nội dung Pháp lệnh phân định rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong việc quản lý cây xanh đảm bảo sự thích hợp và hiệu quả trên cả khu vực sở hữu công và sở hữu tư nhân.

Tuy nhiên, với quá trình đô thị hóa, sông hồ và cây xanh trong thành phố cũng đã dần biến mất. Để trồng mới và duy trì màu xanh trên khắp thành phố Chính quyền thành phố Tokyo đã tiến hành các biện pháp khác nhau. Và kế

hoạch “*Tokyo xanh*” đã được xây dựng vào cuối năm 2006 nhằm tái sinh cây xanh ở thành phố này. [14]

- Để trở thành một *Thành phố trong vườn*, Singapore hướng tới mục tiêu phát triển và tăng cường trồng cây xanh để tạo ra một môi trường cây, hoa, công viên và đa dạng sinh học. Hội đồng Công viên Quốc gia (NParks) quản lý hơn 300 công viên, 4 khu bảo tồn thiên nhiên và hệ thống cây xanh trên đường. Những cây trồng được chăm sóc bởi các chuyên gia đã được chứng nhận quốc tế. Theo chương trình quản lý của NParks, các cây trồng dọc theo đường chính hoặc khu vực có hoạt động giao thông cao được kiểm tra ít nhất 12 tháng/lần. Các chi tiết kiểm tra được ghi lại và nhập vào cơ sở dữ liệu.

Theo Luật về quản lý cây xanh, những cây xanh tiếp giáp với đường bộ, đường sắt, hệ thống giao thông nhanh có thể gây cản trở giao thông, gây nguy hiểm cho tính mạng và tài sản của công và tư nhân, Phó Giám đốc điều hành của NParks sẽ đưa ra một thông báo yêu cầu thực thi các biện pháp phù hợp bao gồm việc đốn hạ hay di dời những cây xanh này.

** Huy động sự tham gia của cộng đồng*

Ở Hàn Quốc, người dân “Không được tự ý đụng vào các cây xanh đó”. Thực tế chỉ có những người có trách nhiệm như nhân viên phụ trách mới được kiểm tra đánh dấu cây. Việc đóng đinh vào thân cây để treo biển quảng cáo sẽ không được phép và số tiền phạt lên tới hàng trăm nghìn Won, tương đương vài triệu tiền Việt Nam hoặc lao động công ích.

Đối với Nhật Bản cũng tương tự như Hàn Quốc và người dân có ý thức rất cao tham gia trồng cây tại các quả đồi hay khu vực xanh của thành phố khi gia đình có những sự kiện quan trọng của con, cháu sẽ trồng một cây xanh tại khu vực quy định và gia đình có trách nhiệm chăm sóc cây cho đến khi cây lớn. Điều này đã tạo nên những khu rừng cây xanh mát trong thành phố. [29]

1.1.2. Một số thành phố tại Việt Nam

Thành phố Huế là một thành phố có tính chất rất đặc biệt trong hệ thống các đô thị Việt Nam, đó là Cố Đô của nước Việt Nam thống nhất còn tồn tại gần như nguyên vẹn hệ thống Kinh thành và những cảnh sắc thiên nhiên độc đáo. Do vậy việc lựa chọn các thành phố có điều kiện tương đối tương đồng để đánh giá so sánh là không dễ. Vì vậy, để có cái nhìn tổng quan về quản lý không gian xanh của các đô thị trong nước, Luận án đã lựa chọn thành phố Hội An, đô thị có vị trí địa lý thuộc vùng miền Trung, có khu Phố Cổ còn tồn tại khá nguyên vẹn, đã được bảo tồn và phát huy các giá trị di sản rất hiệu quả. Cùng với Hội An, thành phố Đà Lạt là đô thị thuộc vùng Tây nguyên với cảnh quan thiên nhiên và có các quỹ di sản kiến trúc độc đáo và những giải pháp quản lý không gian xanh rất tốt. Tổng quan công tác quản lý không gian xanh của các thành phố có những giá trị tương đồng là nhằm tìm ra những vấn đề của thực tiễn đòi hỏi cần phải giải quyết. Cụ thể như sau:

a) Thành phố Hội An

- Về công tác quy hoạch: Trong thực tế các điểm xanh, mảng xanh trong thành phố Hội An còn hạn chế về số lượng và quy mô, tuy vậy các tuyến phố với các loại cây trồng và hệ thống mặt nước sông, rạch trong thành phố cũng đã tạo nên các hành lang xanh. Với Nghị quyết “Xây dựng thành phố Hội An - Thành phố sinh thái”, các tiêu chí bảo vệ khu phố cổ, phát triển đô thị Hội An luôn đặt trong mối quan hệ tổng thể từ cơ sở hạ tầng, cảnh quan đường phố, cây xanh, kiến trúc công trình.

- Công tác đầu tư phát triển: Việc đầu tư phát triển một “*Vành đai xanh*” cho phố cổ được thiết lập nhằm giảm tải lên vùng hạt nhân đô thị cổ, ngăn chặn sự hiện đại hóa kiến trúc đô thị thiếu định hướng và phục vụ trực tiếp việc phát huy các giá trị di sản văn hóa. Một “*vành đai xanh*” tự nhiên phía Nam khu phố cổ, vòng cung vành đai xanh phía Bắc đô thị cổ Hội An đã được quy hoạch xác

định; bên cạnh đó gồm hệ thống các công viên văn hóa với diện tích khoảng 940 ha (Hình 1.7).

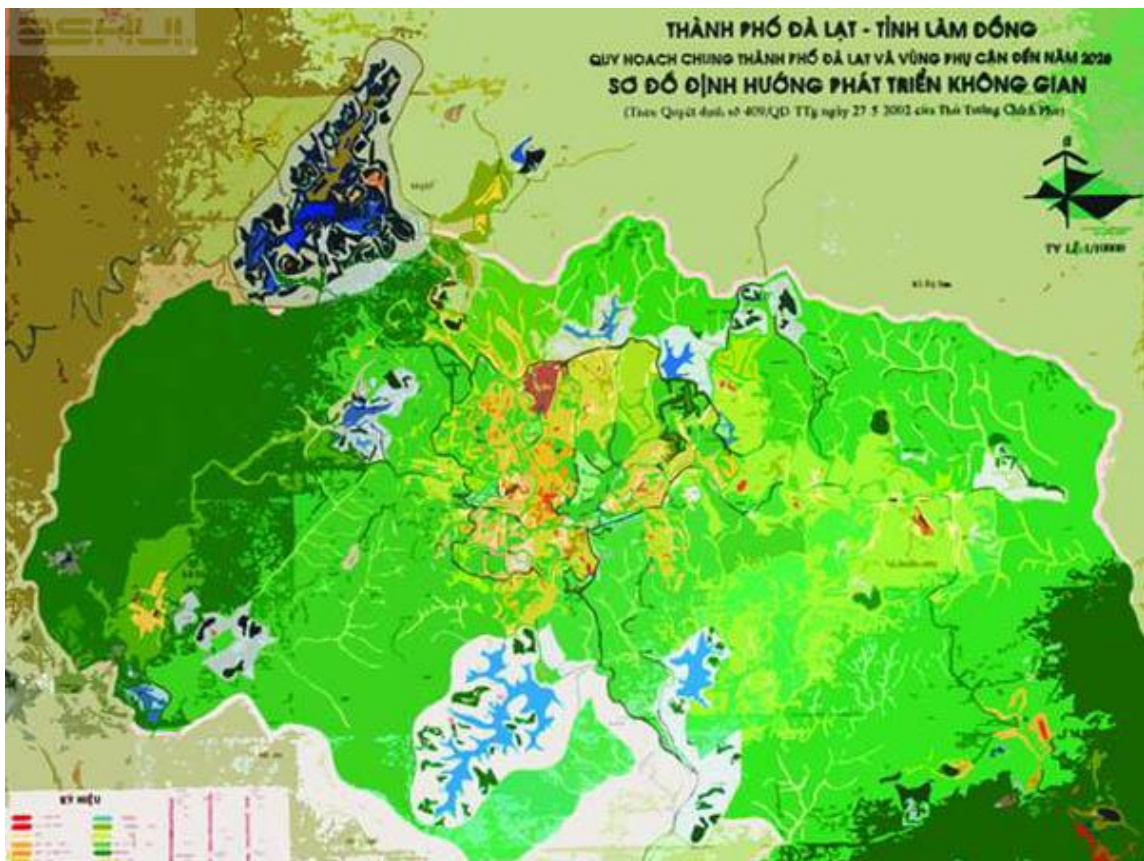


Hình 1.7. Quy hoạch thành phố Hội An – Đô thị sinh thái bền vững [49]

- Công tác quản lý khai thác sử dụng: Các công viên và công viên nhỏ trong Hội An được xác định thuộc trách nhiệm Công ty Môi trường Đô thị, với nhiệm vụ chăm sóc cây, việc bảo vệ thường xuyên thì phải dựa vào cộng đồng. Một điểm đặc biệt là, Quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch tại Quyết định số 777/QĐ-UBND do UBND Thành phố Hội An ban hành ngày 15/3/2011, đã quy định “Hệ thống cây xanh trên địa bàn bao gồm cây rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, vùng ngập nước ven sông,..”. Đây là quy định đã cập nhật được quan điểm của thế giới trong việc nhận diện những giá trị và vai trò của không gian xanh trong bối cảnh Hội An là một đô thị ven biển đang chịu nhiều tác động bất lợi của biến đổi khí hậu.

b) Thành phố Đà Lạt

- Công tác quy hoạch: Hiện tại, diện tích cây xanh bình quân đầu người của thành phố là $7,6\text{m}^2$ /người, với các công viên vườn hoa đạt khoảng 161 ha (hiện có 94,5ha, đang hình thành 66,5ha). Hệ thống cây xanh đường phố tại Đà Lạt đạt khoảng 30% so với quy định hiện hành. Riêng mảng cây xanh trong khuôn viên các công trình riêng lẻ hiện nay còn rất nhiều và hệ thống rừng thông trong thành phố, cùng những bản sắc văn hóa vùng cao nguyên đã tạo nên nét đẹp riêng biệt chỉ có ở Đà Lạt và góp phần quan trọng hệ thống không gian xanh chung thành phố Đà Lạt ngày nay.



Hình 1.8. Không gian xanh trong QHC thành phố Đà Lạt [91]

Theo điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt [44], hướng phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đã xác định mạng lưới cây xanh cảnh quan và không gian mở là không gian đa chức năng bao gồm các công trình kết

hợp với các không gian xanh, đảm bảo sự thống nhất, hài hòa về địa hình, không gian, cảnh quan của thành phố và hệ thống giao thông đô thị.

- Công tác đầu tư phát triển: Việc phát triển các KGX của thành phố đã quy định phải theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu mỹ quan và môi trường. Các dự án phát triển đô thị trên thành phố đều phải lập thiết kế trồng mới cây xanh theo quy hoạch phát triển cây xanh và chủ đầu tư phải tổ chức thực hiện trồng cây theo thiết kế được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Để có cơ sở thực hiện các dự án đầu tư phát triển, UBND thành phố Đà Lạt đã lập quy hoạch phát triển cây xanh đô thị và Công ty Công viên hoa và cây xanh Đà Lạt có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức trồng cây theo quy hoạch phát triển cây xanh đô thị được duyệt. Hiện tại Đà Lạt đề xuất mô hình thí điểm "làng đô thị xanh" với quy mô thí điểm khoảng 200-300 ha.

- Công tác quản lý khai thác sử dụng: Năm 1998 UBND tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định ban hành quy chế quản lý cây xanh thuộc phạm vi nội thị thành phố Đà Lạt, văn bản này đến nay vẫn có hiệu lực thi hành, trong đó quy định đối tượng quản lý của Công ty Công viên hoa và cây xanh thành phố Đà Lạt là *“Cây rừng tự nhiên hoặc rừng trồng bằng vốn Nhà nước, các loài cây lâu năm có giá trị về cảnh quan, môi trường mọc tự nhiên hoặc do con người trồng nhưng thuộc tài sản công cộng, các loài cây do các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự trồng theo quy hoạch cây xanh tại các khu dân cư, đường phố trong phạm vi nội thị thành Đà Lạt”*.

Về chế tài xử lý vi phạm các quy định *“Nếu tổ chức, người được giao quản lý cây xanh tự ý chặt hạ hoặc cố tình gây tác động làm cây chết, ngã đổ thì bị lập hồ sơ xử lý vi phạm, đồng thời bị buộc nộp vào quỹ bảo vệ và phát triển cây xanh số tiền tương ứng với chi phí trồng và chăm sóc, bảo vệ 5 cây cùng loài cho đến khi có chiều cao 3 mét đối với 1 cây bị chết, bị chặt hạ để Công ty Công viên hoa và cây xanh Đà Lạt tổ chức trồng lại cây theo quy hoạch”*.

Với quy định này đối tượng quản lý của Công ty công viên hoa và cây xanh thành phố Đà Lạt được bao gồm toàn bộ không gian cây rừng tự nhiên, rừng trồng và hệ thống công viên vườn hoa, cây xanh đường phố quy định này tạo sự đồng bộ, thống nhất cho công tác quản lý đối với không gian của TP. Quy định này rất phù hợp với thành phố có tính chất đặc thù về cảnh quan thiên nhiên và công trình kiến trúc của Đà Lạt, Huế, Sa Pa và Hội An.

1.2. Hiện trạng phát triển không gian xanh thành phố Huế

1.2.1. Khái quát chung về thành phố Huế

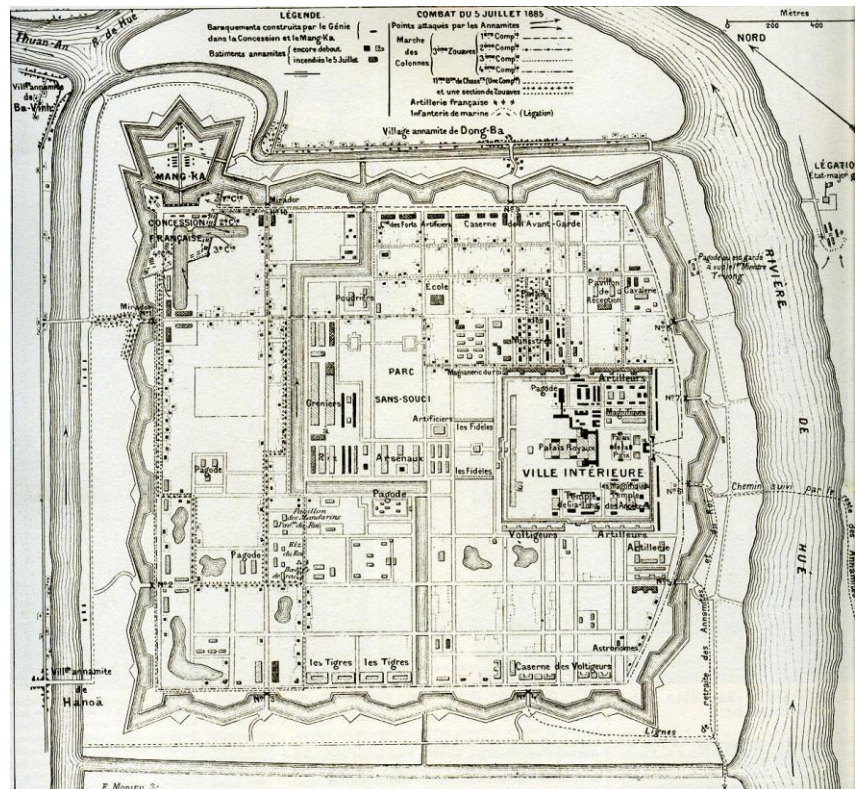
Thành phố cách biển Thuận An 12km, cách sân bay Phú Bài 18km, cách cảng nước sâu Chân Mây 50km, nằm trên trục giao thông quốc lộ 1A, có tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua; Huế có dòng sông Hương và nhiều sông nhánh đi qua giữa lòng thành phố (sông Ngự Hà, Đông Ba, An Cựu, An Hoà, Như Ý, Bạch Yến) tạo ra sự hấp dẫn của thiên nhiên phong thủy hữu tình. Nằm tựa lưng vào dãy núi Trường Sơn, khu vực thành phố Huế là đồng bằng thuộc vùng hạ lưu sông Hương, có độ cao trung bình khoảng 3 - 4 m so với mực nước biển và thường bị ngập lụt khi đầu nguồn của sông Hương (trên dãy Trường Sơn) xảy ra mưa vừa và lớn. Địa hình thành phố Huế nói chung tương đối bằng phẳng, tuy trong đó có xen kẽ một số đồi, núi thấp như núi Ngự Bình, Tam Thai, ...

Kinh thành Huế ngày nay chủ yếu là kết quả của quá trình đô thị hoá từ đời các vua Gia Long, Minh Mạng và các đời sau. Sau gần 150 năm phát triển, Huế không đi theo hướng xây dựng các tòa nhà cao tầng mà giữ nguyên quy định công trình tại bờ Bắc sông Hương không cao hơn 11m, do vậy vẫn giữ gìn được những giá trị cốt lõi là quần thể kiến trúc Cung đình. Quá trình đô thị hóa của thành phố Huế diễn ra ở hai bờ sông Hương theo các thời kỳ như sau:

- Khu vực phía Bắc sông Hương: Kinh thành Huế (*La Citadelle de Hue*) được khởi công xây dựng bởi vua Gia Long (1803 – 1820) và tiếp tục bởi vua Minh Mạng (1820-1841).

- Khu vực bờ Nam sông Hương: Được hình thành từ các làng mạc dân cư nông thôn, đến thời chúa Nguyễn Phúc Khoát quá trình đô thị hóa được bắt đầu với việc hình thành các làng nghề thủ công như làng dệt, làng đúc đồng, gốm,... Đến thời thuộc Pháp từ 1885 người Pháp bắt đầu xây dựng các cơ sở hạ tầng đô thị như hệ thống đường giao thông đô thị, nhà máy nước, điện... Cùng với đó là sự ra đời các khu phố của người Pháp, khu phố của công chức Việt Nam và các khu ở thị dân cũng lần lượt ra đời.

Kinh thành Huế được xây dựng theo nguyên tắc phong thủy và kiểu mẫu thành Vauban, được chia làm ba vòng thành với hơn 100 công trình kiến trúc cung đình lớn nhỏ.



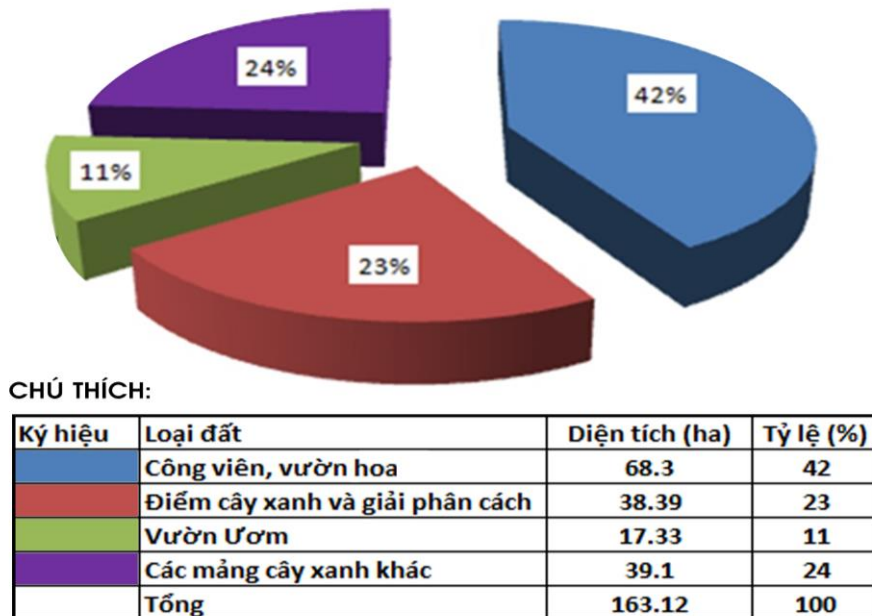
Hình 1.9. Bản đồ kinh thành Huế (nguồn: Đại Nam Nhất Thống Chí)

Trải qua bao biến cố thăng trầm của lịch sử nhưng thành phố Huế vẫn giữ được nét cổ kính, trầm mặc và ở đó không gian cảnh quan vẫn còn được giữ gìn và tạo nên nét đặc trưng nổi bật của thành phố Huế ngày nay.

1.2.2. Thực trạng không gian xanh thành phố Huế

a) Hệ thống cây xanh đô thị (công viên, vườn hoa, điểm xanh, cây xanh đường phố, vườn ươm)

Theo quy định của các VBPL hiện hành và báo cáo của Trung tâm công viên cây xanh Huế năm 2015, thành phố Huế có khoảng 134 ha đất cây xanh đô thị bao gồm các công viên, điểm xanh, dải xanh, cây xanh đường phố và vườn ươm với cơ cấu như hình 1.10.



Hình 1.10. Biểu đồ phân loại công viên, cây xanh thành phố Huế [46]

Hiện nay hầu hết các công viên của thành phố Huế hiện hữu có diện tích nhỏ hơn 1,0 ha, một số công viên có quy mô từ vài ha đến 10 ha thường gắn với ven bờ sông như công viên 3/2, Lý Tự Trọng... [46], (Phụ lục 1.1).

Một đặc điểm là trong các công viên ven bờ sông Hương có hệ thống tượng đài được bố trí, sắp xếp sau các cuộc thi tác phẩm nghệ thuật điêu khắc quốc tế và quốc gia. Đây còn là không gian tổ chức các lễ hội hoa xuân hàng năm, Festival Huế, Festival làng nghề được tổ chức 2 năm 1 lần và các hoạt động vui chơi giải trí hàng ngày của người dân. Đường đi bộ Nguyễn Đình Chiểu và khu chợ đêm ở chân cầu Tràng Tiền đã tạo nên không gian công cộng thu hút du khách và cả cư dân thành phố làm tăng sức hấp dẫn của Huế về đêm.

Các điểm xanh là những vị trí trồng cây, thảm cỏ trong khu dân cư hoặc là các vườn hoa chủ yếu gắn với các khu dân cư hiện hữu. Đối với các khu vực

phát triển mới các vườn hoa này hầu hết đang ở trạng thái là bãi cỏ chưa được đầu tư như ở một số khu tái định cư dân vạn đò. Các dải xanh là cây xanh trên vỉa hè, dải phân cách đường hoặc gắn với cầu đường bộ. Các điểm xanh, dải xanh có diện tích nhỏ từ vài trăm m² đến 0,2 ha – 0,5 ha. Chiếm tỷ trọng 23% tổng diện tích cây xanh thành phố.

Để có nguồn cây xanh cho phát triển cây xanh thành phố có 4 vườn ươm được bố trí tại các phường Thủy Xuân, Hương Long, Hương An và Kẻ Vạn với diện tích chiếm 11% tổng diện tích cây xanh của thành phố. Một số KGX khác như đôi Vọng Cảnh, cồn Giã Viên, Bãi bồi số 1 -5 Lê Lợi và nghĩa trang liệt sỹ cũng chiếm một tỷ trọng là 24% tổng diện tích cây xanh công viên thành phố.

b) Rừng đặc dụng và rừng cảnh quan

Theo Nhà nghiên cứu Phan Thuận An, lăng tẩm là dành cho vua và hậu cung thường ngoạn cả khi còn sống lẫn sau khi đã khuất. Hệ thống rừng đặc dụng gắn với các lăng tẩm (lăng là mộ, tẩm là nơi thờ cúng) của các vua triều Nguyễn hiện nay còn tồn tại trong thành phố Huế đã gần 150 năm. Tuy nhiên hiện nay các khu vực này chưa được xác định khoanh vùng bảo vệ theo quy định của Luật Di sản văn hóa 2013 và Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004. Do vậy cần thiết phải có giải pháp đánh giá và làm cơ sở cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị các không gian xanh rất độc đáo này của xứ Huế.

Kiến trúc các lăng đều là các công trình giàu chất nghệ thuật cùng với ngoại cảnh thiên nhiên bao la, hùng vĩ, là sự kết hợp hoàn chỉnh giữa nhân tạo và thiên nhiên.



Hình 1.11. Lăng Tự Đức (nguồn: Công TTĐT Tp Huế)

c) Hệ thống mặt nước sông, hồ

Nổi bật nhất của cảnh quan Huế là hệ thống mặt nước trong đó dòng sông Hương (Rivière des Parfums), có hai nhánh lớn đều bắt nguồn từ dãy Trường Sơn. Nhánh Tả Trạch xuất phát từ Động Dài, chảy qua 55 ngọn thác lớn nhỏ đến ngã ba Bằng Lăng.



Hình 1.12. Các hành lang xanh bên bờ Nam sông Hương (Tác giả)

Nhánh Hữu Trạch bắt đầu từ phía đông núi Chấn Sơn, chảy qua 14 dòng thác rồi nhập với dòng Tả Trạch ở ngã ba trên. Toàn bộ dòng sông dài 100 km, còn tính riêng đoạn sông chính được gọi là sông Hương chỉ dài khoảng 30 km. Sông Bạch Yến và các dòng sông bao quanh Kinh thành là sông Kẻ Vạn, An Hòa, Đông Ba được cải tạo từ sông Bạch Yến và khu vực bờ Nam sông Hương có sông Như Ý, An Cựu và một số chi lưu của hai con sông này. Trong thành phố Huế, hệ thống mặt nước sông hồ không chỉ góp phần làm tăng tính thẩm mỹ mà còn có tác dụng điều hòa làm giảm nhiệt không khí vào mùa hè. Hệ thống sông liên kết với hơn 40 hồ lớn nhỏ, phân bố hầu khắp mặt bằng Kinh Thành, tạo thành một hệ thống thủy đạo liên hoàn, đóng vai trò quan trọng trong việc cân

bằng sinh thái và tiêu thoát nước thải từ nội thành ra ngoại thành. Tổng diện tích mặt sông hồ nước trong khu vực Kinh thành là 29,28 ha [39].

Theo L. Cadriere - Hội Thừa sai Paris [24], thì trong khu vực Kinh thành Huế có 41 hồ. Năm 1993, kết quả khảo sát thực địa của Trần Đức Anh Sơn và Vũ Hữu Minh vẫn nhận diện đủ 41 cái hồ tồn tại bên trong Kinh thành, tuy nhiên trong *Hồ sơ đề nghị điều chỉnh khoanh vùng bảo vệ Kinh Thành Huế* của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế thực hiện vào năm 2005, đã đưa ra con số 33 cái hồ hiện còn tồn tại trong Kinh thành.



Hình 1.13. Hệ thống KGX trong Kinh thành Huế (nguồn: Cổng TTĐT tp Huế)

Như vậy, con số thống kê trong *Hồ sơ đề nghị điều chỉnh khoanh vùng bảo vệ Kinh Thành Huế* đã giảm 8 hồ so với thống kê vào năm 1993 và mô tả của L. Cadriere.

d) Rừng sản xuất và các vườn cây trái

Một đặc điểm của đô thị Việt Nam là có sự đan xen một diện tích khá lớn đất nông nghiệp trong thành phố và thành phố Huế cũng không phải là ngoại lệ. Tuy nhiên một đặc điểm riêng của Huế là hệ thống vườn cây trái của các hộ dân cư là loại vườn phổ biến, hay còn gọi là vườn dân. Đặc tính của vườn dân khá đa dạng, một số có dáng dấp phẳng phát vườn phủ đệ, số còn lại là những vườn kinh tế, chủ yếu là trồng cây trái, hoa hoặc rau, thực phẩm. Đặc biệt hiện nay có

loại vườn cây lâu năm là vườn Thanh Trà, một loại trái cây đặc sản của xứ Huế chủ yếu trồng ở phường Thủy Biều với diện tích khá lớn hơn 110 ha. [39]

Theo báo cáo của UBND thành phố Huế [39] về tình hình sử dụng đất năm 2016, đã cho thấy các khu vực sản xuất nông nghiệp của thành phố Huế có diện tích đến 2.600 ha (bao gồm đất lúa, đất trồng cây lâu năm, hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất mặt nước) chiếm tỷ trọng khoảng 36% tổng diện tích thành phố và đây cũng là tỷ trọng rất lớn so với tổng diện tích đất được phủ xanh của thành phố.

e) Hệ thống vườn gắn với các di sản thế giới và quốc gia

Năm 2003 UNESCO công nhận Quần thể di tích cố đô Huế là Di sản văn hóa của thế giới và Kinh thành Huế được đánh giá là “*đỉnh cao của sức sáng tạo Việt Nam*”, đó là những di sản không những mang ý nghĩa về mặt lịch sử văn hóa, mà còn là những tác phẩm kiến trúc nghệ thuật vô giá cùng với quần thể các di tích Cố đô, trong đó các loại vườn đặc thù rất Huế như vườn Ngự trong Đại Nội, vườn phủ đệ, dinh thự và các không gian tâm linh như vườn chùa, đàn Nam Giao, đàn Xã Tắc. Đó là những không gian xanh di sản có tính đặc thù của thành phố Huế.

- Vườn chùa: Đã từng là “Thủ đô của Phật giáo” Việt Nam [20], Huế có số lượng chùa nhiều nhất so với bất kỳ địa phương nào trên lãnh thổ Việt Nam. Không kể các niệm Phật đường, các chùa khuôn hội, hiện ở Huế có hơn 300 ngôi chùa lớn nhỏ, trong đó trên 100 chùa cổ, hầu hết vẫn giữ được nét cổ kính của kiến trúc Á Đông và Việt Nam. Mỗi ngôi chùa ở Huế là một công trình kiến trúc độc đáo hòa quyện với cảnh quan thiên nhiên. Tuy nhiên hiện nay chưa có các số liệu thống kê đầy đủ về các không gian vườn gắn với các ngôi chùa ở Huế.

- Vườn Ngự uyển: Các vị vua triều Nguyễn khi xây dựng Kinh đô ở Huế đã tận dụng địa hình, địa thế, phong cảnh để biến Kinh đô Huế cùng với hàng loạt khu vườn Ngự uyển có quy mô lớn, tính nghệ thuật và thẩm mỹ cao. Kinh đô Huế đã từng có 30 khu vườn ngự với nhiều dạng thức như Ngự uyển trong

chôn hoàng cung, biệt cung, ly cung như Thiệu Phương Viên, Ngự Viên, Cơ Hạ Viên, Hậu Hồ, Trường Ninh Cung, ...[1]. Tuy nhiên các số liệu về vườn Ngự uyển còn đang rất hạn chế và đang được Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế nghiên cứu, sưu tầm. Riêng vườn Cơ Hạ có diện tích 16.000m² một trong số các vườn Ngự đã được khôi phục và đưa vào hoạt động trong các kỳ Festival Huế từ năm 2014.

- Vườn dinh thự, phủ đệ: Được xây dựng từ cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, là hoa viên trong dinh thự của các ông hoàng bà chúa, quan lại, hoàng thân quốc thích, đa phần tập trung thành từng cụm, tùy theo vị thế xã hội, dòng tộc... và được phân bố chủ yếu ở những khu vực: Vĩ Dạ, Kim Long, Phú Hiệp, Phú Cát... một số nằm rải rác trên địa phận các phường, xã thuộc nội, ngoại thành Huế. Cây trồng trong khuôn viên vườn phủ có tính đa chủng, đa tầng, phục vụ cuộc sống chủ nhân trong nhiều chức năng: bóng mát, thực phẩm, gia vị, hương liệu, dược liệu, nghệ thuật,... [1].

- Nơi tế trời đất: Đàn Nam Giao ở làng Dương Xuân nay là phường Dương Xuân, được thiết lập để hàng năm Vua làm lễ tế Trời, cầu cho quốc thái dân an. Đàn Xã Tắc nằm trong địa phận phường Thuận Hòa trong Thành Nội hiện nay. Hai đàn Nam Giao và Xã Tắc là các không gian xanh mang di sản mang tính chất tâm linh.

1.2.3. Một số đánh giá về thực trạng hệ thống không gian xanh của thành phố Huế

a) Đánh giá hiện trạng hệ thống công viên, vườn hoa: Theo các quy định tại Tiêu chuẩn TCXDVN 362: 2005, hiện trạng hệ thống công viên, vườn hoa được so sánh, đối chiếu tại Bảng 1.1.

Qua bảng 1.1 cho thấy chỉ tiêu đất công viên, vườn hoa của thành phố Huế đạt rất thấp (1,99 m²/người) so với quy định Tiêu chuẩn TCXDVN 362: 2005.

Bảng 1.1: So sánh chỉ tiêu sử dụng đất công viên vườn hoa của thành phố Huế và Tiêu chuẩn TCXDVN 362: 2005 [46]

Loại CV, VH	Số lượng	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu hiện tại (m²/ng)	Chỉ tiêu cần đạt(m²/ng)
Công viên các cấp	5	29,51	0,89	6,0 ÷ 7,5
Vườn hoa, vườn dạo	18	37,96	1,10	2,5 ÷ 2,8
Cộng	23	67,48	1,99	8,5 ÷ 10,3

Tuy nhiên, nếu đánh giá theo quan điểm không gian xanh của Giáo sư Simon Bell, Tổ chức WHO và Bộ Thiết bị, Nhà ở, Giao thông và Du lịch Pháp thì chỉ tiêu này của Huế sẽ cao hơn rất nhiều, chiếm đến hơn 36% so với tổng diện tích đất thành phố Huế, trong đó không bao gồm diện tích mặt nước (Bảng 1.2). Đây chính là một trong những cơ sở để thành phố Huế được Citynet công nhận là “Đô thị xanh Châu Á” năm 2016.

b) Đánh giá hệ thống không gian xanh thành phố Huế

Căn cứ các quy định hiện hành và quan điểm các nhà khoa học Việt Nam và thế giới, hệ thống không gian xanh của thành phố Huế bao gồm: Hệ thống công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố... không gian xanh di sản, rừng cảnh quan; vườn cây trái, hệ thống mặt nước sông, hồ... để có góc nhìn toàn diện đối với hệ thống không gian xanh của thành phố Huế, cụ thể tại Bảng 1.2.

Qua Bảng 1.2 đã cho thấy, tổng diện tích được che phủ xanh bởi thảm thực vật và mặt nước (3.099,58ha) của thành phố Huế chiếm 43,06% tổng diện tích tự nhiên toàn thành phố (7.067ha).

Trong đó các công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố có tỷ trọng thấp nhất 4,3%, tiếp đó các khu rừng, núi, đồi cảnh quan là 10,69%; khu vực mặt nước sông hồ chiếm tỷ trọng 16,7%; vườn cây trái, đất sản xuất nông nghiệp... chiếm tỷ trọng lớn nhất là 68,31% trong tổng diện tích đất được che phủ xanh của thành phố.

Bảng 1.2: Hiện trạng các khu vực được che phủ xanh thành phố Huế năm 2015

Tổng hợp độ che phủ xanh các khu vực								
Rừng đặc dụng		Công viên, vườn hoa, CX đường phố, vườn ươm...			Hệ thống mặt nước, SXNN...		Tổng diện tích	
Diện tích (ha)	% so với TDT	Diện tích (ha)	Tỷ lệ m ² /người	% so với TDT	Diện tích (ha)	% so với TDT	Diện tích (ha)	% so với TDT
331,08	4,6	134	3,78	1,86	2.630,5	36,6	3.099,58	43,06

Tuy nhiên đánh giá trên vẫn chưa đầy đủ, bởi một diện tích tuy không lớn nhưng mang lại những giá trị di sản đặc trưng cho thành phố Huế đó là các khu vườn gắn với những dinh thự, phủ đệ, đền, chùa và các công trình di tích khác trong thành phố mà chưa được thống kê xác định theo vị trí, quy mô để bảo tồn cùng với các công trình di sản đó.

Đánh giá cụ thể che phủ xanh các khu vực tại Bảng 1.2 như sau:

- Tỷ lệ đất cây xanh công cộng đô thị (bao gồm công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố, vườn ươm) đạt thấp là 3,78 m²/người. Nhưng về mặt giá trị, hệ thống các công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố không chỉ mang lại những giá trị phục vụ cuộc sống tinh thần người dân, mà còn đem lại các giá trị về thẩm mỹ đô thị, bảo vệ môi trường, các giá trị về xã hội và tạo động lực phát triển một số ngành kinh tế như du lịch, dịch vụ, thương mại phát triển.

- Với tỷ trọng không gian sản xuất nông nghiệp rất lớn gần 996 ha, nếu nói về vai trò góp phần giảm phát thải khí nhà kính thì không gian này không có mà chỉ có vai trò về kinh tế mặc dù hiệu suất không cao, trong khi đó việc sử dụng phân bón hóa học đang là một trong những nguyên nhân gây suy thoái môi trường đất và nước.

Hệ thống vườn cây trái cùng các nhà Rường ở khu vực Tây Bắc, Tây Nam thành phố cần được duy trì và phát triển, không gian này không chỉ đem lại giá

trị về môi trường mà có những giá trị lớn về phát triển kinh tế và ngành du lịch sinh thái của thành phố Huế.

- Tỷ trọng không gian mặt nước sông, hồ của Huế đứng thứ hai chiếm gần có giá trị lớn trong ứng phó với tác động của BĐKH như tiêu thoát nước thông qua các hành lang xả lũ qua sông Hương ra biển, thì còn có một số vai trò trong một số hoạt động kinh tế như du lịch trên sông, vận chuyển hàng hóa và đặc biệt là những giá trị về lịch, sử văn hóa và sinh thái, cảnh quan của dòng sông.

- Những khu rừng đặc dụng là những đồi, rừng cảnh quan gắn với các di tích lịch sử, văn hóa là những không gian không thể tách rời hệ thống lăng tẩm của các vị Vua triều Nguyễn. Hiện nay các không gian này cũng chưa được thống kê một cách đầy đủ và toàn diện để có giải pháp quản lý phù hợp nhằm góp phần bảo tồn các di tích văn hóa lịch sử gốc và giá trị về môi trường cảnh quan của thành phố Huế.

1.3. Thực trạng quản lý không gian xanh thành phố Huế

1.3.1. Công tác quy hoạch không gian xanh đô thị

Quản lý không gian xanh đô thị được xác định trên cơ sở định hướng phát triển không gian đô thị của đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên Quy định quản lý theo đề án quy hoạch chung hiện nay vẫn đang là dự thảo [8], tại bản dự thảo Quy định quản lý này nội dung về cây xanh công viên được nêu các nguyên tắc, mục đích xây dựng và kế hoạch xây dựng đối với từng loại, công viên và khu vực có trồng cây xanh.

Thành phố Huế hiện tại đã phủ kín quy hoạch chi tiết đạt 90%, tuy nhiên sau Quyết định 649/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế đang tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt trước năm 2014 nhằm đảm bảo sự phù hợp với QHC được duyệt theo Quyết định 649/ QĐ - TTg. Nội dung về

cây xanh công viên trong các quy hoạch chi tiết đã đảm bảo theo các quy định của Nghị định 37/2010/NĐ-CP, Nghị định 38/2010/NĐ-CP và Thông tư số 06/2013/TT-BXD về việc hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị.

Theo quy định hiện hành, đối với các đô thị thuộc tỉnh sẽ không được lập quy hoạch chuyên ngành hệ thống công viên cây xanh để triển khai thực hiện quy hoạch chung, do vậy thành phố Huế cũng không được lập quy hoạch chuyên ngành này mà triển khai lập dự án trồng cây xanh đường phố và quy hoạch định hướng cho các công viên dự kiến hình thành mới.

1.3.2. Công tác đầu tư phát triển

Qua nhiều năm, thành phố Huế tập trung nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, cho nên, vấn đề phát triển hệ thống cây xanh đô thị mặc dù đã được hoạch định trong quy hoạch nhưng thực tế, công tác đầu tư phát triển còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu của xã hội. Chưa đạt chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng theo Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam và theo Quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt. Quy hoạch chung thành phố các mảng xanh lớn là các công viên đã được đầu tư xây dựng như công viên Quang Trung với quy mô 10 ha, một diện tích khá lớn so với một thành phố có diện tích nhỏ như Huế là một cố gắng rất lớn của chính quyền trong công tác thực hiện quy hoạch, tuy nhiên đến nay ngoài khu vực tượng đài vua Quang Trung đã được xây dựng cùng một số hạng mục nhỏ liên quan thì công viên này vẫn còn đang chờ đợi nguồn vốn để tiếp tục đầu tư.

Núi Ngự Bình, đã được quy hoạch trở thành công viên cảnh quan lịch sử của thành phố Huế, hiện do Công ty Bình Minh quản lý phần đất rừng, phần chân núi do UBND phường quản lý hiện tại là hàng ngàn ngôi mộ, mặc dù chính quyền đã có quy định không chôn cất ở đây, nhưng người dân vẫn lén chôn mà chính quyền không thể ngăn chặn được. Đây là một thách thức rất lớn trong việc quản lý phát triển đô thị của thành phố.

Các hành lang xanh theo dọc các tuyến đường trong thành phố, đã được Trung tâm CVCX Huế lập dự án thay thế cây sâu bệnh, cây nghiêng, gãy đổ trên một số tuyến phố và UBND thành phố Huế đã có quyết định phê duyệt. Sở Giao thông vận tải cũng đang triển khai trồng cây trên các tuyến phố mới mở rộng như Đống Đa, Điện Biên Phủ...

Đầu tư cải tạo hệ thống mặt nước: Hệ thống hồ, sông khu vực phía Bắc sông Hương hiện đang có dự án thực hiện Kế hoạch hành động thành phố xanh với sự tài trợ của Ngân hàng phát triển châu Á – ADB sông Ngự Hà và Hồ thành Hào hiện đang được khơi thông dòng chảy, kè hai bờ tạo cảnh quan cùng hệ thống cây xanh đang dần trả lại giá trị lịch sử và hóa cho các dòng sông của thành phố. Đối với hệ thống 41 hồ trong Kinh thành đang cần một nguồn lực rất lớn để đánh giá và phục hồi trả lại những giá trị ban đầu của chúng, tuy nhiên đây là bài toán cần có nhiều thời gian để giải quyết.

Về nguồn vốn đầu tư: Năm 2016 thành phố Huế đã có 12 dự án đầu tư cho việc cải tạo, chỉnh trang các công viên, điểm xanh, dải phân cách, hồ nước trong thành phố với số vốn đến hơn 54 tỷ đồng, chiếm 33,4% tổng vốn đầu tư của thành phố năm 2016. Theo kế hoạch đến năm 2018, để thực hiện Chương trình phát triển các đô thị loại 2 (các đô thị xanh) tổng kinh phí đầu tư cho việc nạo vét, chỉnh trang, kè dọc sông, hồ; một số tuyến đường, cầu cây xanh, quảng trường khu hành chính tập trung,... khoảng 797 tỷ đồng, trong đó kinh phí dành cho cây xanh khoảng 79 tỷ đồng với cơ cấu nguồn vốn vay của ADB, nguồn vốn ADF, OCR, vốn viện trợ không hoàn lại và vốn đối ứng của ngân sách nhà nước.

Như vậy có thể nói, thông qua việc dành nguồn vốn để đầu tư phát triển cây xanh tăng cao hơn đến 46% so với năm 2016 ngân sách của thành phố, mặc dù chưa đáp ứng nhu cầu phát triển nhưng tỷ trọng nguồn vốn này cũng đã nói lên sự quan tâm của thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên Huế cho việc phát triển các KGX nhằm phát triển thành phố Huế theo hướng sinh thái, thân thiện với môi trường và bền vững.

1.3.3. Quản lý khai thác và sử dụng

Tại thành phố Huế, hiện nay hầu hết các công viên hiện có đã tồn tại nhiều năm trước đây được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thường có các hoạt động vui chơi giải trí khá đơn điệu, nghèo nàn và chỉ phục vụ được vào lúc thời tiết mát mẻ mùa thu và mùa xuân, vì các hoạt động ở đây rất thiếu các trang thiết bị và các yếu tố khác để đa dạng hóa các hoạt động phục vụ dân cư.

Về việc quản lý khai thác, bảo trì công viên cây xanh được căn cứ các quy định tại Nghị định số 64/2010 của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các Quyết định của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Việc chăm sóc, duy trì và thay thế công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn thành phố Huế đã được Trung tâm CVCX Huế triển khai thực hiện khá tốt. Tuy nhiên việc khai thác, sử dụng mặt bằng tại một số công viên hiện hữu để kinh doanh, tổ chức dịch vụ đã làm giảm, thậm chí mất đi chức năng là không gian công cộng.

Các sông, hồ trong Hoàng thành do Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế quản lý, nhưng thực tế Trung tâm chỉ quản lý được hai hồ có giá trị lớn về văn hóa lịch sử, còn lại hầu hết các hồ do UBND các phường quản lý và đang xuống cấp trầm trọng. Nguyên nhân chính là do sông, hồ bị bồi lấp lâu ngày, tắc dòng chảy; việc xả thải của người dân quá lớn gây ô nhiễm nguồn nước và do không được sự quan tâm đúng mức của cơ quan quản lý là UBND phường, nơi không đủ năng lực để quản lý.

Đối với các khu rừng đặc dụng, không gian xanh mở việc quản lý theo các quy định của VBPL hiện hành, tuy nhiên vẫn còn nhiều hiện tượng chưa tốt như chặt phá rừng, lấn chiếm xây dựng trái phép trong rừng quan, ...

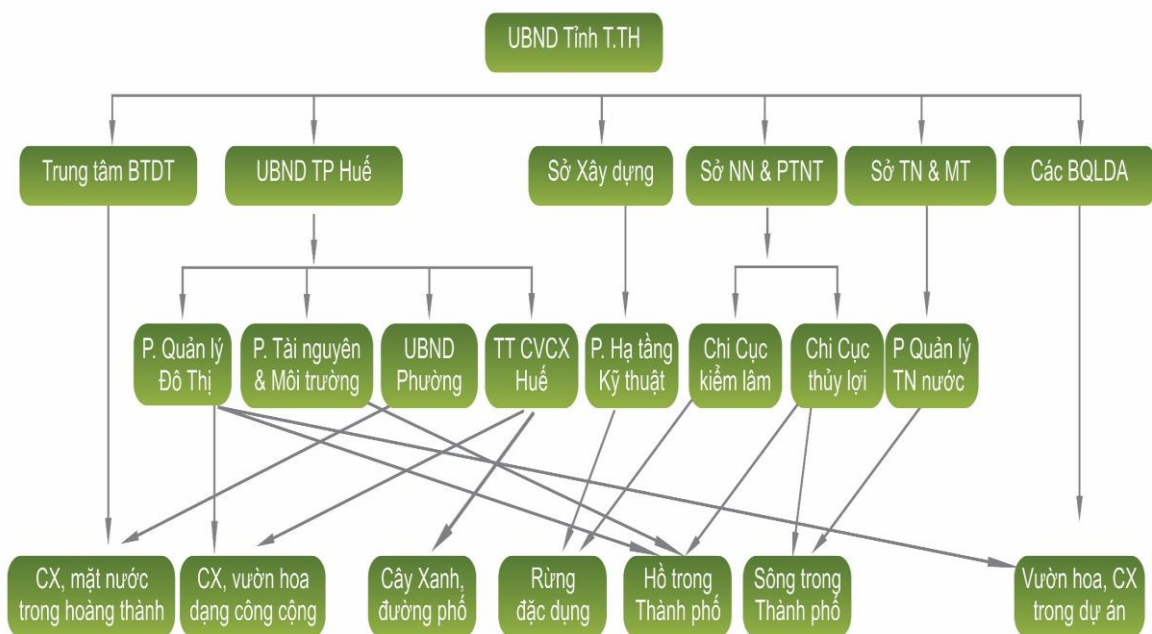
1.3.4. Phân cấp quản lý nhà nước không gian xanh của thành phố Huế

Công tác quản lý không gian xanh đô thị là một quá trình từ các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước là việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành các quy định của pháp luật, đến lập quy hoạch đô thị, công tác đầu tư phát triển và khai thác sử dụng các không gian xanh. Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa

phương, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Di sản văn hóa... và các Nghị định, Thông tư; các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn đã ban hành, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những văn bản quy định về tổ chức quản lý nhà nước, tổ chức trực tiếp quản lý hệ thống công viên, cây xanh, rừng cảnh quan, hệ thống mặt nước sông, hồ... trong thành phố Huế (Hình 1.14). Các chức năng nhiệm vụ cụ thể của các Sở, ngành có liên quan trong công tác quản lý KGX của thành phố Huế được cụ thể như sau:

a) Các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh Thừa thiên Huế

* Sở Xây dựng: Theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/-1/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã phân cấp quản lý, trong đó quy định: Sở Xây dựng là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

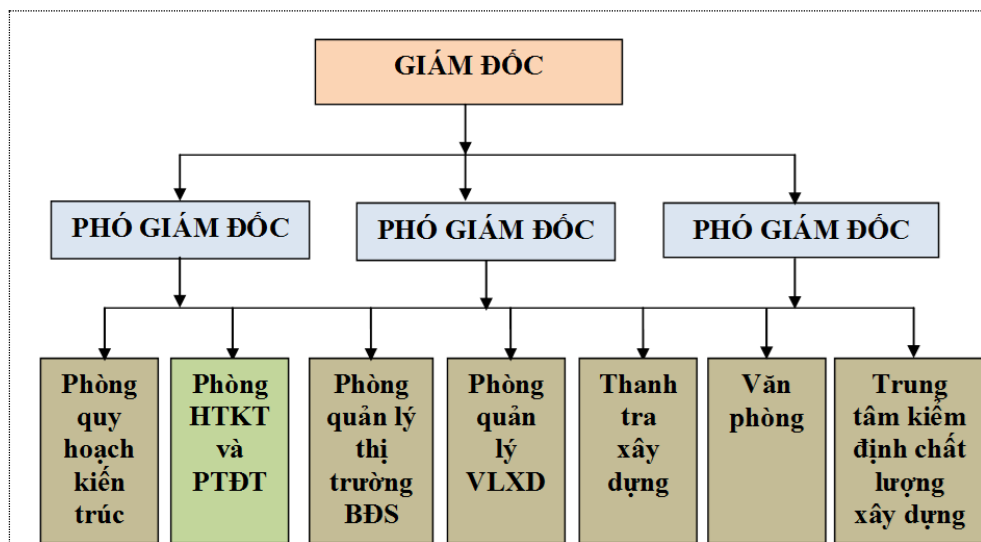


Hình 1.14. Sơ đồ tổ chức quản lý không gian xanh thành phố Huế

UBND thành phố Huế quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn quản lý; phòng chuyên môn của thành phố là cơ quan tham mưu cho UBND thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn quản lý. [53]

- Tại Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND, Sở Xây dựng có 22 nhiệm vụ trong đó nhiệm vụ về quản lý công viên cây xanh là “*Tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm...*”. [51]

* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Theo Quyết định 30/2015/QĐ-UBND, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn có 29 nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ liên quan đến là không gian xanh tự nhiên và bán tự nhiên trong thành phố là “*có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và quyết định xác lập các khu rừng, tổ chức phân loại, xác định ranh giới các loại rừng, trong đó bao gồm rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Phê duyệt phương án điều chế rừng, thiết kế khai thác rừng và thiết kế công trình lâm sinh*”. [52]



Hình 1.15. Sơ đồ tổ chức của Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế

* Sở Tài nguyên và Môi trường: Theo Quyết định 30/2015/QĐ-UBND Sở Tài nguyên và Môi trường có 26 nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ liên quan đến là không gian xanh trong thành phố lập là: “*Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Lập danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp*”.

* Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế: Tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, trong đó có nhiệm vụ liên quan đến không gian xanh là:

- Quản lý cây xanh, mặt nước trong khu vực Kinh thành và các khu vực di sản khác

- Phòng Cảnh quan và Môi trường thuộc Trung tâm có nhiệm vụ là: *“Phân công cán bộ chuyên trách, nhân viên chuyên quản cắt tỉa, bảo dưỡng, chống đổ, phòng trừ sâu bệnh. Trồng dặm cây xanh cho một số điểm di tích; Lập vườn ươm hoa cây cảnh và trồng trang trí cho di tích theo mùa vụ; xây dựng vườn cây xanh, bảo tồn giống. Xây dựng hồ sơ hiện trạng cảnh quan di tích Huế phục vụ nghiên cứu mở rộng để tổ chức phục hồi, tôn tạo nhằm trả lại giá trị cảnh quan môi trường di tích”*. [57]

b) Các tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác vận hành không gian xanh thành phố Huế:

* Trung tâm công viên cây xanh Huế trực thuộc UBND thành phố Huế: là tổ chức được giao trực tiếp quản lý, khai thác, vận hành hệ thống công viên vườn hoa, cây xanh của thành phố Huế là Trung tâm công viên cây xanh Huế trực thuộc UBND thành phố Huế.

- Tại Quyết định số 442/2006/QĐ-UBND ngày 25/4/2006 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Trung tâm công viên cây xanh Huế (Hình 1.16) và Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 24/01/2005 của UBND thành phố Huế về ban hành Quy chế quản lý CVCX thành phố Huế. Tại các văn bản này đã xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Công viên cây xanh Huế, như sau:

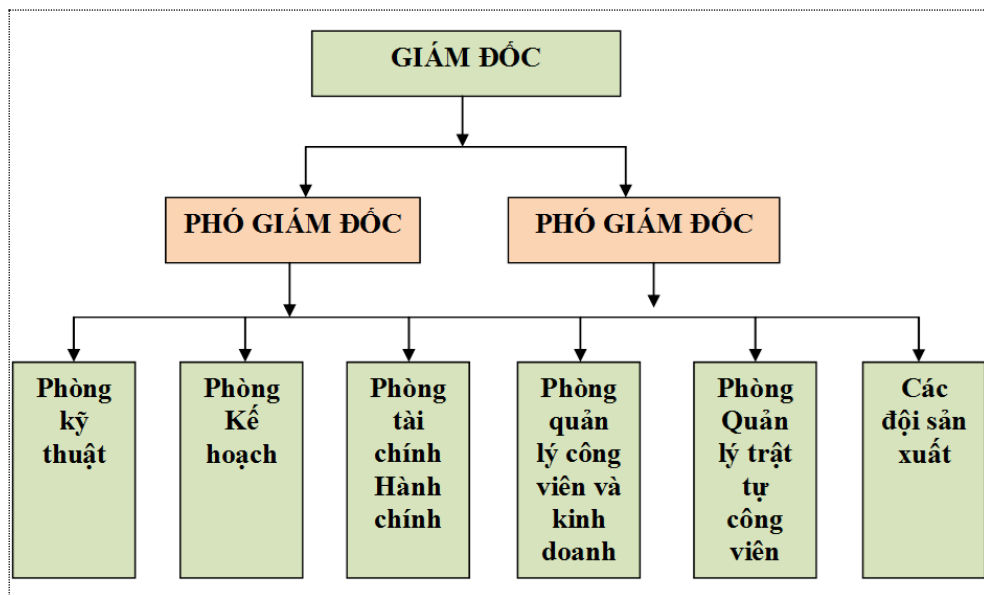
- Trung tâm Công viên cây xanh Huế có nhiệm vụ quản lý toàn bộ hệ thống công viên, cây xanh, điểm xanh trên địa bàn thành phố Huế. Đối với các tuyến đường mới cơ quan quản lý giao thông sẽ bàn giao việc quản lý cây xanh

đường phố sau khi đã hoàn thành xây dựng xong đường và hệ thống cây xanh đường phố để Trung tâm CVCX Huế quản lý, duy trì, chăm sóc. [60]

- Lập kế hoạch phát triển hệ thống công viên, cây xanh trình UBND thành phố phê duyệt để thực hiện. Có trách nhiệm thực hiện dự án phát triển cây xanh đô thị đã được UBND thành phố phê duyệt. [60]

- Tổ chức sản xuất và cung ứng các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực công viên và cây xanh. Đảm bảo diện tích vườn ươm đối với thành phố Huế là $1\text{m}^2/\text{người}$, các đô thị còn lại $0,5\text{ m}^2/\text{người}$.

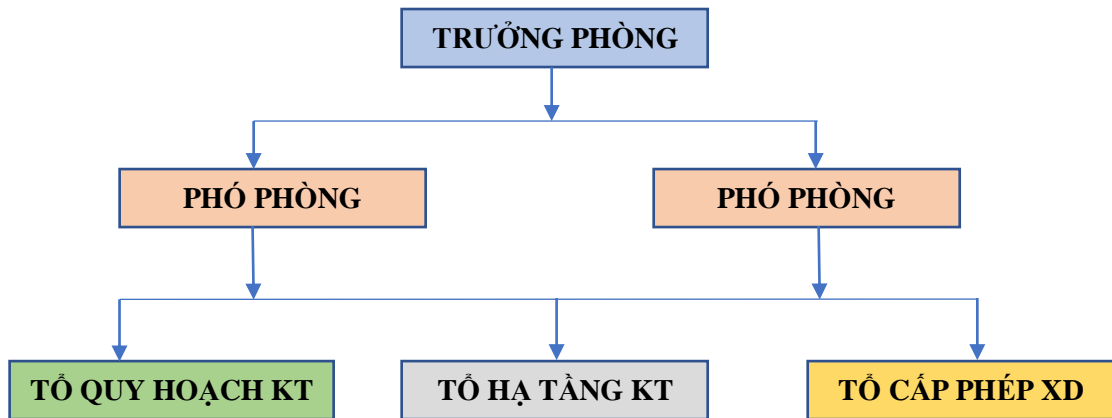
- Trồng cây xanh, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đường phố, cây xanh trong công viên, vườn hoa, quảng trường và khu vực công cộng khác; việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị; đối với cây xanh sử dụng hạn chế, cây xanh bảo tồn, cây nguy hiểm trong đô thị theo quy định [60].



Hình 1.16. Sơ đồ tổ chức của Trung tâm Công viên cây xanh Huế

* Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND thành phố Huế: Theo Quyết định số: 20925/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của UBND thành phố Huế [59], phòng quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, gồm có trưởng phòng, 2 phó phòng và 3 Tổ: Quy hoạch kiến trúc, Hạ tầng kỹ thuật và Cấp phép xây dựng (Hình1.17).

Phòng quản lý đô thị có chức năng tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về 11 lĩnh vực của công tác quản lý xây dựng và phát triển đô thị. Trong đó nhiệm vụ quản lý cây xanh đô thị chỉ là một trong 11 nhiệm vụ thuộc tổ hạ tầng, đó là: “*Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị theo phân cấp của UBND tỉnh*”.



Hình 1.17. Sơ đồ tổ chức bộ máy của Phòng Quản lý đô thị trực thuộc thành phố Huế

Như vậy, có thể nói nhiệm vụ quản lý trong lĩnh vực không gian xanh của phòng QLĐT của thành phố Huế hiện nay là rất hạn chế.

1.3.5. Vai trò tham gia của cộng đồng dân cư, các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong công tác quản lý không gian xanh

- Cộng đồng dân cư: Đối với hệ thống công viên, cây xanh đường phố, cây xanh trong các khu ở chưa có sự tham gia của cộng đồng dân cư trong việc quản lý mà chỉ do Trung tâm CVCX Huế chịu hoàn toàn trách nhiệm. Ý thức người dân và các tổ chức trong quản lý bảo vệ cây xanh chưa cao (còn nhiều hiện tượng như đốt vàng mã, treo am thờ dưới gốc cây; biển quảng cáo trên cây không đúng quy định,...).

- Chủ đầu tư khu đô thị mới: Các khu đô thị mới công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố hoặc hồ nước trong các Khu mới phát triển do chủ đầu tư chịu

trách nhiệm từ thiết kế, đầu tư và chăm sóc, duy trì sau đó chuyển giao lại cho Ban quản lý đô thị mới hoặc Trung tâm CVCX Huế quản lý.

- UBND thành phố hàng năm đều tổ chức Tết trồng cây nhằm phát động một phong trào trồng cây xanh đô thị, góp phần tôn tạo cảnh quan thành phố và nâng cao ý thức của mọi người trong việc bảo vệ và phát triển cây xanh đô thị của. Một trong yếu tố đặc thù là thành phố có nhiều nhà vườn, đã được người dân chăm sóc, duy trì như một nét văn hóa của xứ Huế, chính vì vậy mà các nhà vườn ở Huế vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay.

- Hội Công viên cây xanh Huế: Là tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia đóng góp ý kiến trong công tác quy hoạch đô thị, các dự án thay thế, trồng mới cây xanh đường phố.

1.3.6. Kết quả điều tra xã hội học về nhu cầu của người dân về các công viên vườn hoa trong thành phố Huế

Trong nghiên cứu, luận án lựa chọn 9 địa điểm chứa đựng những biểu hiện theo đặc điểm phát triển đô thị để tiến hành công tác điều tra xã hội học. Cấu trúc của điều tra xã hội học được thực hiện trên cơ sở: (1) Tỷ lệ số người tham gia trả lời câu hỏi điều tra là ngang nhau giữa cư dân khu đô thị mới và làng xóm đô thị hóa; (2) Thành phần tham gia trả lời câu hỏi đa dạng, không phân biệt ngành nghề, tuổi tác, nơi công tác.

Tổng số mẫu phiếu điều tra được phát ra bình quân là 100 phiếu/1 mẫu địa điểm điều tra. Số phiếu thu lại đạt khoảng 64%, trong đó có một số nội dung không được trả lời. Trong số phiếu thu lại, tỷ lệ người dân khu vực lõi đô thị phía Nam sông Hương chiếm tỷ lệ trả lời cao hơn, phản ánh đúng thực tế bức xúc hiện nay. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý không trả lời chiếm tỷ lệ lớn. Từ nội dung điều tra xã hội học, nhu cầu về các hoạt động và sử dụng không gian xanh giữa các khu vực được tổng hợp theo các trọng tâm sau:

- Về chất lượng các công viên, vườn hoa hiện có trong các khu dân cư có kết quả điều tra xã hội học cho thấy 53% đánh giá là chất lượng tốt, số phiếu trả

lời trung bình là 36,9% và 9,7% số phiếu trả lời cho rằng còn có những hoạt động không phù hợp trong công viên, vệ sinh môi trường nhiều chỗ chưa đảm bảo.

- Về nhu cầu đến tham gia các hoạt động trong các công viên, vườn hoa của kết quả điều tra xã hội học với tỷ lệ số phiếu cho thấy rất cần thiết là 50,1%, nhưng 45,6% số phiếu trả lời là không cần thiết cho thấy công viên, vườn hoa ở các khu vực đó chưa có sức hấp dẫn đối với cư dân.

- Về các tiện ích, các trang thiết bị cho các hoạt động vui chơi giải trí trong công viên, tỷ lệ số phiếu đánh giá là cần có là 72,8%, nhưng về chất lượng các trang thiết bị, tiện ích thì chưa nhận được đánh giá thống nhất.

- Về khoảng cách bố trí công viên, vườn hoa đến nơi ở của dân cư nhận được số phiếu đánh giá hợp lý chiếm tỷ lệ 82,6%. Điều này đặc biệt đúng với khu vực đô thị ở bờ Bắc sông Hương và khu phố Pháp, với quy mô diện tích không lớn chỉ gần 71km², nhưng thành phố Huế có đến 24 công viên, vườn hoa thì khoảng cách đến các khu dân cư là rất thuận tiện và hợp lý.

- Về việc xã hội hóa công tác chăm sóc cây xanh thông qua việc miễn tiền phí môi trường hàng tháng của các hộ dân nhận chăm sóc cây xanh trước cửa nhà và cây xanh trong công viên, vườn hoa gần nhà đã nhận được số phiếu trả lời đồng ý là 65,2%. Điều này cho thấy khả năng xã hội hóa việc quản lý cây xanh, công viên trong các khu dân cư là có tính khả thi ở một mức độ khiêm tốn.

1.3.7. Một số tồn tại trong công tác quản lý không gian xanh đô thị

a) Trong công tác quy hoạch không gian xanh

- Đến nay trong các quy định hiện hành chưa có quy định lập quy hoạch chuyên ngành công viên, cây xanh, mặt nước đối với các đô thị trực thuộc tỉnh. Các định hướng phát triển tại đề án Điều chỉnh quy hoạch chung và dự thảo quy định quản lý theo quy hoạch chung được duyệt như hiện nay chưa đủ cơ sở để quản lý vì tất cả đều mang tính định hướng chung. Do vậy rất cần thiết phải có một quy hoạch chuyên ngành hoặc một đề án tổng thể phát triển không gian

xanh thành phố triển khai thực hiện quy hoạch chung đã được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với hệ thống không gian xanh của các đô thị trực thuộc tỉnh có tính chất đặc thù về cảnh quan thiên nhiên nói chung và thành phố Huế nói riêng.

- Vai trò của hệ thống không gian xanh đối với bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính hỗ trợ cho thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng cuộc sống đô thị,... chưa được quan tâm thích đáng trong nội dung quy hoạch đô thị.

- Về công cụ quản lý hệ thống không gian xanh: Tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Huế là địa phương được đánh giá là địa phương có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nói chung khá tốt, tuy nhiên đối với quản lý KGX đô thị việc ứng dụng này còn nhiều hạn chế. Trong kho dữ liệu ở cấp Tỉnh được quản lý bởi Trung tâm công nghệ thông tin trực thuộc UBND Tỉnh không có bản đồ hệ thống công viên cây xanh toàn thành phố. Trung tâm CVCX Huế là cơ quan trực tiếp quản lý cũng chỉ có bản vẽ từng công viên cụ thể, các tuyến đường có trồng cây xanh và các điểm xanh mà cũng không có bản đồ tổng thể hệ thống công viên cây xanh toàn thành phố.

Hiện nay Trung tâm CVCX chỉ sử dụng phần mềm Excel trong công tác quản lý, nhưng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý cũng chưa được cập nhật đầy đủ, thường xuyên có tính khoa học, đồng bộ.

b) Trong công tác đầu tư phát triển

- Hiện nay để triển khai thực hiện đầu tư phát triển các không gian xanh đô thị, các dự án phải căn cứ vào quy hoạch phân khu và các khu vực phát triển đô thị đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Do vậy sau khi quy hoạch chung đô thị được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2014, UBND thành phố Huế vẫn chưa triển khai lập các quy hoạch phân khu và xác định các khu vực phát triển đô thị trình UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt, để làm cơ sở cho việc lập dự án cải tạo hoặc phát triển không gian xanh của thành phố.

- Về nguồn vốn để đầu tư các công viên hiện nay chủ yếu là nguồn vốn của xã hội, nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ có thể đảm bảo một phần công tác chăm sóc, bảo dưỡng các công viên hiện có hoặc có một phần trong một số dự án mới. Các hoạt động dịch vụ phục vụ khách tham quan, khai thác kinh doanh cây hoa kiểng, hội hoa xuân,... là một nguồn thu cho các hoạt động của đơn vị trực tiếp quản lý công viên cây xanh các thành phố hiện nay.

c) Trong công tác khai thác sử dụng

Hầu hết các công viên hiện nay của thành phố Huế chưa thực sự hấp dẫn, vì vậy cần có sự đầu tư về nội dung hoạt động kết hợp với công tác duy trì, bảo dưỡng định kỳ các hạng mục công trình để thu hút hoạt động nghỉ ngơi theo chu kỳ của người dân. Để các công viên có thể hoạt động có hiệu quả trong các điều kiện thời tiết, môi trường khác nhau thì cần thiết phải có các tiện ích, hạ tầng kỹ thuật đầy đủ và đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân đồng thời tạo nên nguồn thu để duy trì cho các hoạt động trong công viên.

Đối với thành phố Huế, tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác vận hành các không gian xanh sử dụng công cộng trong thành phố hiện nay do Trung tâm Công viên cây xanh Huế chịu trách nhiệm. Tuy nhiên trong thực tế nguồn vốn ngân sách cấp cho việc duy trì và phát triển hệ thống công viên cây xanh rất hạn chế, nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh trong các công viên rất ít nên điều kiện để phát triển các KGX của thành phố Huế gặp nhiều khó khăn.

d) Trong công tác tổ chức thực hiện và phối hợp quản lý phát triển

Hiện tại hệ thống không gian xanh của thành phố Huế do 6 cơ quan trực thuộc UBND tỉnh TTH quản lý là: UBND thành phố Huế, Sở Xây dựng, Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế, Sở NN&PTNT, Sở TN&MT và Ban Quản lý các dự án phát triển đô thị. Bên dưới các Sở, ban ngành là các 8 đơn vị trực thuộc các Sở. (Hình 1.14) Với thực trạng này, một loại không gian xanh được quản lý bởi hai đến ba tổ chức, do vậy trong thực tế có nhiều phức tạp và tính hiệu quả của công tác quản lý chưa cao.

Công tác phối hợp giữa các đơn vị quản lý các loại không gian xanh trong đô thị chưa đồng bộ và cũng không có một cơ quan có đủ thẩm quyền trong việc quản lý toàn bộ các không gian xanh trong đô thị đã dẫn đến việc đánh giá thực trạng các KGX trong thành phố chưa đầy đủ. Đối với công tác phối hợp thực hiện trong việc trực tiếp trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh... liên quan đến các phường, các đơn vị thi công hạ tầng kỹ thuật đô thị (dự án mở đường, các công trình cấp nước, thông tin liên lạc...) cũng chưa đồng bộ và triệt để làm ảnh hưởng đến chất lượng của hệ thống cây xanh đường phố.

Việc sử dụng khoa học công nghệ để quản lý hệ thống không gian xanh của thành phố cần được nghiên cứu và đầu tư thích đáng để phát huy tốt các giá trị của các không gian xanh này.

1.4. Các nghiên cứu có liên quan tới đề tài luận án

1.4.1. Các đề tài, dự án nghiên cứu

a) Dự án ***Điều tra, khảo sát và đánh giá thực trạng quản lý và phát triển cây xanh trong các đô thị - Đề xuất các chính sách quản lý và phát triển trong lĩnh vực quản lý cây xanh đô thị*** năm 2005 của Bộ Xây dựng. Dự án đã xây dựng được về cơ bản bức tranh quản lý phát triển cây xanh đô thị Việt Nam giai đoạn trước năm 2005, nêu được những vấn đề trong công tác quản lý cây xanh đô thị như: Công tác quy hoạch đô thị, thiết kế cây xanh trong các đồ án quy hoạch, và tỷ lệ đất dành để phát triển cây xanh/ người đối với một số đô thị có quy mô vừa và lớn (đô thị loại III đến loại đặc biệt) nói chung mà chưa đề cập được những vấn đề và giải pháp đối với các đô thị tính chất đặc thù về văn hóa, lịch sử, cảnh quan như thành phố Huế và một số đô thị khác.

b) Đề tài “***Nghiên cứu cây xanh đô thị trong kiến trúc cảnh quan thành phố Huế***” của nhóm tác giả Phạm Minh Thịnh, Bộ môn cảnh quan và kỹ thuật hoa viên, Đại học Nông lâm thành phố HCM và Tôn Thất Pháp, Mai Văn Phô, Đại học Khoa học tự nhiên Huế. Đề tài nghiên cứu hướng đến sự phù hợp của cây xanh với kiến trúc cảnh quan như: chủng loại cây đặc trưng, gam màu, hình

dáng cây, chiều cao, hình thức bố trí, công dụng, bên cạnh đó là sự phù hợp với điều kiện khí hậu mưa bão, lũ lụt, địa hình, thổ nhưỡng. Trên cơ sở kế thừa, phát huy giá trị di sản văn hoá lịch sử trong điều kiện bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, mang đậm nét đặc trưng và hiện đại của cây xanh đô thị Huế để làm cơ sở cho việc gìn giữ phần không gian xanh (urban - greenspaces) hiện có và để có một chiến lược phát triển ổn định, nhất quán trong tình hình hiện nay.

c) Đề tài “***Nghiên cứu phát triển hệ thống cây xanh thành phố Bến Tre giai đoạn 2011 - 2015***” của Sở Khoa học công nghệ Bến Tre, với mục tiêu đánh giá hiện trạng hệ thống cây xanh của thành phố Bến Tre và đề xuất các giải pháp cải tạo, xây dựng và quản lý cây xanh đô thị. Cụ thể là:

- Tạo cơ sở để lập Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng hệ thống cây xanh công cộng và lập Kế hoạch thực hiện cho nhiều Dự án xây dựng chuyên ngành công viên cây xanh trong thời gian khoảng 10 năm, góp phần chỉnh trang cảnh quan thành phố Bến Tre.

- Làm cơ sở để xác định yêu cầu về cây xanh đối với các dự án xây dựng khu du lịch giải trí, khu đô thị mới, khu dân cư, khu công nghiệp, các công sở và công trình công cộng khác.

- Làm cơ sở để xã hội hóa đầu tư và để phát động các phong trào trồng cây, cải tạo cảnh quan, môi trường trong mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn thành phố Bến Tre.

- Đề xuất các biện pháp tổ chức bộ máy sản xuất, chăm sóc hệ thống cây xanh và các giải pháp hỗ trợ.

d) Dự án: “***Nghiên cứu không gian công cộng tại thành phố Hội An***” do Tổ chức Healthbridge Canada thực hiện. Dự án nghiên cứu với mục tiêu tìm hiểu về không gian công cộng, chính sách phát triển KGCC để từ đó đưa ra các sáng kiến phát triển KGCC cho thành phố Hội An. Cụ thể:

- Không gian xanh bao gồm các công viên vườn hoa, cây xanh tự nhiên được hiểu là một thành tố quan trọng của không gian công cộng. Các chính sách

quản lý và phát triển KGCC của Hội An đã nhấn mạnh đến vai trò của KGX, trong đó việc bảo tồn cảnh quan nhà vườn và các không gian xanh duy trì cảnh quan của ngôi nhà - vườn và không gian xanh theo vành đai bảo vệ phố cổ không được thu hẹp để mở rộng các công trình khác.

- Về các giải pháp kiến nghị về chính sách: Tìm các phương án đầu tư, trong đó các công ty tư nhân đóng góp trong quá trình xây dựng, nhưng vẫn đảm bảo miễn phí cho cộng đồng; Tăng thuế trong thành phố và sử dụng nguồn thu này cho việc phát triển không gian công cộng; Ban hành các chính sách khuyến khích cộng đồng đóng một vai trò tích cực trong việc phát triển không gian công cộng; tìm các biện pháp để đơn giản hóa quy trình đóng góp ý kiến của người dân đến chính quyền địa phương.

- Xây dựng một định nghĩa rõ ràng về không gian công cộng để đưa ra một tiếng nói chung cho cả cộng đồng và chính quyền địa phương.

e) Dự án “*Quản lý đô thị trong bảo tồn và quản lý vườn hoa/ sân chơi khu dân cư trong các quận nội đô Hà Nội*” do Tổ chức Healthbridge Canada và Asia Foundation thực hiện năm 2015.

- Mục tiêu của Dự án là: Tìm hiểu cách thức và lý do tại sao các vườn hoa/sân chơi khu dân cư ở Hà Nội đã và đang bị mất đi hoặc bị xuống cấp; Tìm hiểu về các tổ chức và các tác nhân có thể hỗ trợ tạo lập, bảo vệ và duy trì các vườn hoa/sân chơi khu dân cư ở các cấp địa phương và cấp thành phố Hà Nội; và đề xuất một số biện pháp hỗ trợ nhằm làm tăng số lượng và cải thiện chất lượng các vườn hoa/sân chơi khu dân cư ở Hà Nội.

- Các kết quả đạt được của dự án: Cải thiện chính sách và các quy định của pháp luật: Cần một quy định riêng cho các quận trung tâm lịch sử của Hà Nội; nỗ lực tạo ra quỹ đất công dành cho hạ tầng cơ sở xã hội, trong đó vườn hoa/sân chơi khu dân cư; ...; Thiết lập một hệ thống quản lý thông tin thống nhất của thành phố để quy hoạch và quản lý đô thị tốt hơn; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên, các cơ quan dân cử ở cấp phường nên tích cực hơn trong giám

sát chính sách, tổ chức giám sát cộng đồng và dẫn dắt các hoạt động cộng đồng; Khu vực tư nhân có thể đóng góp tốt để xây dựng vườn hoa/sân chơi khu dân cư, theo những cách khác nhau, bao gồm cung cấp vật liệu đã qua sử dụng hay tài chính. Họ cũng có thể đầu tư trực tiếp vào các công viên công cộng trong khi hưởng lợi nhuận gián tiếp từ đó.

Đánh giá chung:

- Các đề tài nghiên cứu hiện nay chỉ đề cập đến đối tượng nghiên cứu là cây xanh công cộng trong đô thị như cây xanh trong các công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố với mục tiêu tạo lập cơ sở để xây dựng đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng hệ thống cây xanh công cộng, xác định yêu cầu về cây xanh đối với các dự án khu vực phát triển đô thị; các chủng loại cây, đặc tính sinh học của cây và chăm sóc duy trì hệ thống cây xanh đô thị.

- Các nghiên cứu hiện nay chưa quan tâm nhiều đến không gian tự nhiên trong mối quan hệ với không gian xã hội của đô thị theo những mục đích phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được xác định theo các quy hoạch, định hướng, chiến lược phát triển đô thị.

- Một số nghiên cứu của các tổ chức quốc tế đối với từng trường hợp cụ thể nhằm tác động trực tiếp đến chính sách quản lý và phát triển của từng thành phố và các giải pháp cụ thể làm thí điểm cho mục tiêu của nghiên cứu để làm minh chứng cụ thể cho các khuyến nghị của họ.

1.4.2. Các luận án tiến sĩ trong nước và nước ngoài

a) Các luận án tiến sĩ trong nước

- Luận án Phó tiến sĩ Kỹ thuật 2.17.05 với đề tài “*Khai thác và tổ chức cảnh quan trong sự hình thành và phát triển đô thị Việt Nam*” của Hàn Tất Ngạn công bố năm năm 1992 tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. [27]

Luận án đã nghiên cứu nhằm đóng góp vào quá trình hoàn thiện và nâng cao lý luận kiến trúc cảnh quan trong thiết kế quy hoạch đô thị, quản lý đô thị và

bổ sung cho bài giảng về quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan, với các điểm mới sau :

- Đề xuất các nguyên tắc phân tích đồng bộ làm cơ sở khoa học cho việc khai thác và tổ chức cảnh quan trong quy hoạch đô thị.

- Đề xuất phân loại không gian trống trong kiến trúc cảnh quan nhằm xác định mối quan hệ giữa không gian trống và không gian xây dựng.

- Bổ sung, hoàn thiện phương pháp luận quy hoạch từ việc xác định vị trí, hình thể đến quy hoạch các khu chức năng đô thị.

- Đề xuất phương pháp luận nghiên cứu cảnh quan di tích, bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa chúng với đô thị trong quá trình đô thị hóa.

- Đề xuất các nguyên tắc khai thác và tổ chức một số yếu tố tạo cảnh quan trọng của cảnh quan thiên nhiên trong việc hình thành và phát triển đô thị.

- Luận án tiến sỹ “*Khai thác yếu tố cây xanh, mặt nước trong tổ chức không gian công cộng các khu đô thị mới tại Hà Nội*” của Đỗ Trần Tín, công bố năm 2012. [40]

Tại nghiên cứu này tác giả đã đề xuất mô hình cấu trúc quy hoạch hệ thống cây xanh, mặt nước trong các khu đô thị mới; các giải pháp khai thác yếu tố cây xanh, mặt nước trong tổ chức không gian công cộng tại các khu đô thị mới Hà Nội như: Lựa chọn loại cây trồng, tổ chức hệ thống cây xanh, mặt nước; phối kết nghệ thuật cây xanh, mặt nước; huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng và quản lý không gian xanh và lựa chọn hình thức quản lý khai thác sử dụng không gian xanh.

Trong số các giải pháp của tác giả, giải pháp có sự tham gia của cộng đồng đã được đề xuất từ khâu thiết kế quy hoạch với các bước điều tra thu thập tài liệu, khảo sát thực tế và triển lãm lấy ý kiến của nhân dân trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Về cơ chế chính sách tác giả đưa ra sự hỗ trợ về tài chính thông qua thị trường tài chính, huy động các nguồn lực xã hội và chính sách miễn giảm tiền sử dụng đất, chậm nộp tiền sử dụng đất.

Về việc lựa chọn hình thức quản lý khai thác sử dụng không gian xanh tác giả đã đưa ra 3 hình thức: Nhà nước, chủ đầu tư quản lý và tự quản.

- Luận án tiến sỹ “*Tổ chức kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng đô thị sinh thái (lấy đô thị Đà Nẵng làm địa bàn nghiên cứu)*” của Tô Văn Hùng Đại học Xây dựng, công bố năm 2015. [18]

Luận án đã có những ý nghĩa khoa học và đóng góp mới như sau: Đánh giá tổng quan quá trình tổ chức KTCQ đô thị trên thế giới và Việt Nam qua lăng kính sinh thái học, rút ra kinh nghiệm tổ chức KTCQ đô thị hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Phân tích quá trình khai thác cảnh quan tự nhiên trong quá trình xây dựng đô thị Đà Nẵng qua các thời kỳ. Trên quan điểm tính hệ thống, rút ra bài học tổ chức KTCQ đô thị trong tương lai.

Qua nghiên cứu các lý thuyết sinh thái cảnh quan, thẩm mỹ đô thị và các lý thuyết sinh thái đô thị trên thế giới, tác giả đã xây dựng được 7 nguyên tắc chung mang tính chỉ dẫn quá trình tổ chức KTCQ đô thị nói chung phù hợp với điều kiện VN hiện nay, bao gồm 3 nhóm tiêu chí và 21 tiêu chí.

Vận dụng các tiêu chí đã đề xuất, thực hiện khảo sát trên diện rộng nhằm thu thập ý kiến đánh giá tổ chức KTCQ đô thị Đà Nẵng. Trên cơ sở đó xây dựng nhiệm vụ tổ chức KTCQ đô thị và đề xuất giải pháp tổ chức KTCQ đô thị Đà Nẵng theo hướng sinh thái gắn với định hướng phát triển tổng thể từ nay đến 2030 và tầm nhìn đến 2050.

- Luận án tiến sỹ “*Nghiên cứu, đánh giá tổng hợp chất lượng môi trường không khí khu vực Hà Nội*” của Phạm Thị Việt Anh, Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học quốc gia, công bố năm 2014. [2]

Mục tiêu của luận án nhằm nghiên cứu, xây dựng được một phương pháp đánh giá tổng hợp chất lượng môi trường không khí có tính đến các yếu tố giảm nhẹ ô nhiễm thông qua độ che phủ của cây xanh, mặt nước làm cơ sở cho việc đánh giá, phân hạng chất lượng môi trường không khí khu vực Hà Nội cũ (địa

giới hành chính trước ngày 01/8/2008) phục vụ công tác quản lý, giám sát chất lượng môi trường thành phố Hà Nội.

b) Các luận án tiến sĩ ở nước ngoài

- Luận án tiến sĩ: “*Lợi ích của khu dân cư và quản lý không gian xanh – trường hợp đối với khu nhà ở cho thuê của Thụy Điển - Green space management and Resident’s Benefits – A Study of Swedish Rental Multi-Family Housing Areas*” – của Therese Lindgren, Swedish University of Agricultural Sciences, Alnarp 2010. [85]

Luận án đã đề cập tới công tác quản lý không gian xanh tại các khu vực nhà ở có nhiều hộ gia đình sinh sống tại Thụy Điển và thảo luận về những lợi ích mà dân cư sinh sống tại những khu vực này được hưởng từ việc duy trì những không gian xanh.

Việc duy trì các không gian xanh ở khu dân cư nhìn chung được thực hiện bởi những nhân viên có chuyên môn và các cư dân sẽ không đóng góp gì vào việc này. Việc duy trì các không gian xanh được ước tính chiếm khoản 1,5 % tổng chi phí hàng năm mà các công ty nhà ở phải chi trả trong lĩnh vực đầu tư vào các khu nhà ở nhiều hộ gia đình. Thực tế, việc duy trì các không gian xanh đã được chỉ ra là một phần bất lợi trong các hoạt động của các công ty nhà ở, cả về mặt kinh tế và mặt chuyên môn (Hansson and Nilsson-Hellström, 1993). Duy trì không gian xanh dường như nhận được sự ưu tiên khá thấp từ lĩnh vực nhà ở cho thuê ở Thụy Điển.

Luận án đánh giá quan điểm của người dân về cách thức duy trì không gian xanh và quan điểm về chất lượng kỹ thuật mà công tác duy trì này mang lại. Ở nghiên cứu này tác giả đã mang lại những quan điểm, giải pháp cụ thể đối với việc duy trì, chăm sóc cây xanh trong những nhóm nhà ở cho thuê với sự tham gia của dân cư sống tại khu vực này. Đây là một giải pháp rất hiệu quả đối với việc quản lý các không gian xanh trong các khu nhà ở.

- Luận án Tiến sỹ: “*Green Space use and Management in Malaysia*” của Abdul Aziz Nor Akmar Binti (Publication date: 2012). [66]

* Mục đích của luận án là tập trung vào tầm quan trọng của việc sử dụng và quản lý không gian xanh ở Malaysia, gồm:

- Đạt được những hiểu biết tốt hơn của dân cư trong việc sử dụng KGX và sự ưu tiên của các thành phố đối với KGX

- Nhìn nhận những lợi ích về môi liên quan giữa khoảng cách từ nơi ở đến vị trí KGX và việc sử dụng KGX

- Đem lại những đánh giá về môi liên quan giữa KGX và sức khỏe người dân

- Lợi ích chung của quy hoạch, quản lý KGX ở Malaysia thông qua trường hợp khu vực đô thị hóa cao ở Klang Valley.

* Việc phân tích các chính sách về quy hoạch và quản lý KGX ở Malaysia gồm: Ai chịu trách nhiệm soạn thảo văn bản pháp luật, chính sách quản lý KGX ở Klang Valley; cá nhân và bên liên quan nào tình nguyện trong quy hoạch và quản lý KGX trong các thành phố; mục tiêu, kế hoạch và quản lý việc duy trì và phát triển KGX thành phố như thế nào? những công chức của thành phố đánh giá tình hình thực tế về việc quy hoạch và quản lý KGX thành phố của họ như thế nào?

* Chức năng nghỉ ngơi trong KGX, tác động ảnh hưởng của xã hội dân sự đến sử dụng KGX trong thành phố Kuala Lumpur và Kuching đã được tác giả đề cập khá rõ ràng cũng như vấn đề sự khác biệt như thế nào của các nhóm sử dụng KGX cùng các nhân tố xã hội dân sự và kinh tế cũng như khoảng cách gần công viên nhất từ khu dân cư.

* Trường hợp các nghiên cứu về sự liên quan giữa việc sử dụng KGX và tăng cường sức khỏe của người dân được tác giả nêu ra 3 nội dung (i) Có những mối liên quan nào giữa đặc điểm xã hội dân sự, kinh tế và sử dụng KGX và sự gián tiếp cảm nhận về sức khỏe của họ (ii) khoảng cách đến công viên, tần suất

sử dụng công viên ảnh hưởng gián tiếp đến sức khỏe của họ (iii) làm thế nào để sử dụng các loại KGX trong khuyến cáo có thể đem lại cho bạn thân, các thành viên trong gia đình họ nếu có những kinh nghiệm về sự căng thẳng hoặc những mối lo sợ ?

1.5. Những vấn đề cần nghiên cứu của luận án

Trên cơ sở phân tích các vấn đề thực tiễn của công tác quản lý không gian xanh tại thành phố Huế, kinh nghiệm quản lý không gian xanh của một số thành phố trong nước và nước ngoài, kết quả nghiên cứu của các đề tài, luận án trong nước và nước ngoài trong thời gian vừa qua, tác giả cho rằng một số vấn đề còn tồn tại, bất cập của công tác quản lý không gian xanh đô thị là:

1. Trong công tác lập quy hoạch đô thị, một số quy định tại các văn bản pháp lý hiện hành không còn phù hợp do vậy cần có những điều chỉnh, bổ sung nhằm làm cho các sản phẩm quy hoạch đô thị đáp ứng được yêu cầu quản lý khi triển khai thực hiện.

2. Việc nhận diện không gian xanh chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác hội nhập quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu. Do đó cần thiết phải nghiên cứu và đề xuất khái niệm không gian xanh; phân loại và phân vùng để kiểm soát phát triển không gian xanh theo mục tiêu của thành phố.

3. Việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ cho công tác quản lý như xác định độ che phủ xanh đô thị, là cơ sở cho việc xác định vai trò giảm phát thải khí nhà kính của KGX cũng như việc sử dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để quản lý cần được bắt đầu từ một thành tố quan trọng là “cá thể cây xanh” đến tổng thể các không gian xanh cũng chưa được áp dụng.

4. Việc khai thác sử dụng các không gian xanh chưa đáp ứng tốt yêu cầu vui chơi giải trí, nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần, thể chất người dân. Đặc biệt nhận thức về bảo vệ môi trường cho thanh, thiếu niên, nhi đồng chưa được quan tâm đưa vào trong các hoạt động quản lý từ công tác lập quy hoạch đô thị đến đầu tư phát triển và quản lý khai thác sử dụng.

Từ những vấn đề bất cập nêu trên, các vấn đề cần nghiên cứu của Luận án được xác định, gồm:

- Trên cơ sở đánh giá tổng quan về quản lý không gian xanh tại một số thành phố trên thế giới và Việt Nam, nhận diện những nét đặc thù của không gian xanh của thành phố Huế. Để từ đó xác định những vấn đề tồn tại, những yếu tố tác động đến công tác quản lý các không gian xanh của thành phố.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học với các quan điểm, lý thuyết về quản lý đô thị và quản lý không gian xanh của thế giới và Việt Nam.

- Đề xuất các giải pháp quản lý nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với KGX của thành phố Huế và áp dụng cho các đô thị khác của Việt Nam, hướng đến phát triển đô thị Xanh – Bền vững.

Chương 2: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH THÀNH PHỐ HUẾ

2.1. Cơ sở lý thuyết

Trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng rõ nét ở Việt Nam với những ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý phát triển đô thị, do vậy bảo vệ môi trường đang là yêu cầu cấp bách đối với Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay. Không gian xanh có vai trò to lớn trong bảo vệ môi trường sinh thái, trong đời sống của con người và cảnh quan đô thị, đồng thời góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của từng đô thị. Các cơ sở lý luận, lý thuyết về quản lý không gian xanh sẽ soi sáng cho các vấn đề tồn tại của thực tiễn quản lý và là cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp để khắc phục các vấn đề bất cập của công tác quản lý quản lý không gian xanh đô thị nói chung và không gian xanh của thành phố Huế.

Lý luận về quản lý đô thị cho thấy tính hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước đối với không gian xanh từ công tác quy hoạch và quản lý xây dựng đô thị mà trong đó không gian xanh là một bộ phận quan trọng trong cấu trúc đô thị. Lý thuyết về thẩm mỹ không gian đô thị hiện đại với ý nghĩa cho công tác thiết kế đô thị, nâng cao tính thẩm mỹ trong quản lý phát triển không gian xanh đô thị. Lý thuyết về sinh thái học, các xu hướng phát triển đô thị xanh, đô thị sinh thái... cũng đã khẳng định vai trò then chốt của không gian xanh trong việc giữ gìn cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học và những lợi ích do không gian xanh đô thị mang lại cho cuộc sống con người trong các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Việc phân tích vai trò, chức năng của không gian xanh trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng, các lợi ích trong quản lý phát triển đô thị, cùng với các cơ sở lý luận khoa học, quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và các yếu tố tác động đến công tác quản lý không gian xanh sẽ là những nền tảng để

nghiên cứu và đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp đối với công tác quản lý không gian xanh của thành phố Huế.

2.1.1. Khái niệm không gian xanh của Luận án

Như đã đề cập ở phần mở đầu của Luận án, khái niệm không gian xanh ở Việt Nam hiện nay chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và chưa có trong các quy định hiện hành. Do vậy, khái niệm này cần được làm rõ hơn dựa trên một số quan điểm của các nhà khoa học thế giới và trong nước cũng như quy định của văn bản pháp luật nước ngoài và của Việt Nam để từ đó đúc rút ra một khái niệm đầy đủ và rõ ràng hơn.

a) Khái niệm không gian xanh đô thị theo quan điểm của một số nhà khoa học và quy định của văn bản pháp luật nước ngoài

* Theo Giáo sư Simon Bell, trường Đại học tổng hợp Estonian – Hoa Kỳ: Không gian xanh bao gồm các công viên và các khu vườn công cộng, vườn cá nhân, nghĩa trang, cây xanh trên các tuyến đường phố, dọc các bờ sông với cây xanh và các thảm thực vật, các hành lang giao thông vận tải với các cây xanh và các thảm thực vật [85].

* Theo Md. Atiqul Haq - Trường tổng hợp HongKong: Không gian xanh là các không gian mở công cộng và tư nhân, bao gồm cả các thảm thực vật trong đô thị có ảnh hưởng tới môi trường đô thị [77].

* Theo Tổ chức sức khỏe thế giới WHO: Không gian xanh như công viên, sân thể thao cũng như rừng và các đồng cỏ tự nhiên, đất ngập nước hoặc các hệ sinh thái khác, là một thành tố cơ bản của bất kỳ hệ sinh thái đô thị nào [90].

* Quy định của Bộ Thiết bị, Nhà ở, Giao thông và Du lịch Pháp [76], “Không gian xanh” có nhiều ý nghĩa khác nhau tùy theo các ngành nghề liên quan, cụ thể:

- Nhà quy hoạch đô thị coi khái niệm này giống như không gian đô thị; Kiến trúc sư nói về không gian tự do hoặc không gian bên ngoài để chỉ các không gian xanh; Các cơ quan kỹ thuật của thành phố kết hợp các không gian

xanh vào trong các công viên, các khu vườn của thành phố cũng như trong việc trồng cây ven đường;

- Theo nghĩa rộng, không gian xanh bao gồm: Toàn bộ các các khu rừng, công viên, các khu vườn và các hàng cây và cây trồng xen kẽ; toàn bộ các diện tích xanh ngoại ô và nông thôn, đặc biệt là các khoảng rừng, các vành đai xanh.

- Theo nghĩa hẹp đó là không gian xanh đô thị, là sự tuân thủ các quy định về bảo vệ và xây dựng, khác với các quy định dành cho các không gian xanh của rừng và các không gian xanh vùng nông thôn. (Các không gian xanh là rừng tuân thủ theo quy định của Bộ luật về Rừng).

b. Khái niệm không gian xanh đô thị theo quan điểm của một số nhà khoa học và quy định của văn bản pháp luật trong nước

* Theo GS.TS.KTS Đỗ Hậu: Không gian xanh trong khu đô thị mới bao gồm: Công viên, vườn hoa, vườn dạo, hồ nước (tự nhiên hoặc nhân tạo), quảng trường; các khu vực công cộng khác trồng cây, thảm cỏ và cây xanh trong khuôn viên của các tổ chức, cá nhân. [17]

* Thông tư số 06/2013/TT-BXD hướng dẫn về thiết kế đô thị đã xác định không gian xanh của đô thị bao gồm “*hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, công viên hoặc rừng tự nhiên, nhân tạo trong đô thị*”.

c) Khái niệm không gian xanh của tác giả

Từ việc nghiên cứu những quan điểm của các nhà khoa học quốc tế và trong nước và quy định tại các văn bản pháp luật trong nước và nước ngoài, tác giả đề xuất khái niệm không gian xanh trong Luận án như sau:

*** Không gian xanh: Là những không gian mặt đất, mặt nước với các đặc điểm địa lý khác nhau đã được tự nhiên hóa bởi các loài thực vật, động vật. Không gian xanh bao gồm: Không gian xanh tự nhiên, không gian xanh bán tự nhiên và không gian xanh nhân tạo.**

*** Không gian xanh tự nhiên:** Là không gian xanh với những loài thực vật, động vật đặc trưng bản địa tái sinh mà không có sự can thiệp của con người.

Các tác động của con người vào không gian xanh tự nhiên nếu có thì rất hạn chế, chỉ nhằm mục đích chính là bảo vệ sự đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên.

* **Không gian xanh bán tự nhiên:** Là các không gian xanh tự nhiên, nhưng có sự can thiệp của con người theo các mức độ khác nhau tùy thuộc mục tiêu bảo vệ và phát triển các KGX này và các mục tiêu phát triển khác.

* **Không gian xanh nhân tạo:** Là không gian xanh tự nhiên, bán tự nhiên hoặc các khu vực đất trống đã được con người đầu tư trồng cây xanh, thảm thực vật; xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các công trình, trang thiết bị với các hoạt động nhằm phục vụ các mục tiêu nâng cao sức khỏe tinh thần thể chất của người dân và các mục tiêu khác (thẩm mỹ đô thị, môi trường đô thị và kinh tế đô thị,...).

d) Không gian xanh thành phố Huế theo khái niệm không gian xanh của Luận án

- Căn cứ khái niệm không gian xanh tự nhiên tại điểm c mục 2.1.1 của Luận án, thì trong toàn bộ diện tích được che phủ xanh bởi thảm thực vật và mặt nước của thành phố Huế không có khu vực nào phù hợp với tiêu chí là không gian xanh tự nhiên.

- Trên cơ sở những yếu tố cốt lõi đã tạo nên nét đặc thù về cảnh quan của thành phố Huế, khái niệm không gian xanh bán tự nhiên tại điểm c, mục 2.1.1 của Luận án và và theo quy định tại khoản 2, Điều 21, Mục 6, Nghị định số 117/2010/NĐ-CP về Sử dụng bền vững tài nguyên, hoạt động dịch vụ trong khu rừng đặc dụng: “*Đối với khu rừng bảo vệ cảnh quan: Được tận thu gỗ, củi, thực vật rừng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh để bảo tồn, tôn tạo, khôi phục hệ sinh thái, cảnh quan, văn hóa, lịch sử và trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình theo dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; được khai thác, sử dụng bền vững các loài thực vật không thuộc danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm; được thu thập mẫu vật, nguồn gen sinh vật*”.

Với những cơ sở nêu trên và thực tiễn cho thấy các khu rừng đặc dụng, núi, đồi cảnh quan gắn với các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trong thành phố Huế là những không gian mặt đất được bao phủ bởi các loài thực vật tự nhiên nhưng có sự can thiệp của con người trong việc xây dựng các công trình di tích lịch sử, văn hóa và một số công trình dân sinh, do vậy các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ của thành phố Huế được xác định là những không gian xanh bán tự nhiên.

Các dòng sông là những không gian mặt nước được hình thành do sự kiến tạo địa chất tự nhiên như sông Hương, sông An Cựu,...; hoặc Hồ Tịnh Tâm, hồ Học Hải có nguồn gốc từ sông Bạch Yến chảy qua Kinh thành,... cùng các không gian mặt nước khác là những danh thắng nổi tiếng của đất Cố Đô. Tuy nhiên với vị trí nằm giữa lòng đô thị, các không gian mặt nước với nguồn gốc là một không gian xanh tự nhiên nhưng trong quá trình phát triển Kinh thành, các không gian xanh tự nhiên này đã được tác động bởi con người để mang thêm sứ mệnh phục vụ cuộc sống thông qua các hoạt động kinh tế xã hội như du lịch, thưởng ngoạn, giao thông, nuôi trồng thủy sản (sen Tịnh Tâm một thương hiệu nổi tiếng của Xứ Huế),... Do vậy theo khái niệm về KGX tại điểm c, mục 2.1.1 của Luận án, các không gian này của thành phố Huế được xác định là những không gian xanh bán tự nhiên.

- Căn cứ khái niệm không gian xanh nhân tạo tại điểm c mục 2.1.1 của Luận án và các quy định của pháp luật hiện hành, các không gian đã được đầu tư trồng cây xanh, thảm thực vật, bao gồm cả mặt nước, được xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các công trình, trang thiết bị với các hoạt động nhằm phục vụ cuộc sống con người, bao gồm các công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố, vườn ươm của thành phố Huế được xác định là các không gian xanh nhân tạo.

Ngoài ra, một đặc điểm chỉ riêng Huế mới có là hệ thống vườn gắn với các công trình di sản như đã nêu tại mục 1.2.2, bao gồm vườn Ngự (Vườn Thiệu Phương, Hậu Hồ, Trường Ninh Cung, Cơ Hạ,... những không gian đã được thiết

kế theo ý tưởng của các vị vua uyên bác, tài hoa); vườn phủ đệ, dinh thự và các không gian tâm linh như vườn đền, Chùa (Chùa Thiên Mụ, Tổ đình Từ Hiếu) và các đàn tế trời đất Nam Giao, Xã Tắc là những không gian gắn với các di sản của thành phố Huế. Các không gian này đã được thiết kế, đầu tư và quản lý sử dụng bởi trái tim, khối óc và bàn tay con người, phục vụ cho cuộc sống con người, do vậy các không gian này của thành phố Huế được xác định là các không gian xanh nhân tạo di sản đặc thù.

2.1.2. Vai trò, chức năng của không gian xanh

a) *Vai trò tác dụng của không gian xanh đô thị:* Không gian xanh có tác dụng điều hòa nhiệt độ các khu vực có các không gian xanh nhiệt độ sẽ giảm đi rất nhanh khi mặt trời hết nắng (trong khi bề mặt rắn như đá, bê tông, ... vẫn còn kéo dài vài giờ). Khu vực có các không gian xanh sẽ làm tăng độ ẩm không khí do việc bốc hơi nước của bề mặt lá, mảng cây xanh càng lớn thì độ ẩm tương đối càng lớn.

Các không gian xanh làm giàu oxy và giảm khí carbonic trong không khí, cản gió, giảm bụi bay xa và có tác dụng chống ồn rất lớn. Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy nồng độ bụi trong môi trường có cây xanh thấp hơn nhiều so với khu vực có công trình xây dựng không có cây xanh. Một số quan trắc cho thấy mức ồn ở hai bên đường phố không có dải cây xanh lớn gấp 5 lần (tính đến tầm cao trung bình con người) mức ồn hai bên đường có các dải xanh dọc vỉa hè [27].

b) *Chức năng của không gian xanh:* Không gian xanh với nhiều hình thức khác nhau và thực hiện các chức năng cần thiết trong đời sống đô thị, cụ thể như:

- * Cung cấp không gian và cơ sở vật chất cho người dân tham gia các hoạt động giải trí thụ động và tích cực phục vụ sức khỏe thể chất và tinh thần.
- * Chức năng về giải trí: Cung cấp các cơ hội cho sự tương tác xã hội.
- * Chức năng văn hóa, lịch sử: Không gian xanh cũng là nơi chứa các di tích lịch sử và là địa điểm cung cấp các chức năng văn hóa.

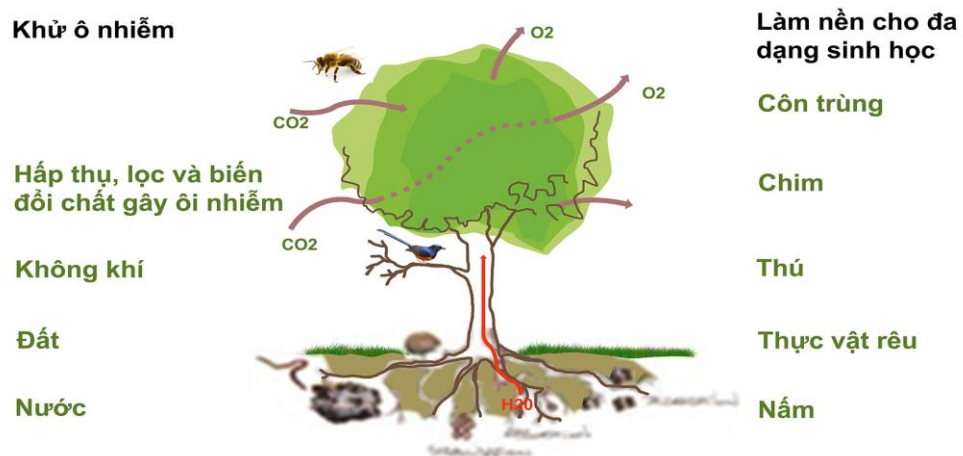
* Chức năng thẩm mỹ và thiết kế đô thị: Đây là nơi bổ sung sự tương phản giữa thiên nhiên và công trình xây dựng nhân tạo và nâng cao thẩm mỹ đô thị; tăng cường tính cộng đồng bằng cách tạo ra không gian cho sự hoạt động tập trung của con người [70].

c) Các lợi ích về môi trường, xã hội và kinh tế

Với chức năng là một bộ phận cấu thành trong cấu trúc không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, không gian xanh đô thị đã được xác định có những vai trò hết sức quan trọng đối với đời sống đô thị và cuộc sống dân cư đô thị như những lợi ích về môi trường, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn thiên nhiên, thúc đẩy đa dạng sinh học, lợi ích về kinh tế, xã hội,... như sau:

** Các lợi ích về môi trường*

Các không gian xanh góp phần quan trọng trong việc giảm biến đổi khí hậu toàn cầu bằng cách thu giữ carbon dioxit trong không khí phát ra từ các hoạt động bằng nhiên liệu hóa thạch cũng như các hoạt động hàng ngày của đô thị. Bảo vệ và tăng dự trữ nguồn nước với việc giữ lại nước mưa trên lá và rễ của cây xanh nên nước mưa không bị cuốn trôi ra biển.



Hình 2.1. Sơ đồ các lợi ích về môi trường của không gian xanh [49]

Mỗi năm hệ thống cây xanh của thành phố New York đã giữ lại 1,35 tấn Carbon, giá trị khoảng 24,9 triệu USD [70], một cây xanh có thể tẩy được 26pound carbon dioxid từ không khí hàng năm tương đương lượng khí thải do xe ô tô chạy 11.000 dặm (hình 2.1.). Trung bình một cây xanh trưởng thành giữ lại được khoảng 1,525 gallons nước mưa. Tổng giá trị này làm lợi cho thành phố New York hàng năm hơn 35 triệu USD. [70]

* *Lợi ích về xã hội:* Những lợi ích về mặt giải trí đối với cá nhân, cộng đồng sẽ được hưởng bởi sự cung cấp của các không gian xanh về sức khỏe. KGX cung cấp cho các hoạt động thể chất ngoài trời hỗ trợ các kỹ năng sống cho trẻ em trong cuộc sống. Các hoạt động thể chất thường xuyên sẽ mang lại sức khỏe như giúp ngăn ngừa một số bệnh như béo phì, tim mạch, huyết áp cao...; thúc đẩy sự phát triển của tâm lý, giảm lo âu căng thẳng, xây dựng và duy trì tốt xương khớp, cơ bắp... nói chung tiếp xúc với cây xanh làm cho con người khỏe mạnh hơn.

* *Lợi ích cộng đồng:* Không gian xanh cung cấp một nơi có sự giao tiếp, giảm sự xa lánh cô đơn và hành vi chống lại xã hội. Vui chơi giải trí cộng đồng thúc đẩy sự hòa hợp dân tộc và văn hóa, là cơ hội vui chơi giải trí đối với mọi người và đặc biệt với người khuyết tật và hoàn cảnh khó khăn; là nền tảng cho lòng tự hào của cộng đồng.

* *Lợi ích về kinh tế:* Không gian xanh mang lại những lợi ích về kinh tế như tiết kiệm năng lượng, làm tăng giá trị bất động sản tại các vị trí gần các mảng xanh lớn. Cụ thể:

- Tiết kiệm năng lượng: Một số nhà khoa học đánh giá không gian xanh đô thị sẽ giúp tiết kiệm năng lượng do cải thiện lưu thông không khí, cung cấp bóng râm và làm cho nhiệt độ không khí giảm xuống. Một công viên có diện tích 1,2 kmx 1,0 km có thể làm thay đổi nhiệt độ không khí các khu vực xung quanh đó trong phạm vi đến bán kính 4 km. [86] Một nghiên cứu ở Chicago chỉ ra rằng

khi tăng độ che phủ của cây trong thành phố lên 10% có thể giảm tổng năng lượng cho việc sưởi ấm và làm mát không khí từ 5 đến 10% .



Hình 2.2. Sơ đồ các lợi ích về kinh tế của cây xanh [49]

- Tăng giá trị tài sản: Khu vực của thành phố với nhiều cây xanh sẽ làm tăng thêm tính thẩm mỹ, tạo cảm giác dễ chịu và hấp dẫn cho cả người dân và nhà đầu tư. Đối với từng công trình thì không gian xanh làm tăng giá trị tài sản và lợi nhuận tài chính cho phát triển đất đai, từ 5% đến 15%. Các toà nhà gần với các KGX có giá trị tăng đến 11,3% so với giá cơ bản. Đồng thời việc đầu tư cho KGX làm giảm chi phí các dịch vụ xã hội, y tế. Như vậy có thể thấy rõ rằng KGX và các hoạt động giải trí góp phần làm tăng chất lượng của lực lượng sản xuất, cơ hội kinh doanh và sự ổn định kinh tế. Không gian xanh làm tăng giá trị các bất động sản có vị trí ở gần hoặc có tầm nhìn đến công viên, hoặc không gian xanh khác.

** Lợi ích tổng hợp của không gian xanh*

Theo Craig Alexander và Connor McDonald, khi thành phố có lâm viên (rừng đô thị) thì các vấn đề về môi trường đô thị được cải thiện rất nhiều và đã được các nhà khoa học đã tính, tổng giá trị lợi ích từ rừng đô thị mang lại như

giảm áp lực lên hệ thống thoát nước, làm sạch không khí, tiết kiệm năng lượng, lưu giữ Carbon từ khí thải, nhiên liệu hóa thạch chuyển hóa thành Oxy cung cấp cho cuộc sống. [69]

Qua Biểu 2.1 đã cho thấy giá trị từ rừng đối với điều hòa khí hậu, giảm hiệu ứng nhà kính, tiết kiệm năng lượng v.v đối với thành phố là rất lớn và nếu tính theo 1 cây thì 1 năm đã mang lại giá trị quy đổi ra tiền là gần 8 USD. Vì vậy chính quyền thành phố Toronto đã có những chính sách và quy định nghiêm ngặt về bảo vệ rừng, bảo vệ cây xanh. [69]

Với các lợi ích từ rừng được phân tích nêu trên, áp dụng đối với thành phố Huế hiện nay có trên 331 ha rừng đặc dụng cùng hệ thống vườn cây trái, vườn chùa, vườn Ngự, vườn phủ đệ, đó chính là lượng vốn thiên nhiên rất quý giá cần có giải pháp bảo vệ có hiệu quả và phát triển phù hợp cho phát triển các mặt kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và chống chịu với các tác động của biến đổi khí hậu hiện nay.

Biểu 2.1. Các lợi ích hàng năm từ rừng đô thị của thành phố Toronto

Lợi ích	Mô tả	Lợi ích hữu hình	Giá trị (triệu USC)	Giá trị trên một cây
Lưu lượng thời tiết ẩm	Giảm áp lực lên cơ sở hạ tầng thoát nước do mưa và thời tiết ẩm chảy vào với sự điều tiết của rừng.	25,112,500 m ³	\$53.95	\$5.28
Chất lượng không khí	Các chất ô nhiễm không khí được hấp thụ, được loại bỏ, và được phòng tránh bằng cây xanh đường phố	1,905 tấn	\$19.09	\$1.87
Tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm năng lượng thông qua độ che phủ và điều tiết khí hậu của cây xanh.	41,200 MWH điện	\$6.42	\$0.63

Lưu giữ cacbon từ cây xanh	Lưu giữ Carbon từ không khí và khí thải nhờ tiết kiệm năng lượng	36,500 tấn	\$1.24	\$0.12
Giảm phát thải năng lượng	Giảm thiểu khí thải carbon từ nhiên liệu hóa thạch tạo ra thông qua điều tiết khí hậu của rừng	17,000 tấn	\$0.58	\$0.06
Tổng lợi ích	Tổng lợi ích kinh tế do rừng đô thị cung cấp		\$81.29	\$7.95

2.1.3. Lý thuyết Kevin Lynch

Theo lý thuyết về hình ảnh đô thị của Kevin Lynch [22], các không gian mở được tổ chức trong các khu đô thị là để người dân tiếp cận và sử dụng. Không gian mở vừa là thành phần chính để tạo lập không gian đô thị, đó vừa là nơi để con người đi, đứng, quan sát, thưởng thức cái đẹp do các công trình kiến trúc và các yếu tố tự nhiên do KGM tạo nên.

Bất cứ một nhân tố nào để tạo nên hình tượng cấu trúc không gian và hình ảnh đô thị cần hội đủ 3 điều kiện: bản sắc (Identity), cấu trúc (Structure) và ý nghĩa (Meaning); và bao gồm 5 yếu tố cấu thành là tuyến, mảng, cạnh, nút và điểm nhấn. Trong đó việc tổ chức và quản lý không gian xanh đô thị ngoài việc hội đủ 3 điều kiện thì cần có 3 yếu tố có ý nghĩa quan trọng là:

- Tuyến (Path): là không gian xanh đường phố được tạo lập bởi cây xanh trên vỉa hè, dải phân cách lòng đường và các dải xanh gắn với địa hình thiên nhiên như sông, suối.

- Mảng (Distric): Không gian mở trong đô thị như không gian xanh, thảm cỏ, mặt nước... các không gian này đem lại hiệu quả thẩm mỹ, cũng như sự tương phản giữa môi trường thiên nhiên và các công trình nhân tạo.

- Điểm nhấn (Landmark): Là những yếu tố thiên nhiên có tính định hướng chủ đạo (sông, núi, đồi...) là những dấu mốc mang những nét riêng của khu vực.

Lý thuyết của Kevin Lynch là cơ sở cho công tác quản lý KGX trong công tác quy hoạch và thiết kế đô thị, đảm bảo hệ thống không gian xanh đô thị với các diện, tuyến, điểm xanh hài hòa, phù hợp với kiến trúc cảnh quan, tạo nên cấu trúc không gian và hình ảnh của đô thị phù hợp với xu hướng phát triển đô thị xanh, sinh thái và bền vững.

2.1.4. Lý thuyết về quản lý không gian xanh đô thị

Theo quan điểm của PGS. TS Trần Trọng Hanh, quản lý đô thị là quản lý hành chính nhà nước ở đô thị bao gồm các 4 lĩnh vực chủ yếu: Kinh tế và tài chính đô thị; Xây dựng, quản lý và phát triển đô thị; Văn hóa – xã hội và khoa học công nghệ và các lĩnh vực khác.

Trong 4 lĩnh vực nêu trên, lĩnh vực Xây dựng, quản lý và phát triển đô thị được xác định bao gồm: “*Quy hoạch xây dựng, không gian kiến trúc cảnh quan; Đầu tư và xây dựng; Khai thác sử dụng cơ sở hạ tầng, bất động sản và Vật liệu xây dựng*” [16]. Như vậy với vai trò là một bộ phận không thể tách rời của không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý không gian xanh đô thị phải bao gồm các nội dung: Quy hoạch, đầu tư phát triển và khai thác sử dụng.

Với quan điểm của Ngân hàng thế giới (WB) về phát triển bền vững, thì mục tiêu của phát triển bền vững gồm: *Kinh tế, xã hội và môi trường hài hòa với nhau*”. Quản lý KGX đô thị với chức năng là một bộ phận thuộc lĩnh vực xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, do vậy quản lý phát triển KGX đô thị phải đảm bảo sự hài hòa giữa môi trường thiên nhiên với sự phát triển kinh tế xã hội và có vai trò rất lớn trong sự phát triển bền vững của đô thị.

Với phương pháp tiếp cận đa ngành và tích hợp kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá và môi trường, theo Maruani và Amit-Cohen [80], sự phát triển của không gian xanh đô thị cần phải xem xét từ công tác quản lý và lập kế hoạch nhằm cải thiện các không gian xanh đô thị hiện có cũng như các dịch vụ nhằm tối ưu hoá chất lượng không gian xanh đô thị. Maruani và Amit-Cohen [80] đã xác định 9 mô hình không gian xanh đô thị được sử dụng trong quy hoạch; trong

đó 6 mô hình có phạm vi phù hợp với việc thiết lập ở cấp địa phương. Đó là các mô hình phát triển không gian xanh khi có cơ hội, tiêu chuẩn về không gian, hệ thống công viên, hình mẫu có liên quan, cảnh quan có liên quan và theo lý thuyết sinh thái. (Bảng 2.2)

Với các mô hình quản lý KGX như Bảng 2.2, tính chất đặc trưng của không gian xanh bao gồm: (1) việc xác định bản chất của không gian xanh và số lượng của chúng trong thành phố; (2) tình hình hiện tại của các hoạt động và lợi ích của không gian xanh đối với người sử dụng là gì; (3) chức năng của các không gian xanh đó có bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như sự phân bố và vị trí của chúng trong đô thị không và bị ảnh hưởng như thế nào.

Theo GS Simon Bell, trường đại học Khoa học cuộc sống của Estonian - Hoa Kỳ cũng như quan niệm của nhiều nước Bắc Mỹ và châu Âu thì không gian xanh có nhiều loại như đã nêu ở phần mở đầu, nên mỗi loại đòi hỏi cách tiếp cận khác nhau nhưng đều dựa trên 3 nội dung quan trọng: *Quy hoạch KGX*, *Quản lý đầu tư phát triển* và *Quản lý khai thác sử dụng các không gian xanh* [85].

Bảng 2.2. Các mô hình không gian xanh trong quy hoạch đô thị [80]

Các mô hình	Mô tả
Cơ hội	Các công viên được tạo ra nếu đó là đất bỏ hoang hay đất do hiến tặng
Tiêu chuẩn không gian	Định lượng tính theo m ² / người
Hệ thống công viên	Các công viên tạo thành một hệ thống liên hệ với nhau, cung cấp nhiều trải nghiệm cho mọi người
Hình mẫu có liên quan	Lập quy hoạch bằng cách sử dụng các khái niệm như nệm xanh các ngón tay, các vành đai xanh, vv
Cảnh quan có liên quan	Các cảnh quan (thường là nông nghiệp) được bảo vệ
Thuyết sinh thái	Sinh thái đang dẫn hướng trong quy hoạch, các không gian xanh được dự trữ để bảo vệ môi trường, sau đó phát triển có thể diễn ra ở phần còn lại của không gian xanh với sự cân nhắc kỹ càng.

Trên cơ sở quan điểm của các nhà khoa học trong nước và nước ngoài, các tổ chức quốc tế về quản lý đô thị và quản lý không gian xanh, Luận án tổng

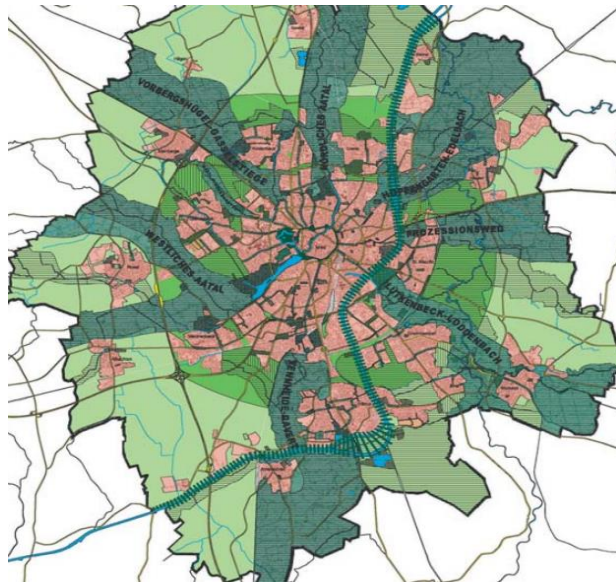
hợp các nội dung quản lý không gian xanh đô thị bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

a) Quy hoạch không gian xanh

Quy hoạch không gian xanh là một trong nhiệm vụ quan trọng trong quản lý không gian xanh. Các chỉ tiêu đất cây xanh, tổng diện tích đất cây xanh cho toàn đô thị, từng khu vực đô thị (khu vực mới; khu vực cũ, cải tạo và khu vực dự kiến phát triển), diện tích đất để phát triển vườn ươm và phạm vi sử dụng đất cây xanh đô thị. Trong đồ án quy hoạch phân khu đô thị phải xác định cụ thể: vị trí, quy mô, tính chất, chức năng, phạm vi sử dụng đất cây xanh đô thị; các nguyên tắc lựa chọn loại cây trồng. Trong quy hoạch chi tiết đô thị phải xác định cụ thể: chủng loại cây, tiêu chuẩn cây trồng, các hình thức bố cục cây xanh trong các khu chức năng; xác định vị trí cây xanh trên đường phố.

Tuy nhiên sau khi quy hoạch chung đô thị được phê duyệt, quy hoạch KGXĐT không được xác định là một quy hoạch chuyên ngành cần phải nghiên cứu, chỉ có các đô thị trực thuộc Trung ương mới được lập quy hoạch hệ thống công viên, cây xanh mặt nước sau khi QHC đô thị được duyệt. Đây là quy định chưa phù hợp với thực tiễn mang tính đặc thù vùng, miền, văn hóa, lịch sử rất cao của hệ thống đô thị Việt Nam.

Đồng thời với khái niệm không gian xanh bao gồm KGX tự nhiên, bán tự nhiên và nhân tạo đã được đề xuất, phạm vi quản lý nghiên cứu lập quy hoạch KGX sẽ không chỉ có các công viên cây xanh, vườn hoa, mặt nước trong đô thị mà bao gồm cả các khu rừng đặc dụng, rừng sản xuất, không gian nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản,... Đây là phạm vi không chỉ rộng về không gian địa lý mà còn rộng cả về các chủ thể quản lý theo các quy định hiện nay. Do vậy cần thiết phải có nghiên cứu một cách tổng thể để đảm bảo thực hiện chủ trương phát triển bền vững hiện nay. Do vậy cần thiết có một quy hoạch linh hoạt [81].



Hình 2.6. Quy hoạch Chiến lược Không gian xanh đô thị của thành phố Münster
– Cộng hòa Liên bang Đức [81]

Các nhà Quy hoạch của Cộng hòa liên bang Đức cho rằng muốn quản lý tốt cần có một quy hoạch không gian xanh tốt. Xu hướng hiện tại ở nhiều thành phố của châu Âu cho thấy sự suy giảm chất lượng của các KGX đô thị, do sự hỗ trợ tài chính từ chính quyền nhà nước và chính quyền địa phương ngày càng hẹp đi. Điều này đặc biệt thấy rõ ở những quốc gia đang trải qua sự thay đổi về chính trị và đó cũng do tác động ảnh hưởng của toàn cầu hoá. Vì vậy cần lập một quy hoạch linh hoạt cho không gian xanh là phù hợp trong bối cảnh này. Hình [2.6]

b) Quản lý đầu tư và phát triển không gian xanh

Khi đầu tư phát triển một công viên mới, việc định hình không gian xanh và xây dựng các công trình được thực hiện ở giai đoạn thi công ban đầu, nhưng sau đó thời gian phát triển và hoàn thiện toàn bộ KGX đó có thể diễn ra trong nhiều năm. Vì vậy, quản lý là hoạt động hướng dẫn quá trình xây dựng và hoàn thiện các không gian xanh, duy tu bảo dưỡng cho đến khi quá trình xây dựng được hoàn thành.

Theo GS Mduduzi W. Nhloz khoa Kỹ thuật và Môi trường xây dựng thuộc trường đại học Witwatersrand, Johannesburg - Nam Phi, công tác quản lý đầu tư và phát triển không gian xanh đô thị gắn liền với công tác trồng và chăm

sóc bảo vệ cây xanh đô thị. Hai yếu tố quan trọng có ảnh hưởng rất lớn tới cây xanh là nguồn nước và đất đai, cụ thể:

- Vấn đề lũ lụt và úng ngập do nước mưa cũng như việc tăng bề mặt cứng ở nhiều khu vực do xây dựng đã trở thành “bê tông hóa” làm giảm khả năng thu nước của bề mặt tự nhiên, giảm việc lưu trữ nước của thành phố. Như vậy lũ lụt và ngập úng sẽ làm cây xanh bị chết hay kém phát triển.

- Đối với đất đai ở những khu vực khô cằn do bạc màu, sỏi đá v.v. cũng cần được quan tâm khi đầu tư và phát triển không gian xanh [82].

c) Quản lý khai thác sử dụng không gian xanh

Việc quản lý khai thác sử dụng các không gian xanh tự nhiên, bán tự nhiên và nhân tạo hiện nay đang được quy định tại nhiều văn bản của các ngành: Xây dựng, Đất đai, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Việc khai thác sử dụng các không gian xanh tự nhiên với mục tiêu cao nhất là bảo vệ cảnh quan, môi trường bảo tồn sự đa dạng sinh học. Đối với các không gian xanh bán tự nhiên là các mục tiêu đảm bảo sự hài hòa về phát triển kinh tế – xã hội – môi trường. Các không gian xanh nhân tạo mục tiêu cao nhất là nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư và bảo vệ môi trường. Do vậy việc quản lý khai thác sử dụng các không gian xanh cần phải căn cứ vào từng mục tiêu để đưa ra các giải pháp phù hợp cho từng loại không gian xanh cụ thể.

Đồng thời công tác quản lý không gian xanh cần áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên nhu cầu, lấy con người làm trung tâm đến phương pháp tiếp cận dựa trên nguồn cung, coi trọng sinh thái nhiều hơn. Việc xác định giá trị thực chất bên trong cho các khu vực xanh. Trong trật tự này phương pháp tiếp cận cần phải kết hợp với vấn đề thẩm mỹ và giải trí.

Như vậy có thể thấy rằng lý thuyết về quản lý không gian xanh đô thị phải được tổng hợp trên những cơ sở lý luận của nhiều nhà khoa học với các quan điểm quản lý KGX đô thị, bao gồm: Lý luận về quản lý hành chính nhà nước ở đô thị; Quan điểm quản lý KGX phải dựa trên nhu cầu, lấy con người làm trung

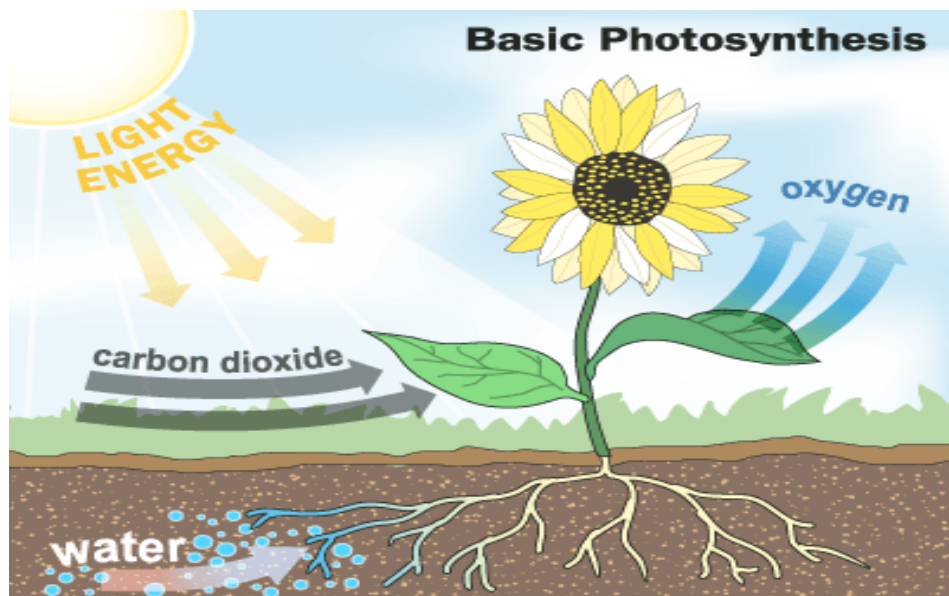
tâm và đảm bảo phát triển bền vững; cùng với Phương pháp tiếp cận đa ngành, tích hợp kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá.

2.1.5. Quản lý phát triển không gian xanh thích ứng với biến đổi khí hậu

Với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và ứng phó với BĐKH, việc xác định độ che phủ xanh là một chỉ tiêu quan trọng, trong đó cần có những số liệu đánh giá về diện tích được che phủ bởi tán lá, cành cây trong đô thị. Khi nghiên cứu về quá trình quang hợp của cây xanh để hấp thụ khí thải CO₂ và sinh ra khí O₂ phục vụ cho sự sống của con người, thì chỉ số sinh khối lại rất quan trọng và càng quan trọng khi trong các đô thị có các lâm viên như thành phố Huế. Theo các nhà khoa học Canada, quá trình quang hợp của cây xanh dưới sự trợ giúp của ánh sáng mặt trời được diễn giải như công thức dưới đây:



Từ công thức trên cho thấy, cứ 6 phân tử carbon dioxide sẽ tạo ra 6 phân tử oxy, tỷ lệ phân tử là 1:1. Nếu tính theo khối lượng thì chúng ta có cứ 44 kg phân tử CO₂ thì sẽ tạo ra 32 kg phân tử O₂. [42], [89], (Hình 2.3).



Hình 2.3. Quá trình quang hợp của cây xanh [42]

Cũng theo các chuyên gia lâm sinh học nếu xét trên một cây Sung dâu trưởng thành có nhiều tại Bắc Mỹ thì trung bình 1 năm nó tiêu thụ khoảng 21,7 kg khí CO₂ để thực hiện quá trình quang hợp. Với tính toán nêu trên với khối

lượng CO₂ cây xanh hấp thụ từ môi trường sẽ góp phần làm giảm lượng khí nhà kính phát thải gây ra hiện tượng BĐKH. Đồng thời qua việc tính toán nêu trên cũng là cơ sở quan trọng trong việc xác định số lượng cây xanh cần được bảo vệ và cần được trồng thêm trong bối cảnh các đô thị lớn và vừa ngày càng gia tăng quy mô và mật độ dân số, các công trình hạ tầng đô thị ngày càng đầu tư nhiều hơn, các không gian trống trong đô thị ngày càng bị thu hẹp.

2.1.6. Quản lý không gian xanh và các xu hướng phát triển đô thị

a) Xu hướng phát triển đô thị xanh, đô thị sinh thái

Với quan điểm đô thị xanh là nơi có nhiều cây xanh; có mật độ dân số phù hợp; đa dạng về không gian, thiên nhiên, sinh vật; tái sử dụng các chất thải tạo ra nguồn tài nguyên; sạch và lành mạnh; được xây dựng theo quy hoạch và hài hòa với thiên nhiên; thành phố được bảo tồn với các lễ hội phong phú; là nơi cung cấp nhiều cơ hội cho mọi người phát triển [80].

Ở Việt Nam, GS. TSKH Phạm Ngọc Đăng [12] đã đề xuất 7 tiêu chí để xác định đô thị xanh ở Việt Nam, bao gồm: (1) Không gian xanh; (2) công trình xanh; (3) giao thông xanh; (4) công nghiệp xanh; (5) chất lượng môi trường đô thị xanh; (6) bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, công trình lịch sử, văn hóa; (7) cộng đồng dân cư sống thân thiện với môi trường và thiên nhiên.

Năm 2005, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) [43] đã công bố Tuyên ngôn về Thành phố xanh, cùng với Bản tuyên bố Quy ước về môi trường với các quy định về các chỉ tiêu đối với sử dụng năng lượng điện, xử lý chất thải, phát triển giao thông công cộng, hạn chế giao thông cá nhân... Đặc biệt là “*bảo vệ những hành lang sinh thái quan trọng hoặc những đặc điểm sinh thái chủ chốt như nguồn nước ngầm, cây lương thực, nơi cư trú của động vật hoang dã*”.

Đô thị sinh thái có mối liên hệ mật thiết giữa con người với môi trường sống xung quanh. Vùng lâm viên rộng lớn với cây xanh, núi đồi, suối hồ, muông thú...chính là môi trường sống xung quanh và gắn bó mật thiết hữu cơ với

người, sự tương hỗ và tương tác giữa con người và môi sinh được hợp thành một hệ thống nhất.



Hình 2.4. QHC thành phố sinh thái Helsinki, Phần Lan [91]

Như vậy phát triển đô thị xanh, sinh thái đang là xu hướng quan tâm của nhiều thành phố trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt đối với các thành phố có lợi thế về cảnh quan thiên nhiên của Việt Nam hiện nay như Đà Lạt, Huế, Sapa....

b) Xu hướng phát triển đô thị bền vững

Khái niệm phát triển bền vững được thông nhất trong các Hội nghị quốc tế là sự kết hợp hài hòa, phát triển ổn định 3 mặt: Kinh tế (ổn định thị trường, tăng trưởng kinh tế); xã hội (ổn định chính trị và môi trường nhân văn, công bằng xã hội); môi trường (cân bằng sinh thái, nâng cấp cuộc sống và bảo vệ môi trường đô thị). Xây dựng đô thị phát triển bền vững phải được tiến hành nghiên cứu từ tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, quy hoạch hạ tầng, thiết kế kiến trúc, vật liệu và công nghệ xây dựng đến những nội dung môi trường, kinh tế, xã hội và quản lý trong mối liên hệ nhân - quả [25].

Quản lý đô thị phát triển bền vững là tăng cường năng lực quản lý các khu chức năng đô thị, đặc biệt là nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp và nâng cao hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và phát triển lãnh thổ, bao gồm từ: quản lý quy hoạch, thiết kế, xây dựng cơ sở hạ tầng đến quản lý kinh tế, xã hội và môi trường [25].

Như vậy để đô thị phát triển bền vững, yêu cầu cần phải có các giải pháp tổng thể, hài hòa của tất cả mặt hoạt động của xã hội và con người.

c) Xu hướng phát triển các thành phố tăng trưởng xanh

Trong những năm gần đây, tăng trưởng xanh là vấn đề được nhiều quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm và lấy đó làm mục tiêu trên hành trình xây dựng phát triển đô thị. Tăng trưởng xanh là con đường ngắn nhất hướng tới sự phát triển kinh tế bền vững, là hướng tiếp cận mới của thế giới trong tăng trưởng kinh tế, không chỉ mang lại lợi ích kinh tế, mà còn hướng tới phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, nuôi dưỡng cuộc sống con người, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Tăng trưởng Xanh làm cho các quá trình tăng trưởng có hiệu quả về mặt tài nguyên, sạch hơn và chóng phục hồi hơn chứ không làm cho các quá trình này chậm lại. Điều này cũng đồng nghĩa với việc đầu tư vào môi trường để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bởi vậy, tăng trưởng xanh được đánh giá là con đường ngắn nhất hướng tới sự phát triển kinh tế bền vững [64].

Không gian xanh với khả năng giữ lại lượng lớn nước mưa trong lá, cành, rễ bổ sung thêm cho nguồn nước ngầm đang ngày trở nên khan hiếm trong quá trình đô thị hóa; cây xanh hấp thụ khí CO₂, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đô thị chính là một trong những yếu tố phục hồi nguồn tài nguyên thiên nhiên trong xu hướng phát triển các thành phố tăng trưởng xanh.

2.2. Các cơ sở pháp lý

2.2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành theo thẩm quyền ban hành, xác định tại Bảng 2.3.

Hiện nay các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý không gian xanh đô thị có các Luật, gồm: Luật Quy hoạch Đô thị 2009, Luật Đất đai 2013, Luật Xây dựng 2014, Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương 2015, Luật Di sản văn hóa 2009 và Luật Tài nguyên nước 2012. Các Nghị định có 05 Nghị định, gồm: Nghị định số 37/2010/ NĐ-CP, số 38/2010/ NĐ-CP, số 64/2010/ NĐ-CP, số 24/2014/ NĐ-CP, số 37/2014/NĐ-CP, NĐ số 43/2015/NĐ-CP và NĐ số 117/2010/NĐ-CP. 01 Quyết định của TTg số 1393/2012/QĐ-TTg; 03 Thông tư của Bộ Xây dựng: số 20/2005/TT-BXD, số 20/2009/TT-BXD và số 06/2013/TT-BXD), 01 Quyết định của Bộ Xây dựng số 14/2007/QĐ-BXD. Và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn gồm: 01 Quy chuẩn và 02 Tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

Bảng 2.3. Thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật [35]

STT	Thẩm quyền ban hành	Tên văn bản quy phạm pháp luật
1	Quốc hội	Hiến pháp, Luật, Nghị quyết
2	Ủy ban thường vụ Quốc hội	Pháp lệnh, Nghị quyết, Nghị quyết liên tịch
3	Chủ tịch nước	Lệnh, Quyết định
4	Chính phủ	Nghị định, Nghị quyết liên tịch
5	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
6	Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện KSND tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.	Thông tư, Thông tư liên tịch
7	HDND cấp tỉnh, huyện, xã	Nghị quyết
8	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã	Quyết định

Các quy định có liên quan đến công tác quản lý không gian xanh đô thị tại các văn bản quy phạm pháp luật được làm rõ về như sau:

a) Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP

* Luật Xây dựng đã xác định cây xanh, công viên là một thành phần của hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, việc đầu tư phát triển các dự án theo quy định các dự án đầu tư phát triển được phân loại theo quy mô, tính chất và nguồn vốn sử dụng.

* Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015, quy định chi tiết thực hiện Luật Xây dựng, đã xác định trong định hướng phát triển không gian của đồ án quy hoạch vùng, thì các khu vực bảo vệ thiên nhiên, môi trường và di tích văn hóa - lịch sử có giá trị phải được phân bố, xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan trong vùng.

* Nghị định 11/2013/NĐ-CP về quản lý đầu tư phát triển đô thị. Đây là những văn bản pháp luật về quy hoạch xây dựng, đầu tư xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt và các chủ trương chính sách của nhà nước đối với các dự án phát triển đô thị và dự án đầu tư xây dựng trong đó bao gồm các dự án phát triển không gian xanh đô thị.

b) Luật Di sản văn hóa số 10/VBHN/VPQH

Luật số 32/2009/QH12 và Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 đã quy định: “Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hoá, ***danh lam thắng cảnh***, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.” và “*Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học*”. Căn cứ quy định trên cho thấy, các khu rừng cảnh quan – các không gian xanh tự nhiên là vành đai bảo vệ hay vùng đệm của các lăng tẩm của các vua Triều Nguyễn trên địa bàn thành phố Huế cũng chính là những di sản văn hóa vật thể cần được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Tuy

nhiên trong thực tế các không gian xanh này chưa được xác định phạm vi ranh giới để có cơ sở bảo vệ trước những tác động xấu của quá trình phát triển.

Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, tại điểm b, khoản 1 Điều 4 đã quy định một trong những hành vi vi phạm làm sai lệch hoặc hủy hoại di sản văn hóa là: “*Làm thay đổi môi trường cảnh quan của di tích như chặt cây, đào bới, xây dựng trái phép và các hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến di tích*”.

c) *Luật Đất đai số 45/2013/QH13*

Trong Luật đã có quy định loại đất “*sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng*”, loại đất trồng hàng năm, cây lâu năm, đất rừng đặc dụng và rừng sản xuất, rừng phòng hộ. Tuy nhiên trong Luật không có quy định loại đất công viên, vườn hoa mà mặc nhiên được hiểu thuộc loại đất *sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng*. Quy định này là chưa phù hợp với yêu cầu của công tác lập và thực hiện quy hoạch đô thị.

d) *Luật Bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11 và Nghị định số 117/2010/NĐ-CP*

* Tại khoản 2, Điều 4: “*Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn thiên nhiên*”, với quy định trên đã cho thấy rừng đặc dụng chính là loại không gian xanh tự nhiên như đã đề xuất của Luận án.

* Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về Tổ chức và quản lý rừng đặc dụng: Việc xác lập các khu rừng đặc dụng phải đảm bảo các tiêu chí đối với từng loại rừng đặc dụng. Đối với Khu rừng bảo vệ cảnh quan là: Khu rừng có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, trong đó có di tích lịch sử, văn hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; Khu rừng có giá trị cao về cảnh quan môi trường, trong đó có danh lam thắng cảnh cần được bảo vệ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

e) *Luật Tài nguyên nước số 27/2012/QH13 và Nghị định số 43/2015/NĐ-CP của Chính phủ*

* Tại Điều 31 của Luật Tài nguyên nước số 27/2012/QH13 về Hành lang bảo vệ nguồn nước, đã xác định “*Hồ tự nhiên, nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung; hồ, ao lớn; Sông, suối, kênh, rạch là nguồn cấp nước... phải lập hành lang bảo vệ*”. Việc quy định về hành lang bảo vệ các nguồn nước sông, hồ trong đô thị của Luật cũng chính là quy định để bảo vệ các không gian cảnh quan gắn với các mặt nước trong đô thị, một yếu tố hình thành diện mạo cảnh quan và bản sắc của mỗi đô thị.

* Nghị định số 43/2015/NĐ-CP của Chính phủ về Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước đã quy định hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các sông, hồ đi qua đô thị. Với quy định không nhỏ hơn 20 m tính từ mép bờ đối với đoạn sông, suối, kênh, rạch chảy qua các đô thị, khu dân cư tập trung; không nhỏ hơn 10 m tính từ mép bờ đối với hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung và không nhỏ hơn 30 m tính từ mép bờ hoặc bao gồm toàn bộ vùng đất ngập nước ven sông, suối, kênh, rạch để bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước.

g) *Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 và các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết việc thực hiện Luật*

Tại Khoản 14, Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị 2009 đã quy định: “*Cảnh quan đô thị là không gian như không gian trước tổ hợp kiến trúc, quảng trường, đường phố, hè, đường đi bộ, công viên, thảm thực vật, vườn cây, vườn hoa, đồi, núi, gò đất, đảo, cù lao, triền đất tự nhiên, dải đất ven bờ biển, mặt hồ, mặt sông, kênh, rạch trong đô thị và không gian sử dụng chung thuộc đô thị*”. Quy định này đã khẳng định không gian xanh là một bộ phận cấu thành thiết yếu của cảnh quan đô thị.

* Nghị định số 37/2010/NĐ-CP về Lập, thẩm định và phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, đã quy định Trung tâm công cộng, thể dục thể thao, công viên,

cây xanh và không gian mở (đối với đô thị trực thuộc tỉnh) tại nội dung định hướng phát triển không gian đô thị. Điều này nói lên vai trò, chức năng hết sức quan trọng của một trong các loại không gian xanh đô thị.

* Nghị định 38/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/4/2010 về Quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị: Đây là Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị 2009. Tại các Điều 12, 13 về quy định cảnh quan công viên cây xanh, cảnh quan nhân tạo, cảnh quan tự nhiên.

* Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị: Nghị định 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 về quản lý cây xanh đô thị để quản cây xanh đô thị trên phạm vi toàn quốc. Các nội dung cơ bản của Nghị định về Quy hoạch cây xanh đô thị gồm chăm sóc, ươm, bảo vệ, chặt hạ, di chuyển cây xanh đô thị; trách nhiệm quản lý cây xanh đô thị và tổ chức thực hiện.

Cây xanh đô thị ở đây được xác định gồm 3 loại: Cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh đường phố và cây xanh chuyên dụng. Về trách nhiệm quản lý cây xanh đô thị được xác định đối với các Bộ (Xây dựng, KH&ĐT, Tài chính) và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng.

* Thông tư 12/2016/TT-BXD quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù

Thông tư 12/2016/TT-BXD hướng dẫn thực hiện Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, trong nội dung định hướng phát triển không gian đô thị “*công viên, hành lang cây xanh và không gian mở*” là một trong các trung tâm của phần thuyết minh đồ án, nhưng trong phần bản đồ thì “*cây xanh*” là một trong các thành phần của bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội.

Như vậy trong văn bản này đã có quy định không thống nhất về đối tượng không gian xanh trong đô thị.

** Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.*

Nội dung chính của Thông tư là nhằm cụ thể hóa nội dung thiết kế đô thị trong các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết, cụ thể: Trong đồ án quy hoạch chung đô thị, tại điểm a, khoản 1, Điều 5 của Thông tư số 06/2013/TT-BXD nội dung về tổ chức không gian cây xanh đã quy định: “*Xác định không gian xanh của đô thị, bao gồm: hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, công viên hoặc rừng tự nhiên, nhân tạo trong đô thị*”.

2.2.2. Các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

a) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2008/BXD

Tại mục 2.3.1. Các khu vực xây dựng các khu cây xanh công viên, vườn hoa đô thị và khu vực cây xanh chuyên dụng (vườn ươm, cây xanh nghiên cứu, cây xanh cách ly) được xác định là một khu chức năng của đô thị. Chỉ tiêu diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng của đô thị loại I là 8,0 m²/người.

b) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông QCVN 07 – 4:2016/BXD

Phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn QCVN07 -4:2016 là các yêu cầu kỹ thuật phải tuân thủ trong đầu tư xây dựng mới và cải tạo các công trình giao thông đô thị. Tại văn bản này xác định quảng trường giao thông, quảng trường trước cầu và hè phố trong dải cây xanh là một bộ phận của hệ thống giao thông đô thị (mục 1.5.4 và Bảng 6).

c) Tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị - TCVN 4449: 1987

Tiêu chuẩn này áp dụng khi lập đồ án quy hoạch chung đô thị, tham khảo để lập đồ án quy hoạch chi tiết đô thị. Tiêu chuẩn này quy định các chỉ tiêu diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng áp dụng ở cấp toàn đô thị (là cây xanh trong công viên, vườn hoa và cây xanh đường phố).

d) *Tiêu chuẩn TCXDVN 362: 2005 về Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.*

Tiêu chuẩn này áp dụng khi lập đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị và tham khảo để lập đồ án quy hoạch chi tiết các đô thị. trong đó quy định: “*Cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị phải được thiết kế quy hoạch gồm 3 loại: Cây xanh công viên, cây xanh vườn hoa, cây xanh đường phố*”.

Tiêu chuẩn TCXDVN 362: 2005 đã quy định các chỉ tiêu diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng và các loại khu chức năng trong các công viên lớn. Tỷ lệ sử dụng đất để xây dựng các công trình, đường sân bãi chiếm 15 – 35% diện tích công viên (bao gồm cả diện tích mặt nước). Đây là chỉ tiêu khá lớn do vậy cần có nghiên cứu để điều chỉnh nhằm giữ lại được diện tích dành cho không gian thiên nhiên đủ đảm bảo cho vai trò là lá phổi của các KGX đô thị hiện nay của Việt Nam.

2.2.3. Các chương trình, kế hoạch của quốc gia có liên quan

a) *Chương trình Phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 - 2020*

Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013, một trong các mục tiêu tổng quát của đề án là: Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên trong cải tạo nâng cấp và phát triển đô thị. mục tiêu này là cơ sở xác định các nhiệm vụ ứng phó với BĐKH của Bộ, ngành, địa phương các cấp.

b) *Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh*

Chiến lược đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012, Chiến lược xác định ba nhiệm vụ chiến lược: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Xanh hóa sản xuất và *nhiệm vụ thứ 3 là Xanh hóa lối sống* và thúc đẩy tiêu dùng bền vững, trong đó có yêu cầu “*diện tích cây xanh đạt tương*

ứng tiêu chuẩn đô thị và tỷ lệ đô thị lớn và vừa đạt tiêu chí đô thị xanh phần đầu đạt %50”.

c) *Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020*

Kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014, để có cơ sở triển khai thực hiện, Kế hoạch hành động đã xác định 04 chủ đề chính, 12 nhóm hoạt động và 66 nhiệm vụ hành động cụ thể, trong đó nhiệm vụ có liên quan đến quản lý không gian xanh đô thị là “*Xây dựng Khung chính sách đô thị hóa xanh và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của ngành xây dựng giai đoạn 2014 – 2020*”.

2.2.4. Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2015, với một số nét cơ bản như sau:

a) *Tính chất và quy mô*

- *Diện tích lập quy hoạch*: Bao gồm thành phố Huế hiện hữu (70,99 km²) và khu vực định hướng phát triển, mở rộng đô thị thuộc phạm vi của các thị xã: Hương Thủy, Hương Trà và một phần huyện Phú Vang (thị trấn Thuận An và các xã lân cận); diện tích khoảng 348,54 km².

- *Dự báo dân số*: Đến năm 2020 khoảng 615.000 người; năm 2030 khoảng 674.000 người và đến năm 2050 khoảng 1.000.000 người.

- *Tính chất*: Là tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Thừa Thiên Huế; là trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước về văn hóa, du lịch, khoa học - công nghệ, y tế chuyên sâu, giáo dục đào tạo đa ngành, đa ngành lĩnh vực, chất lượng cao của cả nước và khu vực các nước Đông Nam châu Á; là thành phố di sản văn hóa thế giới, thành phố Festival cấp quốc gia và

mang tầm quốc tế; Là đầu mối giao lưu kinh tế trong vùng và trong trục hành lang thương mại quốc tế.

b) Tầm nhìn và mục tiêu phát triển đô thị

- *Tầm nhìn đến năm 2050*: “Phát triển thành phố Huế thành một trong 6 đô thị cấp Quốc gia trong hệ thống đô thị Việt Nam, là một trong 3 thành phố di sản của Đông Dương với tư cách là Thành phố Festival, trung tâm du lịch văn hóa đặc sắc của châu Á. Xây dựng đô thị thân thiện với môi trường, hài hòa với thiên nhiên để đưa Huế trở thành đô thị môi trường kiểu mẫu”.

- *Mục tiêu phát triển*: Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản cố đô Huế; xây dựng thành phố có cơ cấu tổ chức không gian quy hoạch hợp lý, kiến trúc đô thị hài hòa với thiên nhiên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đáp ứng vai trò, chức năng của đô thị có tính đặc thù về sinh thái, cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa của quốc gia và có ý nghĩa quốc tế.

c) Định hướng phát triển không gian đô thị

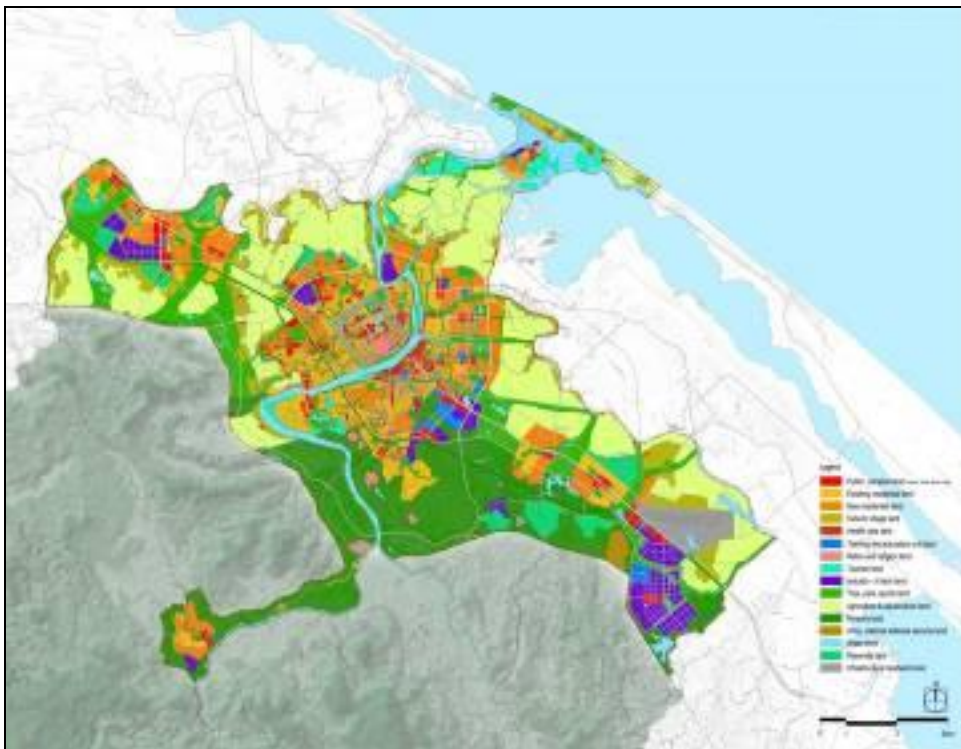
Thành phố phát triển theo mô hình cụm đô thị gồm khu vực đô thị trung tâm và 04 đô thị phụ trợ; các đô thị được kết nối bằng hệ thống giao thông đường vành đai bố trí dải cây xanh giữa các đô thị để hạn chế phát triển lan tỏa của các đô thị và phòng tránh lũ lụt; tạo lập cụm đô thị di sản - văn hóa - cảnh quan thân thiện với môi trường. (hình 2.7)

c) Định hướng phát triển không gian không gian xanh

- Các chỉ tiêu kỹ thuật và định hướng phát triển chung:

Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố dự kiến đến năm 2030, quy mô diện tích đất công viên cây xanh khoảng 580 ha; chỉ tiêu cây xanh chung 15 m²/người, khu vực cây xanh công cộng trong đô thị 6 m²/người. Lấy không gian cây xanh để hạn chế đô thị hóa bằng các trục không gian xanh sinh thái. Phát triển hệ thống công viên, bao gồm công viên khu phố, công viên văn hóa lịch sử, công viên mặt nước và công viên thể dục thể thao; tạo cảnh quan, môi trường đô thị và hình thành các điểm nghỉ ngơi, vui chơi.

- Sử dụng không gian mặt nước hiện hữu, xây mới các hồ tạo cảnh quan để tạo không gian nghỉ dưỡng và thoát lũ. Các không gian mặt nước chính: Khu vực sông Hương và các nhánh; các kênh đào bên trong và ngoài Kinh thành; các ao hồ nhân tạo và hồ điều hòa tự nhiên. Bố trí các quảng trường trung tâm liên kết với các công viên hoặc công trình tiêu biểu, đảm bảo không gian mở phục vụ các sự kiện lớn.

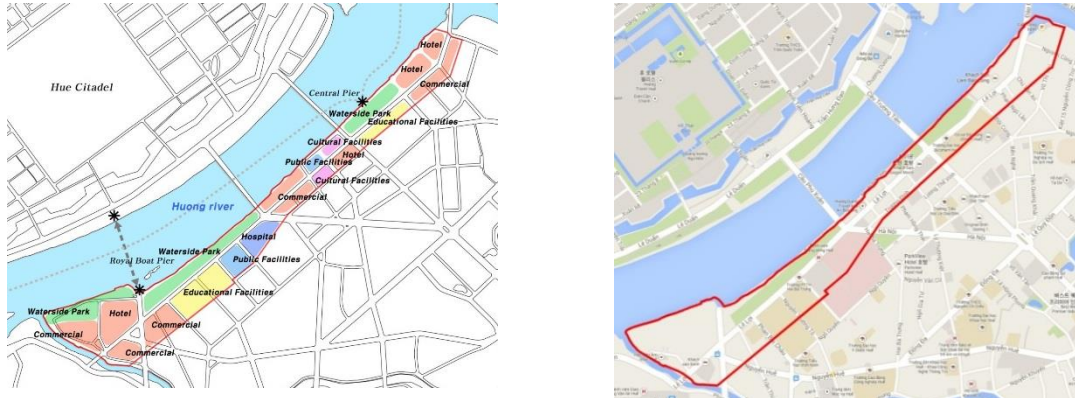


Hình 2.6. Sơ đồ định hướng phát triển không gian TP Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 3050 (nguồn: Đồ án ĐC QHC TP Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050)

d) Một số giải pháp cụ thể: Trong nội dung Thiết kế đô thị đã đề xuất một số địa điểm để tạo những điểm nhấn về cảnh quan đô thị như khu vực bờ Nam Sông Hương, núi Ngự Bình và cửa ngõ phía Bắc thành phố tại Hương sơ. Cụ thể:

+ Quy hoạch định hướng khu vực ven bờ sông: Tận dụng không gian mặt nước và đảm bảo hài hòa với thiên nhiên để giảm thiểu lũ sông Hương và đảm bảo không gian trong lành, thân thiện với môi trường, cần xây dựng các khu vực dọc theo sông Hương thành các không gian thân thiện với môi trường.

Đồng thời, cải tạo các công viên hiện có như công viên Lê Lợi (Công viên Lý Tự Trọng), công viên Phan Bội Châu (công viên 3-2) để hình thành hệ thống không gian xanh trong thành phố. Quy hoạch các không gian tiện ích sinh hoạt của khu vực để nâng cao chức năng ven mặt nước - cảnh quan - vui chơi giải trí - văn hóa liên kết với tài nguyên văn hóa lịch sử.



Hình 2.7. Quy hoạch định hướng bờ Nam sông Hương (nguồn: Đồ án ĐC QHC thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050)

+ Xây dựng hành lang xanh với trọng tâm là núi Ngự Bình: Đây là một điểm nhấn của Trung tâm văn hóa phía Nam thành phố, nhằm khai thác tầm nhìn đẹp từ Kinh thành Huế đến núi Ngự Bình, xây dựng đài quan sát ở đỉnh núi và đường đi bộ từ chân núi lên đài quan sát.

Cung cấp các điểm nghỉ chân thư thái bằng các công trình đa dạng để phục vụ người dân. tận dụng các đường đi trong rừng để đảm bảo tính hài hòa với thiên nhiên. Phát triển khu vực không chỉ thành không gian sinh hoạt văn hóa của người dân Huế mà còn thành địa điểm được biết đến như một khu du lịch nổi trội và là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa nghệ thuật trong nước và quốc tế. (Hình 2.8)



Hình 2.8. Quy hoạch định hướng trung tâm văn hóa Ngự Bình (nguồn: Đồ án ĐCQHHC Tp Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050)

2.3. Các yếu tố tác động đến quản lý không gian xanh thành phố Huế

2.3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

a) Điều kiện tự nhiên

- Thành phố Huế thuộc vùng ven biển miền Trung có địa hình chuyển tiếp từ thềm núi xuống đồng bằng ven biển bao gồm hai dạng địa hình chính là vùng đồi thấp và vùng đồng bằng chiếm hầu hết diện tích đất của thành phố. Là vùng có khí hậu chuyển tiếp giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam, từ đồng bằng ven biển lên vùng núi cao. Chế độ khí hậu, thủy văn ở đây có đặc tính biến động lớn và hay xảy ra thiên tai bão lũ. Đặc điểm nổi bật của khí hậu thành phố Huế là lượng mưa lớn nhất cả nước, vùng đồng bằng hẹp thường chịu nhiều lũ lụt mà việc hạn chế ngập rất khó khăn. Nhiệt độ trung bình hàng năm thành phố Huế khoảng 25,2°C.

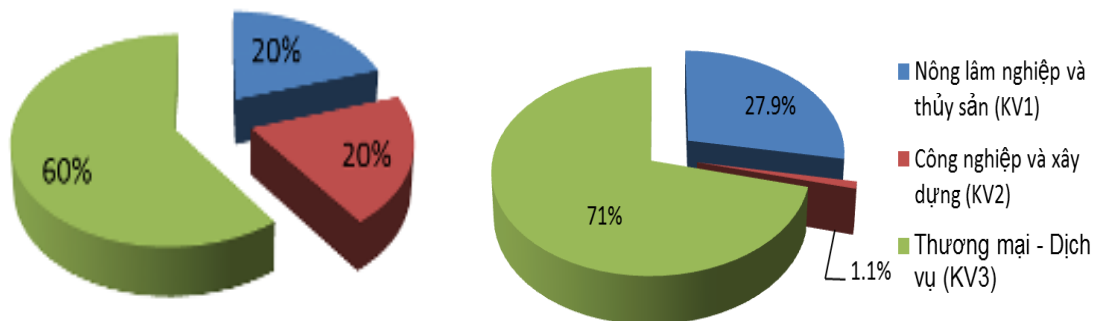
Thành phố Huế chịu ảnh hưởng của 2 hướng gió chính là gió mùa Tây, bão xuất hiện hàng năm, trực tiếp đổ bộ gây ảnh hưởng tới thành phố từ tháng 8 đến tháng 9 – 10, có năm đến tháng 11, 12 vẫn còn có mưa, bão, lũ gây ngập úng thành phố.

Các số liệu về điều kiện tự nhiên ở đây cho thấy, Huế khả năng phát triển các loại cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của vùng vùng chuyển tiếp giữa khí hậu nóng ẩm, gió mùa của miền Bắc và khí hậu hai mùa mưa, nắng quanh năm của vùng miền Nam. Đây là yếu tố có tác động thuận lợi đối với việc giữ gìn và phát triển hệ thống không gian xanh và cảnh quan thiên nhiên rất đặc trưng của thành phố Huế.

b) Điều kiện kinh tế - xã hội

Tình hình kinh tế xã hội thành phố Huế 6 tháng đầu năm 2016 được đánh giá có nhiều chuyển biến tích cực với doanh thu ngành dịch vụ du lịch tăng 16,3%, ngành sản xuất công nghiệp dịch vụ tăng 13,3% và tổng thu ngân sách cũng tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước. [55]

Về cơ cấu kinh tế của thành phố cũng có những thay đổi theo hướng tỷ trọng các ngành dịch vụ, du lịch ngày càng tăng cao (Hình 1.15). Trong năm 2015 thu nhập bình quân đầu người ước đạt 2.200 USD, tỷ trọng dịch vụ, du lịch, chiếm 71%; công nghiệp, xây dựng chiếm 27,9%; nông lâm, thủy sản chỉ chiếm 1,10%. [55] Đây là xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với đặc điểm riêng của Huế và một số thành phố khác như Đà Lạt, Hội An.



Hình 2.9. Biểu đồ cơ cấu kinh tế TP Huế giai đoạn 2005 – 2010 và 2015

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng các ngành du lịch, dịch vụ là các ngành kinh tế chủ đạo là cơ sở quan trọng để định hướng phát triển không gian đô thị. Với chức năng là một bộ phận cấu thành của không gian đô thị, không gian xanh phải được quy hoạch, quản lý phát triển theo quy hoạch phục vụ cho

yêu cầu và xu hướng phát triển kinh tế, xã hội của thành phố. Đồng thời trong thực tế điều kiện kinh tế, xã hội có ảnh hưởng lớn tới công tác quản lý không gian xanh, khi kinh tế phát triển thì chính quyền đô thị sẽ có điều kiện về ngân sách để quan tâm và đầu tư cho việc cải tạo, bảo tồn và phát triển hệ thống cây xanh, công viên vườn hoa trong đô thị cũng như các thảm thực vật trong thành phố.

2.3.2. Những tác động của biến đổi khí hậu

Những năm gần đây qua các kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ hiểm họa của các loại thiên tai do biến đổi khí hậu ở thành phố Huế được xác định ngày càng gia tăng như Lũ lụt - Bão, lốc tố - Hạn hán, Rét - Dịch - Sạt lở. Các loại hình thiên tai chính ở Huế bao gồm lũ lụt, bão, hạn hán, nắng nóng kéo dài, trong đó lũ lụt được coi là thiên tai nguy hiểm nhất và gây nên nhiều thiệt hại nhất cho thành phố. Các tác động của biến đổi khí hậu sẽ tác động rất mạnh tới công tác quản lý không gian xanh của thành phố Huế.

Do vậy một trong các giải pháp ứng phó với BĐKH của thành phố là phải bảo vệ và phát triển các không gian xanh tự nhiên như rừng đầu nguồn, không gian xanh bán tự nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trong thành phố, hệ thống vườn cây trái, vườn di sản Huế; không gian xanh nhân tạo như các công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố và hệ thống mặt nước sông, hồ. Cùng với việc bảo vệ và phát triển các không gian xanh, thì việc lựa chọn các giống cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên và các tác động của BĐKH cũng là yếu tố rất quan trọng để thích ứng với các ảnh hưởng của BĐKH của thành phố Huế trong hiện tại và tương lai.

2.3.3. Những giá trị lịch sử văn hóa gắn kết với không gian xanh

Là một trong những đô thị quan trọng của Việt Nam có bề dày lịch sử văn hóa, là đô thị phản ánh quá trình phát triển của đất nước cuối thế kỷ XVIII đến gần nửa đầu thế kỷ XX. Các công trình trong Kinh thành Huế đã tiếp thu và kế thừa kiến trúc truyền thống Lý, Trần, Lê đồng thời tiếp thu tinh hoa của mỹ thuật

Trung Hoa nhưng đã được Việt Nam hóa một cách có ý thức dân tộc, có chọn lọc, thích nghi với tâm hồn người Việt đã đem lại những đặc trưng bản sắc kiến trúc Huế. Đó là yếu tố thiên nhiên được hòa quyện với các công trình trong quần thể công trình kiến trúc, đặc biệt là các công trình trong khu vực Kinh thành và các lăng tẩm, dinh thự phủ đệ...

Hệ thống các không gian tự nhiên của thành phố hầu hết là vành đai bảo vệ lăng tẩm các vua triều Nguyễn. Hệ thống vườn trong các đền chùa, dinh thự phủ đệ là các mảng xanh nhân tạo đã được kiến lập và gìn giữ hàng trăm năm qua. Những giá trị lịch sử, văn hóa của Huế đã tác động ảnh hưởng và làm cho các không gian xanh của Huế có vẻ đẹp độc đáo, cùng với văn hóa và lối sống Huế nên còn lưu giữ được cho đến ngày nay.

2.3.4. Các chương trình kế hoạch phát triển có liên quan của tỉnh Thừa Thiên Huế

a) Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Văn bản số 91/KH-UBND ngày 07/8/2015 với mục tiêu cụ thể là: Đạt cây xanh công cộng khu vực nội thị các đô thị đạt trên 5m²/người. Một trong các nhiệm vụ được xác định là: Xây dựng đô thị Huế đạt hệ thống chỉ số đô thị xanh, với giải pháp liên quan là dự án Công viên, cây xanh, quảng trường khu hành chính tập trung tại khu Đô thị mới An Vân Dương có diện tích 17,23 ha.

b) Kế hoạch hành động thành phố xanh Huế đến năm 2020 định hướng đến năm 2030

Kế hoạch được phê duyệt tại Văn bản số 110/KH-UBND ngày 09/10/2015 UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, nhằm tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị loại II (thành phố xanh) và triển khai nhiệm vụ theo Kế hoạch số 91/KH-UBND. Với mục đích hiện thực hóa tầm nhìn thành phố xanh trong

khuôn khổ hợp tác giữa Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; Xây dựng Huế trở thành đô thị xanh, phát triển bền vững đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan tự nhiên...;

c) Quy hoạch chi tiết hai bờ sông Hương và các dự án thí điểm

Dự án có phạm vi 15 km, 100m từ mép bờ sông Hương từ phố cổ Bao Vinh đến đồi Vọng Cảnh, bao gồm cả Cồn Hến và cồn Dã Viên. Mục tiêu của dự án nhằm tạo cảnh quan đẹp hai bên bờ sông Hương, là nơi tổ chức các sự kiện và lễ hội quốc tế; xây dựng các điểm nút phát triển du lịch với các không gian văn hóa đa dạng dọc hai bờ sông; hình thành trục phát triển trung tâm của thành phố và không gian nghỉ dưỡng cho người dân.

d) Đề án Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế đặc trưng

Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, với mục tiêu giai đoạn 2015 đến năm 2020. Đề án đã xác định đối tượng, tiêu chí phân loại nhà Rường Huế đặc trưng và điều kiện tham gia chính sách hỗ trợ, bảo tồn. Đề án chưa bao hàm ý nghĩa đối với việc gìn giữ, bảo vệ khu vườn trong khuôn viên nhà vườn Huế là một loại không gian xanh đặc trưng của Huế.

2.4.5. Yếu tố khoa học công nghệ trong quản lý không gian xanh đô thị

Trên thế giới ngày nay, các phần mềm mô phỏng (simulation technology) đã được sử dụng để mô hình hóa các kịch bản trồng cây, với từng loại cây trong một không gian cảnh quan cụ thể (sinh trưởng sau 5, 10, hoặc 15 năm), mô phỏng phương án trồng cây phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng và cảnh quan của từng khu vực cụ thể (Hình 2.10). Các phần mềm mô phỏng giúp cho đơn vị quản lý cây xanh có những dự báo chính xác trong việc quản lý cảnh quan, chăm sóc cây, bố trí nguồn lực...

Cùng với hệ thống các phần mềm quản lý, các máy móc hiện đại (máy quét siêu âm) cũng được sử dụng để theo dõi hiện trạng của thân cây, bộ rễ...

nhằm phát hiện nhưng nguy cơ tiềm tàng như cây bị đục ruỗng thân, bộ rễ bị hỏng... và có các biện pháp chuẩn bị ứng phó kịp thời (xử lý bệnh, cắt tỉa hoặc thay thế cây) nhằm tránh sự cố đáng tiếc xảy ra cho con người và tài sản khi cây bất ngờ bị đổ.



Hình 2.10. Minh họa việc sử dụng CNTT quản lý không gian xanh đô thị

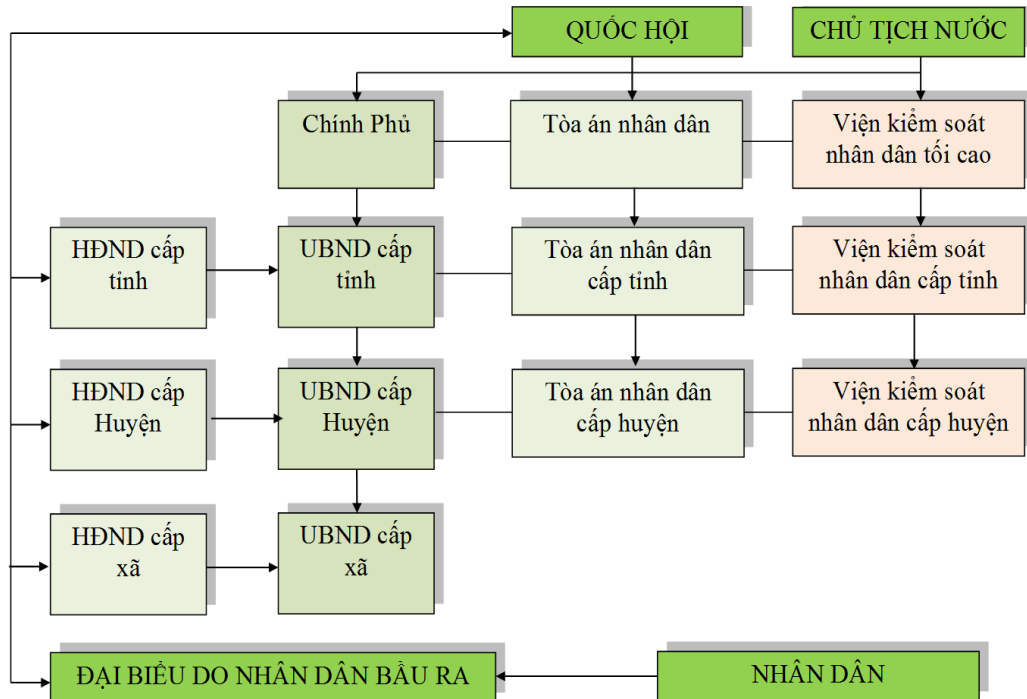
2.4.6. Vai trò chính quyền đô thị trong công tác quản lý không gian xanh đô thị

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, đã quy định Nhiệm vụ và quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương theo hình thức phân quyền và phân cấp, theo quy định tại các Điều 11 và Điều 12 của Luật [35]. Sơ đồ mô hình tổ chức Bộ máy nhà nước các cấp nói chung. (Hình 2.11)

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định tại Thông tư liên tịch giữa Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ số 07/2015/TTLT-BXD-BNV “*Xây dựng kế hoạch, chương trình và cơ chế chính sách phát triển cây xanh đô thị trình UBND cấp tỉnh phê duyệt và*

hướng dẫn thực hiện sau khi được phê duyệt” là chức năng, nhiệm vụ của Sở Xây dựng được quy định tại điểm khoản 7 Điều 28 của Thông tư.



Hình 2.11. Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước ở các cấp

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được quy định tại quy định tại Thông tư liên tịch giữa Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ số 07/2015/TTLT-BXD-BNV . Tại khoản 2, Điều 5 của Thông tư, phòng Quản lý đô thị có chức năng “Tham mưu, giúp UBND thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: ... **cây xanh đô thị**...”.

2.4.7. Sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý không gian xanh đô thị

a) Quan điểm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước

Trong thời gian qua, một số các nghiên cứu ở Việt Nam cũng cho thấy vai trò dần được khẳng định vai trò và trách nhiệm của cộng đồng trong phát triển không gian đô thị như: “*Quản lý phát triển cây xanh đô thị và sự tham gia của*

cộng đồng” của PGS. TS Vũ Thị Vinh [65], hay quan điểm về “*Vai trò của xã hội công dân trong quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị*” của PGS. TS Nguyễn Quốc Thông. [45]

Các nghiên cứu về “*Cuộc sống giữa những công trình kiến trúc*” của Jan Gehl; “*Không gian công cộng làm nên cuộc sống thành phố*” của Debra Efroymsen... Trong đó, các nghiên cứu đều cho rằng ngoài vai trò quản lý nhà nước, sự tham gia giám sát và quản lý của cộng đồng là yếu tố rất quan trọng trong việc tạo ra sức sống và bản sắc riêng cho các không gian xanh. [21]

b) Quan điểm của cơ quan quản lý nhà nước

Để góp phần thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm củng cố hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức sáng tạo của nhân dân trong phát triển kinh tế, ổn định chính trị xã hội. Thực hiện phương châm của Đảng “*dân biết, dân làm, dân kiểm tra*”. “*Dân biết*” được hiểu là quyền được tiếp cận thông tin một cách đầy đủ và trung thực; “*dân bàn*” là khái niệm quyền tham gia ý kiến của nhân dân để đi đến những quyết định trực tiếp, bàn đề thực hiện, bàn đề tham gia ý kiến để cơ quan đại diện quyết định.

Như vậy với các ý nghĩa và phương châm lãnh đạo của Đảng như vừa nêu trên thì vai trò sự tham gia của người dân đối với công tác quản lý đô thị trở nên rất quan trọng. Việc tham gia ý kiến của cộng đồng dân cư phải được thực hiện từ công tác xây dựng các văn bản pháp luật, công tác quy hoạch đến tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị. Tương tự như vậy vai trò của cộng đồng trong công tác quản lý không gian xanh đô thị cũng cần được nâng cao hơn nữa, đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế nước ta đang ở trong quá trình hội nhập quốc tế về cả chiều rộng và chiều sâu.

c) Vai trò của cộng đồng dân cư

Theo các nghiên cứu xã hội thì cộng đồng có vai trò rất quan trọng quản lý đô thị nói chung và quản lý không gian xanh nói riêng. Tiến sĩ Frank Fishcer và Tiến sĩ Yund Yabea của trường đại học quốc gia Azina – Hoa Kỳ quan điểm

ý thức cộng đồng của người dân là một trong những yếu tố rất quan trọng để đi tới sự thành công trong quản lý đô thị. Trên cùng một địa bàn những nhóm dân cư khác nhau có thể có những đòi hỏi khác nhau hay những quan điểm khác nhau để cùng tham gia.

d) Vai trò của các tổ chức xã hội, nghề nghiệp

Để công tác quản lý không gian xanh ngày một tốt hơn không chỉ là trách nhiệm của các đơn vị nhà nước mà cần huy động sự tham gia nhiều hơn của các tổ chức chính trị - xã hội và các hội nghề nghiệp. Ở nước ta các tổ chức như Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội người Cao tuổi, Hội Cựu chiến binh v.v. đã có nhiều đóng góp tích cực trong các công tác xã hội. Vì vậy đối với quản lý KGX khi thành phố có các cuộc vận động với các chương trình cụ thể thì các tổ chức này sẽ huy động các hội viên của mình tham gia tích cực và hiệu quả. Các hội nghề nghiệp là tổ chức tự nguyện của các thành viên có mối quan tâm chung trong cùng một lĩnh vực.

Hiệp hội công viên cây xanh Việt Nam là tổ chức của các nhà quản lý, các chuyên gia trong lĩnh vực cây xanh, các trường đại học, viện nghiên cứu và các đô thị, các công ty công viên cây xanh v.v. Vì vậy sẽ có nhiều kinh nghiệm đóng góp cho lĩnh vực cây xanh của các đô thị.

2.4. Một số bài học kinh nghiệm của các đô thị trong nước và nước ngoài

Để có thể có những kinh nghiệm tốt cho công tác quản lý không gian xanh thành phố Huế, thì những bài học từ các thành phố lớn của các nước phát triển hoặc các đô thị lớn trong nước chính là những kiến thức quản lý từ công tác lập quy hoạch, đến các giải pháp cụ thể cho việc đầu tư phát triển,, quản lý khai thác vận hành các không gian phục vụ cho cuộc sống cộng đồng dân cư và phục vụ phát triển kinh tế xã hội của đô thị. Kinh nghiệm của các thành phố ở nước ngoài sẽ được làm rõ như các nội dung sau.

2.4.1. Các chiến lược duy trì không gian xanh - Kinh nghiệm của Cộng đồng đô thị Lyon, Cộng hòa Pháp

Ở Pháp mô hình cộng đồng đô thị (CĐĐT) được hình thành từ những năm 1960 [48]. Trong quá trình đô thị hóa, các đô thị mới không sáp nhập vào thành phố Lyon mà thành phố liên kết với các đô thị xung quanh để cùng giải quyết các vấn đề trên địa bàn rộng lớn về cơ sở hạ tầng đô thị (giao thông, cấp - thoát nước...) cũng như chi phí đầu tư, vận hành cho từng địa bàn nhỏ. Chính quyền của các thành phố thành viên vẫn tồn tại nhưng sẽ có một số thẩm quyền được chuyển giao lại cho CĐĐT.

Nhiệm vụ chính về không gian xanh: (1) *Gìn giữ và phát huy giá trị của các không gian tự nhiên và không gian nông nghiệp ở vùng ven của Cộng đồng; (2) Quản lý cây xanh đường phố và một số công viên lớn.*

Chính sách của Thành phố là tạo điều kiện để mọi người dân đều được tiếp cận với các không gian xanh, đảm bảo tính công bằng xã hội; các công viên được phân bố rải đều khắp địa bàn, mỗi công viên có diện tích khoảng vài ngàn m².

Các vùng không gian xanh tự nhiên được xác định là lớp đệm chuyển tiếp từ khu đô thị này sang khu đô thị khác và các trung tâm nối với nhau bằng hành lang giao thông để thực hiện phát triển đô thị theo mô hình đa trung tâm, đa chức năng. (Hình 2.12)

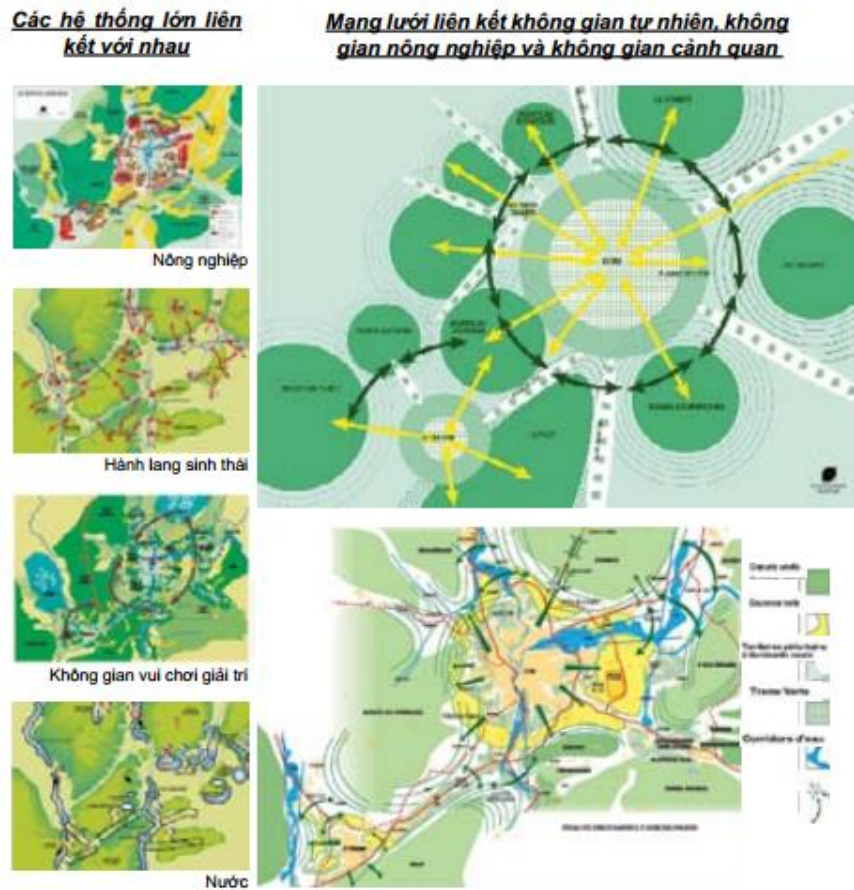
** Các chiến lược duy trì không gian xanh của Cộng đồng đô thị Lyon*

- Liên kết các không gian xanh: Chủ trương liên kết các không gian tự nhiên, không gian nông nghiệp và không gian cảnh quan, vui chơi giải trí lại với nhau (thay vì để rời rạc từng mảng) bằng các hành lang xanh.

- Bảo vệ không gian tự nhiên và nông nghiệp ven đô thị: Quy hoạch chung xác định những không gian tự nhiên hoặc không gian nông nghiệp không được phép xây dựng nhằm gìn giữ, bảo vệ quỹ đất này cho tương lai.

- Đưa không gian thiên nhiên trở lại đô thị: Không gian tự nhiên thường

nằm ngoài đô thị, trong khi đó nhu cầu đến với KGXTN lại là của những người đang sống trong vùng lõi của đô thị. Từ khi có chính sách đưa không gian tự nhiên vào đô thị, bờ sông Rhône được chuyển từ bãi đậu xe hơi thành công viên dọc bờ sông để người dân đến nghỉ ngơi, dạo mát.



Hình 2.12. Sơ đồ liên kết giữa các không gian xanh trong CDĐT Lyon [48]

2.4.2. Tiêu chuẩn không gian xanh đô thị - Kinh nghiệm của Broxtowe, Nottinghamshire, Anh

Với quan điểm các không gian xanh đô thị được coi là tài sản của thành phố vì vậy việc thống kê và phân loại được tiến hành hàng năm với sự trợ giúp của các công cụ và thiết bị hiện đại. Việc đánh giá tỷ lệ phân bổ số lượng các không gian xanh giữa các khu vực để có sự kiểm soát và có sự bổ sung đối với các khu vực còn thiếu.

Xác định tiêu chuẩn không gian xanh cho Broxtowe, Notttinghamshire: Căn cứ vào điều kiện thực tế của Broxtowe so sánh với Tiêu chuẩn cấp quốc gia và thành phố London để lựa chọn cho tiêu chuẩn không gian xanh cho thành phố. (Bảng 2.4), [68]

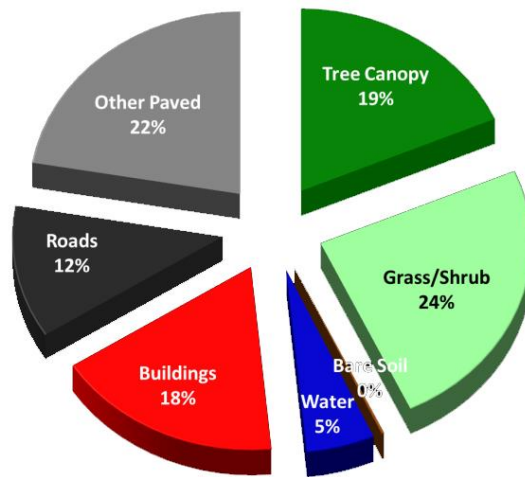
Bảng 2.4. Tiêu chuẩn KGX của Broxtowe, Notttinghamshire, Anh [68]

Loại không gian xanh	Khoảng cách tối đa từ các hộ gia đình đến không gian xanh	Quy mô tối thiểu của các loại không gian xanh
Công viên và vườnhoa	500 m	1 Ha
Không gian xanh tự nhiên và bán tự nhiên	300 m	2 Ha
Sân chơi với các thiết bị thể thao ngoài nhà	500 m	1 Ha
Sân chơi với nhiều tiện ích	300 m	0.25 Ha

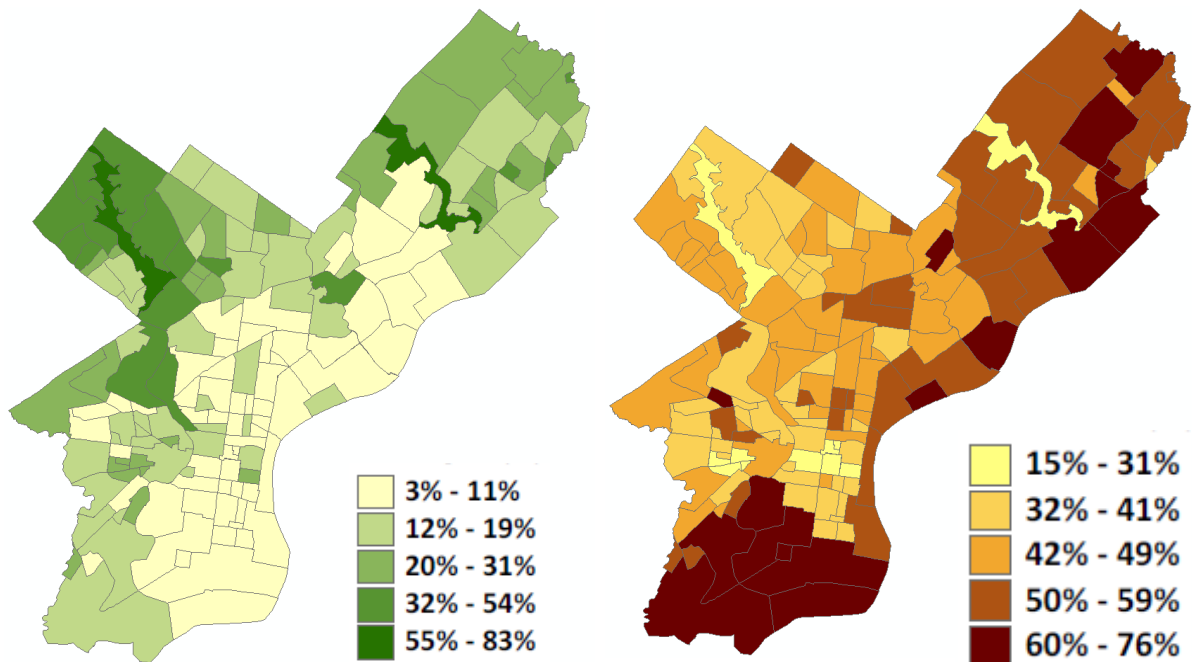
2.4.3. Bản đồ che phủ xanh và các chỉ số che phủ xanh - Kinh nghiệm của Thành phố Philadelphia – Mỹ

Xây dựng bản đồ che phủ xanh từ ảnh vệ tinh có độ phân giải cao là cơ sở đánh giá vai trò của không gian xanh trong bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH. Bản đồ che phủ xanh sẽ giúp cho việc xác định lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính được giảm, lượng nước mưa được giữ lại trong đất, lượng bụi bị giữ lại bởi tán lá cây tương ứng với diện tích phủ xanh đô thị. Thành phố Philadelphia (Philly) đã xác định độ che phủ xanh cho các quận trong toàn thành phố, hiện trạng quận có tỷ lệ thấp nhất là China Town, South Philadelphia có độ che phủ xanh tương ứng là 3%; các quận độ che phủ xanh rất cao là Wissahickon Park và Penny Park tương ứng là 83% và 81% . Trong khả năng có thể tăng độ che phủ xanh thì các quận Eastwick, Navy Yard và Brides-burg có thể đạt được độ che phủ xanh tương ứng là 76%, 72% và 70% . (Hình 2.13)

Tỷ trọng các loại bao phủ bề mặt đất của thành phố Philadelphia bao gồm: Che phủ bởi cây xanh 19%, cây bụi/cỏ 24%, mặt nước 5%, công trình xây dựng 18%, đường giao thông 12%, vật liệu khác 22%, đất trống 0%.



Hình 2.13. Tỷ trọng che phủ xanh của thành phố Philadelphia [71]



Độ che phủ xanh hiện tại (%)

Độ che phủ xanh có thể đạt được (%)

Hình 2.14. Độ che phủ xanh hiện tại và dự kiến của TP Philly [71]

Độ che phủ bởi cây xanh (Tree Canopy - TC) được xác định là lớp lá, cành cây của hệ thống cây xanh bao phủ mặt đất khi nhìn từ ảnh vệ tinh xuống là độ che phủ xanh hiện tại của thành phố [71]. Trên cơ sở bản đồ che phủ xanh hiện tại được thiết lập từ ảnh vệ tinh có độ phân giải cao, thành phố Philly đã xác định các chỉ số xác định được tỷ trọng phủ xanh của các khu vực theo công thức sau:

1. Tỷ lệ che phủ xanh (TC) (%):

$$\text{TC (i)} = \frac{\text{Diện tích che phủ xanh của loại đất (i) trong đô thị}}{\text{Tổng diện tích toàn thành phố}}$$

2. Tỷ lệ che phủ xanh của từng loại đất trong đô thị (TC1):

$$\text{TC1 (i)} = \frac{\text{Diện tích che phủ xanh của loại đất (i) trong đô thị}}{\text{Diện tích của loại đất đó}}$$

3. Tỷ lệ che phủ xanh của từng loại đất so với tổng diện tích che phủ xanh của toàn đô thị (TC2):

$$\text{TC2 (i)} = \frac{\text{Diện tích che phủ xanh của loại đất (i) trong đô thị}}{\text{Tổng diện tích phủ xanh toàn đô thị}}$$

Trong đó (i) là một loại đất xác định theo chức năng sử dụng trong đô thị, ví dụ như đất khu ở, đất thương mại dịch vụ...

Căn cứ các kết quả tính toán chỉ số độ che phủ xanh hiện tại TC, TC1, TC2, quy hoạch không gian xanh của thành phố Philadelphia đã xác định mục tiêu đạt tỷ lệ che phủ xanh chung của thành phố cần đạt được là 30%. Từ mục tiêu chung xác định các đơn vị ở có thể đạt được mục tiêu hoặc vượt mục tiêu. Việc xác định độ che phủ xanh TC, TC1, TC2 của các khu chức năng đô thị theo công thức nêu trên, đã cho kết quả độ che phủ xanh đối với từng khu vực theo chức năng sử dụng đất.

Phương pháp này sẽ là cơ sở thuận lợi cho việc lập kế hoạch đầu tư phát triển các không gian xanh phù hợp với điều kiện cụ thể của từng khu vực, do vậy công tác quy hoạch và phát triển không gian xanh đô thị sẽ mang tính khả thi cao.

2.4.4. Sự tham gia quản lý của cộng đồng - Kinh nghiệm của thành phố Regina, Canada

Thành phố Regina đạt được một số mục tiêu thông qua quá trình từ lập kế hoạch đến phát triển các không gian xanh, với sự tham gia của cộng đồng trong các công việc như sau:

- Cộng đồng là một bên tham gia tích cực trong quá trình lập kế hoạch và phát triển các không gian xanh ;
- Trao quyền cho người dân để xác định nhu cầu và ưu tiên phát triển các không gian xanh của địa phương;
- Tạo điều kiện nâng cao sự hiểu biết của cộng đồng đối với vai trò, giá trị của không gian xanh và các vấn đề ảnh hưởng đến cộng đồng của KGX trong xây dựng phát triển đô thị. [86]

Với việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của KGX cùng với việc tạo cơ hội để cộng đồng tham gia trong quá trình lập kế hoạch và nêu lên nhu cầu của mình đối với việc phát triển các KGX là kinh nghiệm rất tốt cho việc quản lý các KGX đô thị của các đô thị Việt Nam nói chung và thành phố Huế nói riêng.

2.4.5. Về đối tượng quản lý và chế tài xử phạt trong quản lý công viên, cây xanh - kinh nghiệm của thành phố Đà Lạt

- Về đối tượng quản lý: Trong nội dung tổng quan về quản lý không gian xanh của các đô thị Việt Nam, việc quy định về đối tượng quản lý của Công ty Công viên hoa và cây xanh thành phố Đà Lạt ngoài đối tượng quy định hiện hành là “cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh đường phố và cây xanh hạn chế”, Đà Lạt đã quy định đối tượng quản lý bao gồm “*Cây rừng tự nhiên hoặc rừng trồng*”. Với quy định này đối tượng quản lý của Công viên hoa và cây xanh thành phố Đà Lạt được bao gồm toàn bộ không gian cây xanh tự nhiên và nhân tạo, điều này tạo sự đồng bộ, thống nhất hơn cho công tác quản lý và phù hợp

với quy định của quốc tế. Do vậy đây chính là kinh nghiệm mà thành phố Huế cần nghiên cứu để học tập và áp dụng.

- *Về chế tài xử lý vi phạm*: Thành phố Đà Lạt đã có quy định phải nộp vào quỹ bảo vệ và phát triển cây xanh số tiền tương ứng với chi phí trồng và chăm sóc, bảo vệ 5 cây cùng loài cho đến khi có chiều cao 3 mét đối với 1 cây bị tổ chức, cá nhân được giao quản lý cây xanh tự ý chặt hạ hoặc cố tình gây tác động làm cây chết. Đây là quy định không chỉ phù hợp với yêu cầu quản lý của riêng thành phố Đà Lạt mà còn là kinh nghiệm để thành phố Huế và nhiều thành phố khác cần học tập để bảo vệ quỹ cây xanh đô thị hiện có.

Với quan điểm, trong quá trình phát triển đô thị cần phải biết giữ gìn những giá trị làm nên bản sắc của thành phố như hệ thống cây xanh đường phố và những không gian xanh. Đây cũng chính là bài học cần rút kinh nghiệm cho thành phố Huế cũng như nhiều thành phố khác trong cả nước.

Chương 3. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ KHÔNG GIAN XANH THÀNH PHỐ HUẾ

3.1. Quan điểm quản lý không gian xanh

Trong cấu trúc không gian đô thị, không gian xanh là một bộ phận không thể tách rời cùng với đặc điểm văn hóa - xã hội - tự nhiên và trình độ phát triển khác nhau của mỗi vùng, mỗi quốc gia và các thời kỳ lịch sử khác nhau. Cùng với vai trò và giá trị của không gian xanh đã được khẳng định trong không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị của thành phố Huế, một thành phố có những giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan của cả nước và đã được quốc tế công nhận. Do vậy quan điểm về việc quản lý không gian xanh của thành phố Huế được xác định dựa trên 5 quan điểm sau đây :

1. Quản lý không gian xanh thành phố Huế là một nội dung của phát triển đô thị bền vững, gắn với chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (TTX), nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái và hài hòa với phát triển xã hội và kinh tế.

2. Quản lý không gian xanh của thành phố Huế góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan trong tổng thể không gian kiến trúc cảnh quan đô thị. Góp phần từng bước xây dựng nền tảng cho việc phát triển thành phố Huế theo hướng đô thị Xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

3. Quản lý không gian xanh của thành phố Huế là trách nhiệm của các cấp chính quyền, cùng chia sẻ trách nhiệm có sự phối hợp liên ngành. Đảm bảo phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước có liên quan từ việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, nghiên cứu thiết kế quy hoạch, đầu tư phát triển và khai thác, sử dụng các không gian xanh của thành phố. Đồng thời cần có tổ chức bộ máy quản lý làm việc hiệu quả.

4. Quản lý không gian xanh trên cơ sở đảm bảo lợi ích của người dân là trung tâm, với sự tham gia của cộng đồng trên tinh thần cùng cam kết xây dựng môi trường sống thân thiện.

5. Quản lý không gian xanh thành phố Huế phải dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ tiên tiến, từ công tác quy hoạch đô thị, đầu tư phát triển và khai thác sử dụng phù hợp với điều kiện đặc thù của thành phố Huế.

3.2. Các nguyên tắc quản lý không gian xanh thành phố Huế

Quản lý không gian xanh đô thị là một quá trình từ công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển thực hiện quy hoạch được duyệt, đến việc khai thác sử dụng các không gian xanh trong xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội - kỹ thuật của đô thị. Quá trình quản lý này được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật với các nguyên tắc quản lý đô thị [16], bao gồm: Tập trung dân chủ; kết hợp ngành và lãnh thổ; quản lý ngành thống nhất; phân cấp, phân công, ủy quyền và phối hợp; Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân tham gia. Cùng với kinh nghiệm quản lý không gian xanh của các đô thị trên thế giới, các đô thị Việt Nam đã đề cập ở chương II, Luận án đề xuất 6 nguyên tắc quản lý không gian xanh đối với thành phố Huế, gồm các nội dung sau:

Nguyên tắc 1. Việc quản lý, phát triển không gian xanh đô thị phải tuân thủ quy hoạch và các chủ trương chính sách của nhà nước có liên quan tới không gian xanh.

Nghiên cứu xây dựng Quy hoạch phát triển không gian xanh / hoặc Đề án quản lý phát triển KGX của thành phố Huế (gọi chung là đề án phát triển KGX) trên cơ sở quy hoạch chung đô thị, các chương trình, kế hoạch cấp quốc gia, vùng có liên quan. Đề án phát triển KGX được UBND Tỉnh phê duyệt là cơ sở cho việc lập chương trình, kế hoạch phát triển và bảo vệ các không gian xanh.

Khi lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu đô thị, khu dân cư, dự án xây dựng phát triển hạ tầng đô thị trên địa bàn thành phố cần đảm bảo tính tuân thủ các quy định của đề án phát triển KGX.

Nguyên tắc 2. Đánh giá, phân loại và xây dựng giải pháp quản lý không gian xanh tại các di sản cấp quốc tế và quốc gia

Đối với thành phố Huế là thành phố di sản, vì vậy việc quản lý để giữ gìn và phát triển không gian xanh chính là góp phần vào công tác bảo tồn phát triển các khu di tích, các điểm di tích trong thành phố Huế ngày càng tốt hơn. Do vậy cần đánh giá, phân loại nhằm xác định được giải pháp khôi phục, phát triển những giá trị cảnh quan thiên nhiên để cùng bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản gắn với các không gian cảnh quan đó.

Đặc biệt là không để xảy ra những hành vi “*Làm thay đổi môi trường cảnh quan của di tích như chặt cây, đào bới và hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến di tích*” như quy định tại Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.

Nguyên tắc 3. Lựa chọn chủng loại cây trồng phải phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng và biến đổi khí hậu

Thành phố Huế có dạng địa hình chuyển tiếp từ thềm núi xuống đồng bằng ven biển bao gồm hai dạng địa hình chính: Vùng đồi thấp và vùng đồng bằng, khí hậu chuyển tiếp giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam, từ đồng bằng ven biển lên vùng núi cao, về thổ nhưỡng có 2 tiểu vùng địa lý thổ nhưỡng là tiểu vùng đất đỏ vàng và tiểu vùng đất phù sa. Đây là điều kiện tự nhiên rất thuận lợi cho phát triển các loài cây trồng trên địa bàn thành phố.

Cùng với điều kiện tự nhiên đặc thù, thuận lợi và quá trình lịch sử hình thành và phát triển của Kinh đô Huế trong gần 150 năm, các loại cây trồng của cả 3 miền đã hội tụ về Huế và cùng tồn tại và phát triển cho đến ngày nay. Tuy nhiên trong điều kiện BĐKH đang gây ra những hậu quả lớn cho Việt Nam nói chung và thành phố Huế nói riêng, thì việc lựa chọn các chủng loại cây là yêu cầu phải được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn và sâu sắc hơn để đảm bảo phù hợp với

đặc điểm điều kiện tự nhiên, văn hóa lịch sử của Huế và thích ứng với quá trình biến đổi khí hậu đang diễn ra.

Nguyên tắc 4. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan để quản lý hiệu quả không gian xanh

Đây là nguyên tắc rất quan trọng đối với bất kỳ thành phố nào nhưng đối với thành phố Huế lại càng quan trọng hơn vì có nhiều loại không gian xanh với các đơn vị khác nhau quản lý như đã trình bày tại mục 1.3.4. Do vậy việc xây dựng nguyên tắc phối hợp của các cơ quan có liên quan đối với một loại không gian xanh cần tuân thủ các quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ chuyên môn của mỗi bên, phải có nội dung phối hợp cụ thể theo đề án phát triển KGX đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Nguyên tắc 5. Huy động người dân, doanh nghiệp, các Hội nghề nghiệp, tham gia quản lý không gian xanh đô thị

Cộng đồng có vai trò rất quan trọng trong quản lý đô thị nói chung và quản lý không gian xanh nói riêng. Trong đó ý thức của người dân là một trong những yếu tố rất quan trọng để đi tới sự thành công của công tác quản lý. Vì trên cùng một địa bàn, có thể các nhóm dân cư khác nhau sẽ có những yêu cầu khác nhau hay những quan điểm khác nhau trong việc giữ gìn và phát triển hệ thống không gian xanh trong khu vực họ sinh sống. Do vậy sự tham gia của cộng đồng dân cư đối với việc bảo vệ, phát triển các KGX và trong việc xác định nhu cầu các hoạt động phục vụ cuộc sống tinh thần, thể chất của họ trong các không gian xanh gắn liền với các khu dân cư là yêu cầu bắt buộc phải được nghiên cứu và thực hiện.

Các Tổ chức xã hội nghề nghiệp có vai trò dẫn dắt một số các hoạt động của cộng đồng dân cư trong việc trồng cây, chăm sóc cây và tôn vinh những cá nhân, hộ gia đình, tổ chức (nhà đầu tư phát triển đô thị) làm tốt việc này phù hợp với truyền thống Phật giáo của người dân xứ Huế.

Nguyên tắc 6. Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý không gian xanh đô thị là xu hướng cần thực hiện của thành phố Huế.

Trong công tác quản lý không gian xanh, việc thống kê, lập dữ liệu để quản lý bằng hệ thống thông tin địa lý (GIS) với các nội dung quản lý được lập trình thông qua các phần mềm quản lý giám sát với việc phân cấp chức năng đầy đủ nhằm đảm bảo việc theo dõi và kiểm tra các công việc đã được thực hiện. Cùng với hệ thống công nghệ thông tin, các máy móc hiện đại (máy quét siêu âm) cũng được sử dụng để theo dõi hiện trạng của cây và có các biện pháp chuẩn bị ứng phó kịp thời (xử lý bệnh, cắt tỉa hoặc thay thế cây hỏng, gãy đổ) nhằm tránh sự cố đáng tiếc xảy ra cho con người và tài sản.

Do vậy việc ứng dụng công nghệ thông tin, các máy móc hiện đại cần được nhanh chóng thực hiện vì đây là công cụ hiệu quả trong quản lý không gian xanh đô thị nói riêng và quản lý đô thị nói chung.

3.3. Kiểm soát phát triển không gian xanh thành phố Huế

3.3.1. Nhận diện và phân loại không gian xanh thành phố Huế

Căn cứ phân tích về các quy định hiện hành, căn cứ thực trạng hệ thống không gian xanh trong của thành phố Huế với những giá trị về thẩm mỹ cảnh quan đô thị, lịch sử, văn hóa, các giá trị xã hội, môi trường sinh thái và đề xuất khái niệm không gian xanh, không gian xanh thành phố Huế tại mục 2.1.1 của Luận án, không gian thành phố Huế được xác định bao gồm không gian xanh bán tự nhiên và không gian xanh nhân tạo, cụ thể như sau:

a) Không gian xanh bán tự nhiên

Theo khái niệm không gian xanh bán tự nhiên là các không gian xanh tự nhiên có sự can thiệp của con người theo các mức độ khác nhau tùy thuộc mục tiêu bảo tồn và phát triển. Từ khái niệm trên, cho thấy các khu vực tự nhiên như sông, hồ và mặt đất đã có sự tác động của con người để biến các không gian tự nhiên đó trở thành những khu vực phục vụ cho việc phát triển kinh tế xã hội như

du lịch, dịch vụ và các hoạt động xã hội khác thì được xác định là các không gian xanh bán tự nhiên.

Qua việc nhận diện trên, có thể xác định rằng các khu rừng cảnh quan, rừng phòng hộ, khu vực sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, rừng sản xuất và mặt nước sông, hồ có các hoạt động kinh tế, xã hội của con người là các không gian xanh bán tự nhiên. Các không gian bán tự nhiên của thành phố Huế (Bảng 3.1) gồm các loại:

- Đối với các khu rừng đặc dụng và rừng phòng hộ trong thành phố Huế: theo quy định tại khoản 2, Điều 21, Mục 6, Nghị định số 117/2010/NĐ-CP về Sử dụng bền vững tài nguyên, hoạt động dịch vụ trong khu rừng đặc dụng, thì các khu rừng này được xác định là các không gian xanh bán tự nhiên.

- Dòng sông Hương, “*dải lụa xanh*” mềm mại vắt hờ qua miền Thơ, xanh mướt cỏ, cây, hoa, trái là đặc điểm nổi bật của cảnh quan thành phố Huế. Các hoạt động du lịch, dịch vụ, các hoạt động vận chuyển hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế trên sông Hương, cùng hệ thống chi lưu là các sông, hồ được cải tạo từ những sông hồ tự nhiên trong Hoàng thành, các dòng sông, hồ nước khác của thành phố Huế là những không gian xanh bán tự nhiên.

Bảng 3.1. Các loại không gian xanh bán tự nhiên của TP Huế

TT	Loại KGX bán tự nhiên	Vai trò, giá trị
1	Các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	Giá trị cao về cảnh quan môi trường và bảo vệ di sản
2	Sông Hương và hệ thống mặt nước sông, hồ	Giá trị cao về cảnh quan và bảo vệ môi trường
3	Vườn trồng cây lâu năm	Giá trị về bảo vệ môi trường cao và có giá trị về kinh tế
4	Rừng sản xuất	Giá trị về bảo vệ môi trường cao và bảo vệ môi trường
5	Đất trồng lúa nước	Có giá trị thấp về kinh tế và giá trị bảo vệ môi trường
6	Đất nuôi trồng thủy hải sản	Có giá trị thấp về kinh tế và giá trị bảo vệ môi trường

- Hệ thống vườn cây trái đặc trưng với diện tích hàng nghìn m²/hộ trồng các loại cây trái, là một nét đặc thù của lịch sử phát triển hình thành của thành phố Huế. Các khu vườn này nối kết với nhau tạo thành một không gian xanh mang lại không chỉ giá trị kinh tế mà cả những giá trị về cảnh quan môi trường và phục vụ du lịch khám phá ngày nay. Các khu vực sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, khu vực trồng cây hàng năm khác, khu vực nuôi trồng thủy hải sản cùng rừng sản xuất trong thành phố Huế là những không gian xanh bán tự nhiên.

b) Không gian xanh nhân tạo

Theo khái niệm đề xuất tại mục 2.1.1, không gian xanh nhân tạo là không gian đã được con người đầu tư trồng cây xanh, thảm thực vật; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các công trình, trang thiết bị và có các hoạt động nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển xã hội của đô thị. Từ thực tiễn hình thành và phát triển các công viên, vườn hoa, cây xanh trong các công trình công cộng với quy trình trồng cây xanh, thảm cỏ, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động vui chơi giải trí của dân cư ở các độ tuổi khác nhau từ trẻ em, thanh niên, người lớn tuổi và người già. Từ nhận diện nêu trên cho thấy sự phù hợp giữa khái niệm không gian xanh nhân tạo và nhận diện các hệ thống cây xanh sử dụng công cộng trong các quy định của pháp luật hiện hành (TCXDVN 362: 2005). Do vậy các không gian xanh nhân tạo của thành phố Huế (Bảng 3.2) được xác định như sau:

- Không gian xanh sử dụng công cộng: Là hệ thống các công viên, vườn hoa, vườn dạo bao gồm cả diện tích mặt nước nằm trong các khuôn viên các không gian này.

- Hệ thống cây xanh trong phạm vi chỉ giới đường đỏ ở tất cả các tuyến đường cấp phân khu vực trở lên và các dải cây xanh thảm cỏ ven sông, hồ.

- Vườn di sản: Một nét đặc thù của Huế là hệ thống không gian xanh di sản: Là loại không gian xanh đặc thù của thành phố Huế, bao gồm hệ thống mảng xanh, điểm xanh trong khu vực Hoàng thành, các khu di sản hoặc điểm di

sản khác và hệ thống vườn Huế bao gồm hệ thống vườn Chùa, vườn Ngự, vườn dinh thự, phủ đệ.

- Không gian xanh chuyên dụng: Là hệ thống các vườn ươm.

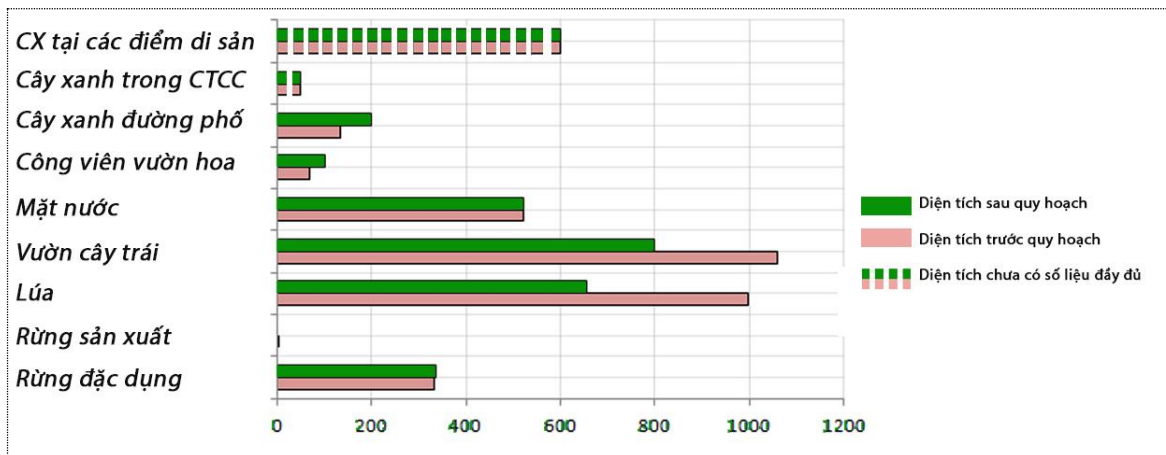
Các loại không gian xanh nhân tạo nêu trên được tổng hợp thành với các vai trò và giá trị của chúng tại Bảng 3.2.

Trong thực tế các KGX nhân tạo của thành phố Huế chưa có số liệu thống kê đầy đủ, mà mới chỉ có số liệu về các không gian xanh sử dụng công cộng là các công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố và vườn ươm. Các KGX gắn với di sản như hệ thống vườn Chùa, vườn Ngự, vườn Phủ đệ là loại KGX nhân tạo di sản, có tính chất đặc thù của thành phố Huế lại chưa có số liệu thống kê và được xác định cụ thể trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của thành phố và cũng chưa được đánh giá hiện trạng cũng như định hướng phát triển, quản lý trong quy hoạch chung thành phố.

Bảng 3.2. Các loại không gian xanh nhân tạo của thành phố Huế

TT	Loại KGX nhân tạo	Vai trò, giá trị
1	Công viên, vườn hoa	Nâng cao giá trị tinh thần cuộc sống, cảnh quan và môi trường đô thị
2	Cây xanh đường phố	Tăng tính thẩm mỹ đô thị và giảm ô nhiễm môi trường
3	KGX tại các di sản thế giới và quốc gia	Tô điểm và nâng cao giá trị thẩm mỹ, văn hóa của các di sản
4	Vườn ươm	Nguồn cung cấp cây xanh cho các KGX nhân tạo

Căn cứ quy hoạch chung thành phố và quan điểm của tác giả, hệ thống không gian xanh của thành phố Huế trong hiện tại và dự kiến được tổng hợp trong Biểu đồ tại Hình 3.1.



Hình 3.1. Biểu đồ hệ thống không gian xanh hiện tại và dự kiến phát triển của thành phố Huế

3.3.2. Một số yêu cầu kiểm soát phát triển theo phân loại không gian xanh của thành phố Huế

Với đặc điểm các không gian xanh của thành phố Huế được hình thành và phát triển theo dòng chảy của lịch sử phát triển Kinh đô Huế, điều đó phản ánh qua sự đan xen và có mặt các loại không gian xanh tất cả các vùng trên địa bàn thành phố. Do vậy, trên cơ sở quan điểm, nguyên tắc đã xác định tại mục 3.1 và 3.2; căn cứ định hướng quy hoạch chung đô thị, các đặc điểm tự nhiên, lịch sử, văn hóa của thành phố Huế, Luận án đề xuất là những giải pháp chung để quản lý toàn bộ không gian xanh thành phố Huế và giải pháp riêng để quản lý mỗi loại không gian xanh của thành phố như sau:

1. Bảo vệ quỹ đất các không gian xanh hiện hữu và dự kiến phát triển theo quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch, định hướng chiến lược có liên quan đã được phê duyệt; Nghiên cứu xây dựng bản đồ hiện trạng tổng thể hệ thống không gian xanh thành phố, xác định vị trí, quy mô đặc điểm của các loại không gian xanh nhân tạo, tự nhiên và bán tự nhiên trong các vùng đã được xác định để làm cơ sở cho việc bảo vệ và quản lý quỹ đất các không gian xanh hiện hữu và dự kiến phát triển của thành phố.

2. Tổ chức nghiên cứu xây dựng bản đồ che phủ xanh, xác định các chỉ số che phủ xanh của các vùng không gian xanh trong thành phố để làm cơ sở quản

lý và phát triển không gian xanh của thành phố và mỗi vùng đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển. Việc xây dựng bản đồ che phủ xanh cũng là căn cứ để đánh giá vai trò của không gian xanh đô thị trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Xây dựng chương trình bảo tồn, phục hồi và phát triển các không gian xanh gắn với hệ thống di sản này trong tổng thể bảo tồn và phát huy các giá trị di sản của thành phố Huế. Chương trình cần khảo sát, xác định hiện trạng hệ thống không gian xanh trong gắn với hệ thống di sản để xây dựng được giải pháp quản lý phù hợp với yêu cầu bảo tồn và phát triển của các khu di sản, điểm di sản.

4. Đối với các không gian xanh nhân tạo: Xây dựng kế hoạch phát triển không gian xanh nhân tạo sử dụng công cộng (các công viên cấp thành phố, cấp khu vực) đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần và thể chất của cộng đồng dân cư.

Lập kế hoạch cho việc chăm sóc duy trì, trồng mới thay thế hàng năm đối với hệ thống cây xanh đường phố đảm bảo chức năng là các hành lang xanh kết nối các mảng xanh, điểm xanh thành một hệ thống liên hoàn các không gian xanh của thành phố Huế và vùng phụ cận.

5. Đối với các không gian xanh bán tự nhiên: Xây dựng kế hoạch hỗ trợ các không gian xanh bán tự nhiên là các khu vực vườn cây trái về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hướng đến quy mô sản xuất hàng hóa cho khu vực dịch vụ, du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế và vùng du lịch trọng điểm quốc gia.

Hoàn thiện chương trình “Đô thị Xanh” do Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) tài trợ đối với hệ thống sông, hồ trong thành phố.

6. Đối với các không gian tự nhiên: Tổ chức xây dựng bản đồ hệ thống các không gian tự nhiên (rừng đặc dụng gắn với các di sản), nghiên cứu xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị của các không gian xanh tự nhiên với yêu cầu bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao kỹ năng sống, hiểu biết và bảo vệ thiên nhiên, môi trường cho các thế hệ trẻ.

3.3.3. Phân vùng quản lý phát triển không gian xanh của thành phố Huế

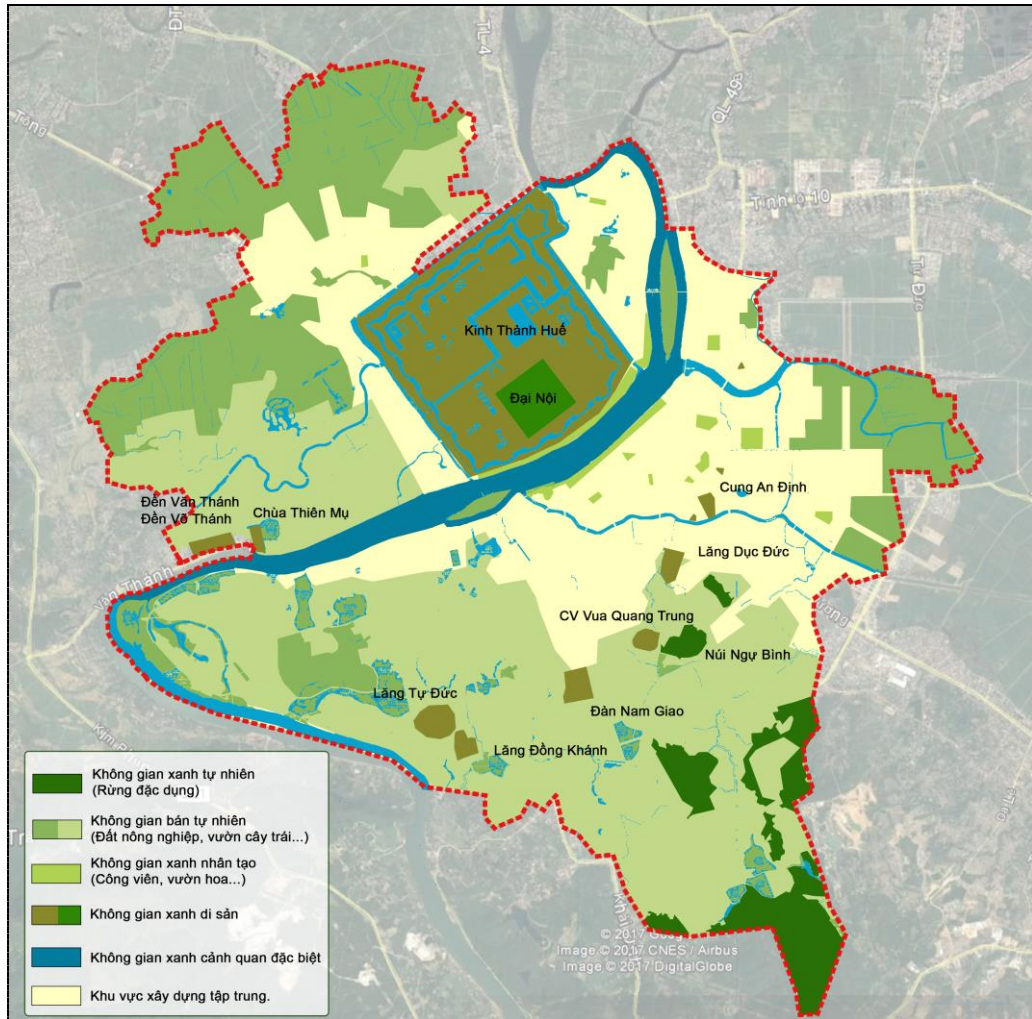
a) Cơ sở phân vùng quản lý phát triển không gian xanh

Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 4 Luật Di sản văn hóa số 10/VBHN-VPQH ngày 23/7/2013: “*Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử thẩm mỹ, khoa học; Mọi di sản văn hóa ... đều được bảo vệ và phát huy giá trị*”. Qua đánh giá thực trạng hệ thống KGX của TP Huế tại chương 1 đã cho thấy các một số không gian xanh nhân tạo và một phần không gian xanh bán tự nhiên của thành phố Huế là các danh lam thắng cảnh hoặc gắn với các di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc tế hoặc quốc gia, do vậy việc phân vùng quản lý các KGX của TP Huế cần xem xét trên cơ sở đặc điểm này, để đảm bảo phù hợp với các yêu cầu bảo tồn và phát huy các giá trị của khối “*di sản văn hóa vật thể đặc sắc của nhân loại*” đã được UNESCO công nhận.

Qua đánh giá thực tiễn phát triển của thành phố Huế sau gần 150 năm, hệ thống di tích văn hóa lịch sử thế giới tại Huế (Phụ lục 2) đã cho thấy các không gian xanh của thành phố Huế gắn bó mật thiết với các khu vực di sản, các không gian xanh bán tự nhiên và nhân tạo đan xen và phân bố theo các giai đoạn hình thành và phát triển của thành phố.

Dòng sông Hương là trục không gian xanh cảnh quan đặc biệt, bờ Bắc sông Hương là Kinh thành Huế với 4 phường trong Kinh thành là nơi có mật độ dày đặc các di sản đã được thế giới công nhận, là khu vực cần được bảo vệ nghiêm ngặt theo các quy định của UNESCO và quy định của pháp luật Việt Nam. Các khu vực phía Tây, Bắc, Đông của Kinh thành và ở khu vực bờ Nam sông Hương với khu phố Pháp, các khu vực đô thị phát triển mới, có nhiều công trình di sản và hệ thống đền, chùa, miếu thờ, lăng tẩm các vị Vua triều Nguyễn; hệ thống vườn cây trái; một số khu rừng đặc dụng, rừng cảnh quan và một quỹ đất sản xuất nông nghiệp khá lớn của thành phố. Đây là những khu vực cần được

có các giải pháp bảo vệ và phát triển phù hợp với các quy định của UNESCO và quy định của pháp luật của Việt Nam.



Hình 3.2. Phân bố hệ thống không gian xanh thành phố Huế

Dòng sông Hương là trục không gian xanh cảnh quan đặc biệt, bờ Bắc sông Hương là Kinh thành Huế với 4 phường trong Kinh thành là nơi có mật độ dày đặc các di sản đã được thế giới công nhận, là khu vực cần được bảo vệ nghiêm ngặt theo các quy định của UNESCO và quy định của pháp luật Việt Nam. Các khu vực phía Tây, Bắc, Đông của Kinh thành và ở khu vực bờ Nam sông Hương với khu phố Pháp, các khu vực đô thị phát triển mới, có nhiều công trình di sản và hệ thống đền, chùa, miếu thờ, lăng tẩm các vị Vua triều Nguyễn; hệ thống vườn cây trái; một số khu rừng đặc dụng, rừng cảnh quan và một quỹ đất sản xuất nông nghiệp khá lớn của thành phố. Đây là những khu vực cần được

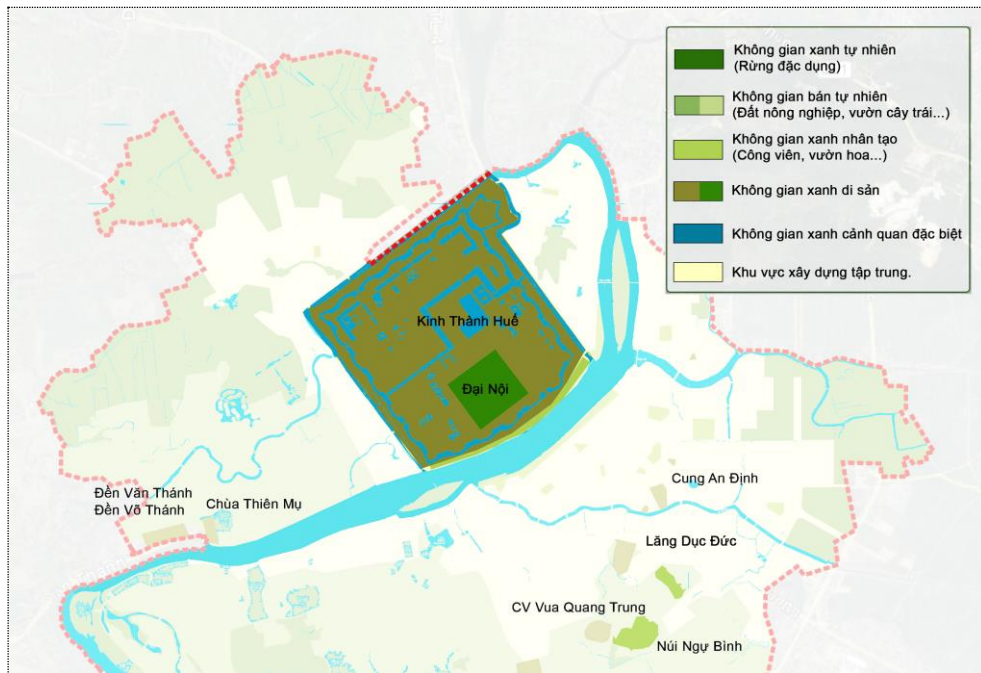
có các giải pháp bảo vệ và phát triển phù hợp với các quy định của UNESCO và quy định của pháp luật của Việt Nam.

Theo các phân tích ở trên, không gian xanh của thành phố Huế sẽ được tổ chức quản lý theo 5 vùng (hình 3.2), bao gồm: (1) Không gian xanh trong Kinh thành Huế; (2) Không gian xanh khu vực ngoài Kinh thành Huế; (3) Không gian xanh vùng lõi đô thị Nam sông Hương; (4) Vùng bảo tồn di sản và bảo vệ thiên nhiên; và (5) Sông Hương - Không gian xanh cảnh quan đặc biệt. Các loại không gian xanh được xác định cụ thể theo phạm vi ranh giới và các đặc điểm riêng các vùng như sau:

b) Không gian xanh trong Kinh thành Huế

Kinh thành Huế với kiến trúc trùng thiềm điệp ốc, uy nghi, khuôn phép, các khối công trình hài hòa (tỷ lệ vàng), gắn gũi với thiên nhiên. Hoàng thành là vòng thành thứ hai bên trong kinh thành Huế, nơi ở của vua và Hoàng gia, cũng là nơi làm việc của triều đình. Ngoài ra Hoàng thành Huế còn là nơi thờ tự tổ tiên và các vị vua nhà Nguyễn. Bốn phường Thuận Hòa, Thuận Thành, Thuận Lộc, Tây Lộc và một phần của ba phường xung quanh Kinh thành, xưa kia là nơi ở của quan lại, hoàng tộc của triều đình nhà Nguyễn và các phố thị ra đời phục vụ cuộc sống của Kinh đô. Phía ngoài Kinh thành các tuyến đường bao quanh là: Nam giáp đường Trần Hưng Đạo và Lê Duẩn; phía Tây giáp đường Lê Duẩn; phía Bắc giáp đường Tăng Bạt Hổ; phía Đông giáp đường Phan Đăng Lưu. Phía trong Kinh thành được giới hạn bởi phía Nam đường Ông Ích Khiêm; phía Tây đường Tôn Thất Thiệp; phía Bắc đường Lương Ngọc Quyến và phía Đông đường Xuân 68 và có diện tích 520 ha.

Đây là nơi có mật độ dày đặc các di sản đã được UNESCO công nhận, là khu vực cần được bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định của UNESCO và Luật Di sản Văn hóa của Việt Nam. Trong vùng lõi di sản là Kinh thành Huế, các KGX nhân tạo và KGX bán tự nhiên được bố trí đan xen gắn bó mật thiết với các công trình di sản và trong các khu vực dân cư.



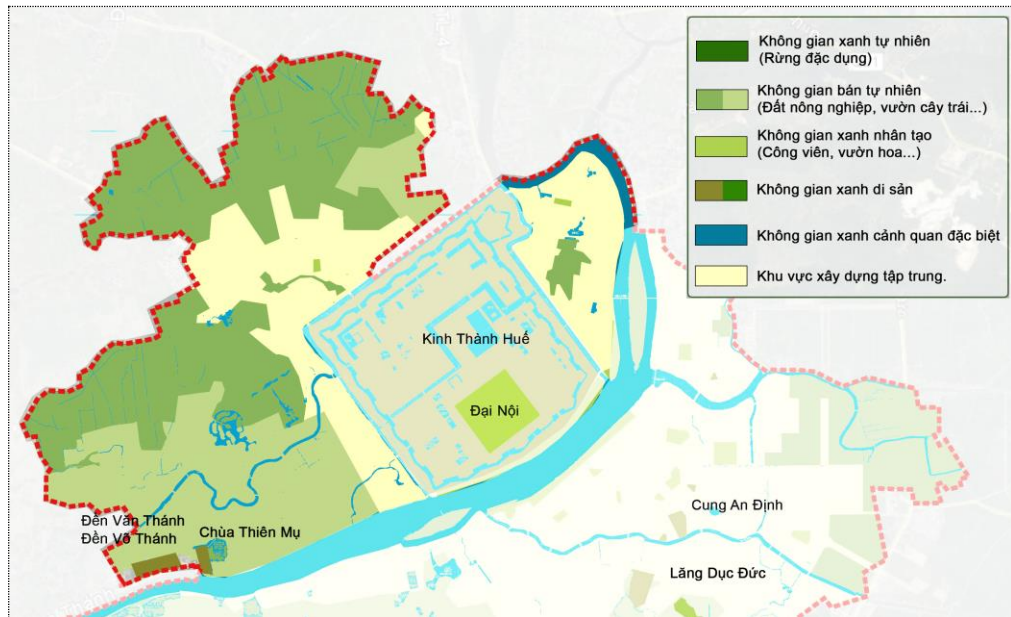
Hình 3.3. Không gian xanh trong Kinh thành Huế

Tại đây, các công trình xây dựng không được vượt quá 11m, do vậy khu vực này như một thảm xanh được tô điểm bởi sắc vàng, đỏ của các công trình di tích và công trình dân dụng, tất cả được bao bọc bởi màu nâu thâm nghiêm của hệ thống tường thành. Các KGX nhân tạo ở đây là hệ thống cây xanh, thảm thực vật hòa quyện với công trình di sản bên trong Hoàng Thành, Tử Cấm thành bên trong Kinh thành cùng một số vườn hoa, công viên, thảm cỏ, cây xanh đường phố.

Các KGX bán tự nhiên là hệ thống mặt nước trong Kinh thành bao gồm các sông Ngự Hà, Kẻ Vạn, An Hòa, Đông Ba bao bọc và nối với sông Hương, Hộ thành hào chạy ziczac xung quanh, Ngự Hà đi giữa Kinh thành và các hồ Tịnh Tâm, Học Hải... đã tạo nên những giá trị di sản cảnh quan, văn hóa lịch sử của Kinh thành Huế. (Hình 3.3)

c) Không gian xanh khu vực ngoài Kinh thành Huế

Đây là vùng xung quanh Kinh thành, gồm 10 phường Phú Hậu, Phú Hiệp, Phú Cát, Kim Long, Hương Long, An Hòa, Hương Sơ... là khu vực phía Tây, Bắc và Đông của Kinh thành có diện tích hơn 2.280 ha. (Hình 3.4).



Hình 3.4. Không gian xanh khu vực ngoài Kinh thành Huế

Không gian xanh khu vực bên ngoài Kinh thành Huế chủ yếu là các không gian xanh bán tự nhiên gồm các khu vực sản xuất nông nghiệp (đất lúa) có quy mô diện tích khá lớn, tuy nhiên theo quy hoạch chung đô thị các không gian xanh này sẽ bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa và trở thành đất phát triển đô thị và một số vườn hoa nhỏ là KGX nhân tạo có quy mô khá nhỏ. Các không gian mặt nước sông Bạch Yến và một số hồ, đặc biệt là các khu nhà vườn Huế ở khu vực Kim Long còn tồn tại khá nhiều và rất nổi tiếng với trái cây ngon và phong cách ẩm thực đặc trưng của Huế.

Một số không gian xanh gắn với các di sản như chùa Thiên Mụ, đền Văn Thánh, Võ Thánh thì cần được xem xét đánh giá do hiện tại các khu vực này chỉ được quan tâm quản lý đối tượng là các công trình di sản, còn khu vực liên quan với di sản như không gian xanh thì chưa được quan tâm đầy đủ.

d) Không gian xanh vùng lõi đô thị Nam sông Hương

Khu vực này thuộc phía Nam sông Hương với khu phố Pháp, các khu vực đô thị phát triển mới trong khoảng 100 năm vừa qua, có diện tích khoảng 1.670 ha, là khu vực trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa... của Tỉnh Thừa Thiên

Huế và thành phố Huế. Đây là nơi có mật độ xây dựng tương đối cao, quy hoạch chung thành phố đã xác định hướng phát triển thành phố với các khu đô thị mới phía Nam và kết nối với khu vực động lực tăng trưởng của Tỉnh là Khu Kinh tế Chân Mây Lăng Cô và thành phố Đà Nẵng - một trung tâm kinh tế năng động.



Hình 3.5. Không gian xanh Vùng lõi đô thị Nam sông Hương

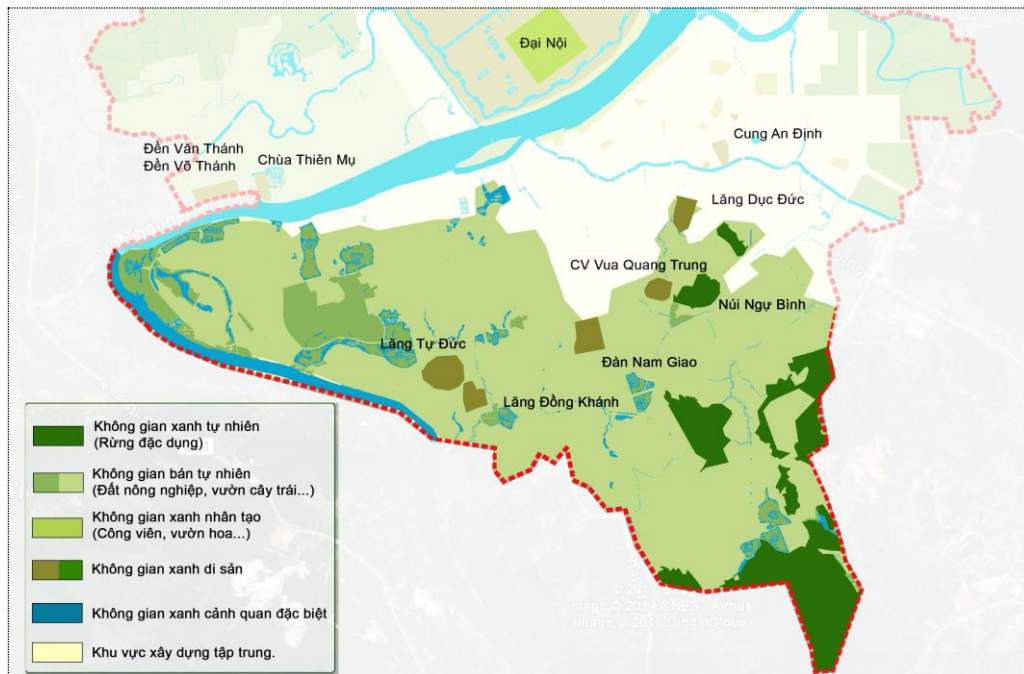
Không gian xanh vùng lõi đô thị Nam sông Hương chủ yếu là KGX nhân tạo, gồm các công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố và các không gian xanh tại các công trình di sản. Các sông An Cựu, Như Ý và một số hồ nước là những KGX bán tự nhiên của vùng này (Hình 3.5).

Đối với KGX vùng này cần phải đảm bảo giữ nguyên hiện trạng quỹ đất không gian xanh hiện có, nâng cao chất lượng phục vụ và tiếp tục phát triển các KGXNT là công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố... theo quy hoạch chung đô thị, quy hoạch tổng thể phát triển KGX của thành phố đã được phê duyệt.

e) Vùng bảo tồn di sản và bảo vệ thiên nhiên Tây Nam thành phố

Khu vực Tây Nam thành phố, có diện tích 2.737 ha, không gian xanh khu vực này là một số rừng cảnh quan tại các khu vực lăng tẩm của các vị vua triều Nguyễn (lăng Tự Đức, Đồng Khánh và Dục Đức) và các mảng xanh gắn với các di tích lịch sử khác. Khu vực này còn bao gồm hệ thống nhà vườn (trong đó còn

những nhà rường có giá trị kiến trúc, văn hóa, lịch sử đã được xác định trong danh mục bảo vệ Nhà Rường Huế) với các vườn cây trái có diện tích lớn và các công trình xây dựng có mật độ thấp. Một diện tích tương đối lớn rừng đặc là những khu bảo tồn thiên nhiên cần tuân thủ đúng các quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. (Hình 3.6)



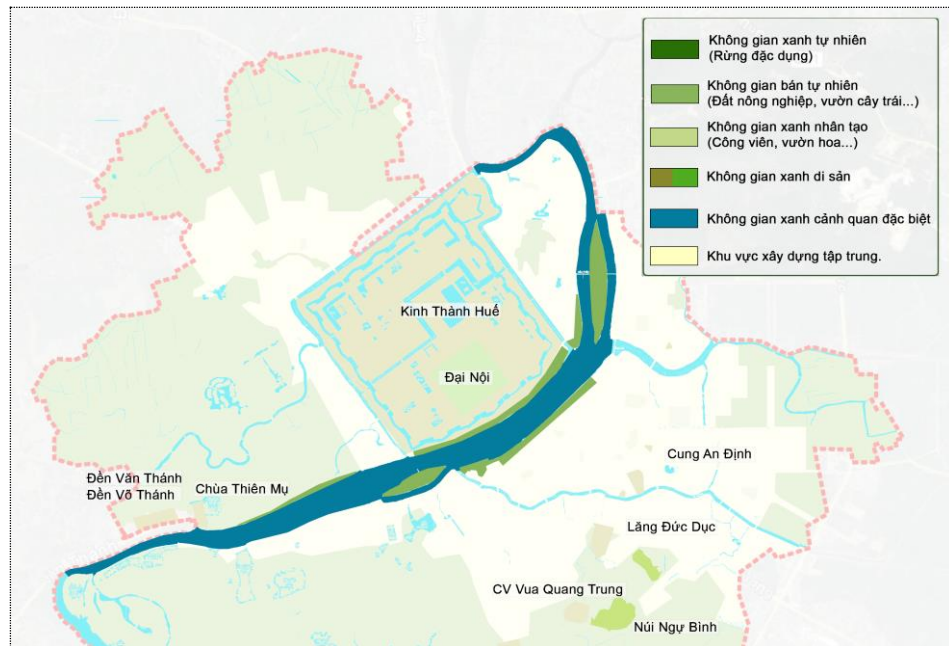
Hình 3.6. KGX Vùng bảo tồn di sản và bảo vệ thiên nhiên Tây Nam TP

Không gian xanh vùng bảo tồn di sản và bảo vệ thiên nhiên Tây Nam thành phố Huế cần phải được phân loại để có giải pháp quản lý phù hợp.

f) Sông Hương – Không gian xanh cảnh quan đặc biệt

Sông Hương được xác định là Minh Đường của Kinh đô Huế với Tả Thanh Long và Hữu Bạch Hổ là Cồn Dã Viên và Cồn Hến, hai đảo nhỏ nằm giữa dòng sông. Với bao câu chuyện lịch sử trong suốt thời kỳ mở đất đến nay, rất nhiều di tích lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể của mảnh đất Kinh đô xưa gắn liền với dòng sông. (Hình 3.7).

Không gian đô thị bờ Nam sông Hương, có hình thái kiến trúc chuyển tiếp dần từ các khu phố Pháp về phía Nam thành phố theo hướng tăng về chiều cao công trình và mật độ xây dựng.



Hình 3.7. Sông Hương - Không gian xanh cảnh quan đặc biệt

Dựa trên nền tảng một không gian xanh tự nhiên, qua sự tác động của con người đã khai thác yếu tố mặt nước và dải đất bên sông cho các hoạt động kinh tế, xã hội nhưng vẫn giữ gìn được những đặc tính tự nhiên của dòng sông, cảnh quan hai bên bờ sông và đồng thời vẫn giữ gìn được giá trị của những di sản văn hóa do con người tạo nên qua lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất này. Sông Hương với tổng chiều dài 30km, đoạn chảy qua thành phố Huế có chiều dài 15km đoạn từ đồi Vọng Cảnh đến phố Cổ Bao Vinh. Đây là khu vực đã được lập quy hoạch chi tiết hai bờ sông và đang được lấy ý kiến người dân. Khu vực lập quy hoạch có diện tích 836 ha; trong đó, diện tích đất dọc bờ sông 313,6 ha; diện tích đất cồn Hến 26,4 ha; diện tích đất cồn Dã Viên 11 ha và diện tích mặt nước sông Hương 485 ha. Quy hoạch chi tiết đã xác định khu vực hai bờ sông Hương sẽ hình thành các khu bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; khu nghỉ dưỡng, sinh thái, văn hóa lịch sử; một số không gian giải trí, tham quan du lịch trọng điểm và thiết lập các không gian cộng đồng... Sông Hương đóng vai trò là không gian chuyển tiếp từ mặt nước thiên nhiên qua không gian xanh hai bờ sông đến không gian đô thị hai bên bờ với hai hướng tiếp cận khác nhau. Với bờ

Bắc là không gian phải được bảo tồn nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật quốc tế và Việt Nam.

Với những giá trị, vai trò, đặc điểm về địa lý, lịch sử, văn hóa độc đáo như vậy, dòng sông Hương cần được xác định là một không gian xanh - cảnh quan đặc biệt để có các giải pháp quản lý phù hợp, đảm bảo các yêu cầu bảo tồn và phát triển của thành phố trong thời kỳ hội nhập quốc tế và các tác động của biến đổi khí hậu hiện nay.

3.3.4. Các công cụ quản lý không gian xanh thành phố Huế

a) Xác định các chỉ số che phủ xanh của thành phố Huế

Xác định độ che phủ xanh (Tree Canopy – TC) giúp cho công tác quản lý đô thị có thêm công cụ để đo lường giá trị bảo vệ môi trường và xây dựng thành phố theo hướng đô thị xanh. Việc xác định được độ che phủ xanh đô thị sẽ giúp tính toán được những giá trị làm giảm phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, một chỉ tiêu đã được Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh xác định theo các giai đoạn đến năm 2020, 2030 và 2050 tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Đồng thời, trong thực tiễn phát triển đã cho thấy, đô thị nào có tỷ lệ diện tích được che phủ xanh lớn sẽ giúp đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư và tăng sức hấp dẫn, thu hút những người đến làm việc hoặc thăm đô thị đó và góp phần xác định được đặc trưng về cảnh quan kiến trúc của mỗi đô thị.

Tham khảo kinh nghiệm của thành phố Philadelphia - Mỹ, trên cơ sở ảnh vệ tinh có độ phân giải cao về hiện trạng độ che phủ xanh đô thị, Luận án đề xuất tính toán chỉ số che phủ xanh của các vùng theo 3 chỉ số che phủ xanh của thành phố Huế theo các công thức sau:

1. Tỷ lệ che phủ xanh của vùng so với diện tích toàn thành phố (TC)

$$TC_i (\%) = \frac{\text{Diện tích được phủ xanh của vùng (i) trong TP}}{\text{Tổng diện tích toàn thành phố}}$$

2. Tỷ lệ che phủ xanh của mỗi vùng (TC1)

$$TC1_i (\%) = \frac{\text{Diện tích được phủ xanh của vùng (i) trong TP}}{\text{Diện tích của vùng (i)}}$$

3. Tỷ lệ che phủ xanh của mỗi vùng so với tổng diện tích phủ xanh toàn thành phố (TC2)

$$TC2_i (\%) = \frac{\text{Diện tích được phủ xanh của vùng (i) trong TP}}{\text{Tổng diện tích phủ xanh toàn thành phố}}$$

Trong đó (i) là một vùng theo phân vùng không gian xanh của thành phố Huế.

Kết quả tính toán độ che phủ xanh theo ba chỉ số TC, TC1, TC2 là các chỉ số về hiện trạng độ che phủ xanh theo mỗi vùng và là cơ sở để đánh giá xem độ che phủ xanh của vùng đó đã đạt được mục tiêu chung theo Quy hoạch hệ thống KGX đã đặt ra hay chưa. Đối với vùng chưa đạt mục tiêu thì phải đặt ra yêu cầu tăng tỷ lệ che phủ xanh phù hợp với điều kiện của vùng đó, nhằm đạt được mục tiêu chung về độ che phủ xanh của toàn thành phố. (xem minh họa ở Bảng 3.3, trang sau).

b) Áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý không gian xanh đô thị

Việc áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý không gian xanh cần thiết phải bắt đầu từ giai đoạn thiết kế, đầu tư phát triển và khai thác sử dụng. Tuy nhiên trong thực tế để có thể sớm bắt đầu đối với việc quản lý các KGX hiện hữu, việc ứng dụng khoa học công nghệ lại cần bắt đầu từ việc sử dụng một số phần mềm đang phổ biến để quản lý hệ thống cây xanh trong các không gian xanh, bởi vì cây xanh là yếu tố quan trọng để cấu thành không gian xanh. Bước đầu nên ứng dụng để quản lý đối với hệ thống cây xanh trên các tuyến đường phố, trong các công viên cấp thành phố các không gian xanh tự nhiên và bán tự nhiên trọng tâm. Sau đó dần nhân rộng cho từng không gian xanh trong đô thị với đầy đủ các yếu tố cấu thành như vị trí, quy mô đất đai, hệ thống cây xanh, thảm xanh, cấu trúc không gian, các đặc điểm tự nhiên, nhân tạo, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng cơ sở, ...

Bảng 3.3. Các chỉ số tỷ lệ che phủ xanh hiện tại và dự kiến phát triển của thành phố Huế

Tên vùng không gian xanh	Tỷ lệ che phủ xanh hiện tại (%)			Tỷ lệ che phủ xanh dự kiến (%) *		
	TC	TC 1	TC 2	TC	TC 1	TC 2
<i>Vùng đô thị Bắc sông Hương</i>						
1. Không gian xanh trong Kinh thành Huế	x	x	x	x	x	x
2. Không gian xanh khu vực ngoài Kinh thành Huế	x	x	x	x	x	x
3. Sông Hương – KGX cảnh quan đặc biệt	x	x	x	x	x	x
<i>Vùng đô thị Nam sông Hương</i>						
4. Lõi đô thị Nam sông Hương	x	x	x	x	x	x
5. Vùng bảo tồn di sản và bảo vệ thiên nhiên	x	x	x	x	x	x

* Tỷ lệ che phủ xanh dự kiến là chỉ số cần để đạt được mục tiêu theo quy hoạch đã xác định.

Từ các nghiên cứu và đánh giá tại chương 2, Luận án kiến nghị và các bước thực hiện việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý không gian xanh đối với hệ thống cây xanh đô thị cần bắt đầu từ khâu thiết kế, xây dựng hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System – GIS), cụ thể như sau:

* *Công tác thiết kế*: Sử dụng các phần mềm mô phỏng trong công tác thiết kế cảnh quan để thấy được các kịch bản trồng và chăm sóc cho từng loại cây, qua đó đánh giá được sự phù hợp của từng loại cây cụ thể đặt trong một khu vực cảnh quan cụ thể (theo các kịch bản 5, 10, 15 năm). Đây là công việc hoàn toàn có thể thực hiện được trên cơ sở sử dụng các thông tin quy hoạch đô thị có tính

ổn định tương đối dài. Hơn nữa, việc mô phỏng sẽ tránh được tình trạng xung đột giữa việc trồng cây với các công trình hạ tầng công cộng vốn đã tồn tại trước khi trồng cây.

** Xây dựng hệ thống GIS đối với công tác quản lý cây xanh*

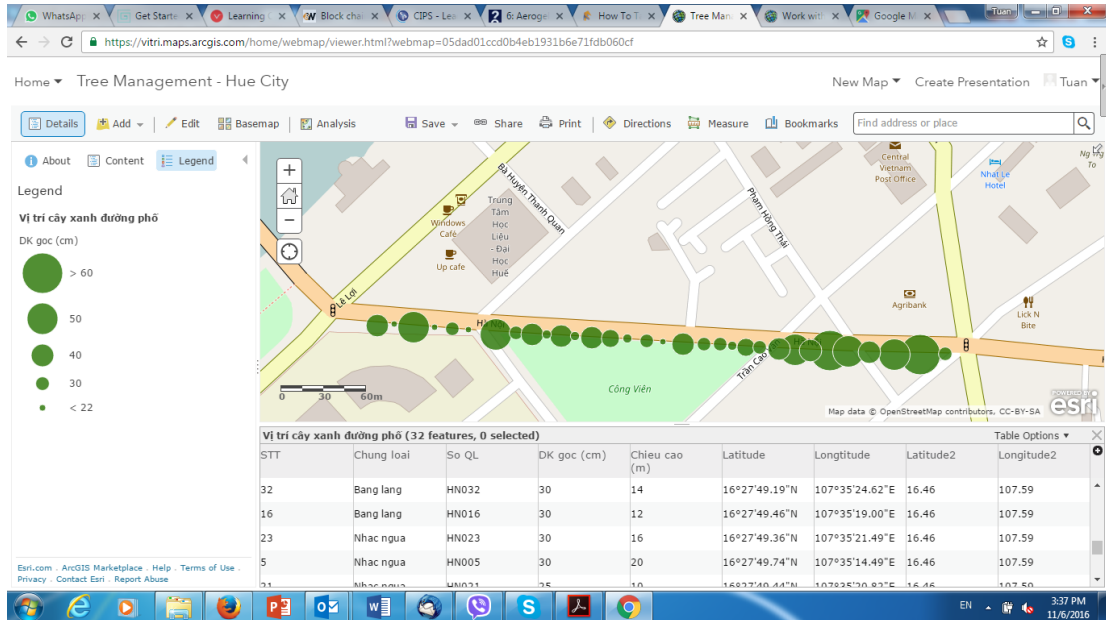
- Xây dựng hệ thống bản đồ nền với các lớp thông tin như giao thông, cơ sở hạ tầng, dân cư (số nhà). Để tiết kiệm chi phí, đơn vị quản lý cây xanh có thể tận dụng luôn cơ sở dữ liệu bản đồ có sẵn của các cơ quan khác như Sở TN và MT, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính... hoặc có thể sử dụng luôn bản đồ nền của Google Map, Open Map... Bản đồ nền (bản đồ số) gồm các lớp thông tin địa lý cơ bản như đường, dân cư, thủy hệ (mặt nước), cảnh quan, địa giới hành chính (ít nhất là các cấp xã – phường, quận - huyện, tỉnh – thành phố).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý cây xanh chi tiết và đầy đủ các trường thông tin. Đây là việc làm cần có sự đầu tư và thời gian thu thập và điều tra dữ liệu. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu này cũng cần được đầu tư để được cập nhật thường xuyên thì dữ liệu mới phục vụ tốt công tác quản lý. Cơ sở dữ liệu bao gồm các thông tin về vị trí (theo tọa độ địa lý), các thông tin thuộc tính (tên cây, đường kính gốc, chiều cao, đặc tính sinh học,...), và các thông tin phục vụ mục đích quản lý (ảnh chụp cây lần gần nhất, số lần thực hiện chăm sóc cây trong quá khứ, thời hạn thực hiện việc chăm sóc cây tiếp theo...). Cơ sở dữ liệu có thể được lưu trữ dưới nhiều định dạng khác nhau, sau đó nhập lên hệ thống máy tính.

- Tích hợp dữ liệu cây xanh lên nền các bản đồ, bước đầu chỉ cần thể hiện các thông tin ban đầu và đơn giản, ở các giai đoạn sau thì có thể bổ sung thêm các lớp.

* Phát triển các phần mềm ứng dụng trên nền bản đồ và dữ liệu cây xanh phục vụ các chức năng công việc và quản lý theo các yêu cầu nghiệp vụ khác nhau. Bổ sung các thiết bị, công nghệ phục vụ việc theo dõi, phát hiện sớm các bệnh của cây như máy siêu âm, quan trắc bộ rễ...

Xây dựng các nghiệp vụ quản lý (xây dựng phần mềm) để thực hiện các chức năng theo yêu cầu quản lý đề ra. Để tham khảo mô hình demo, có thể tới trang web: <http://arcg.is/2feg5yT>.



Hình 3.8. Thí điểm ứng dụng GIS quản lý cây xanh một tuyến đường của thành phố Huế

3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý không gian xanh thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, để cụ thể hóa một số nội dung trong cơ cấu tổ chức nhà nước, Thông tư Liên tịch số 07/2015/TTLT-BXD-BNV giữa Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ đã ban hành về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã.

Trên cơ sở thực tiễn quản lý của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND thành phố Huế, kinh nghiệm quản lý của một số thành phố trên thế giới và nhu cầu quản lý các không gian xanh của thành phố Huế, Luận án đề xuất bổ sung, điều chỉnh chức năng của các cơ quan có liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với không gian xanh thành phố Huế như sau:

3.4.1. Bổ sung nhiệm vụ của Phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật thuộc Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về quản lý phát triển đô thị, quy hoạch đô thị,... tại các tỉnh. Căn cứ quy định tại Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ, Thông tư liên tịch giữa Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ số 07/2015/TTLT-BXD-BNV về Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/8/2016 của về chức năng nhiệm vụ của Sở Xây dựng.

Trong các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng, phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật có nhiệm vụ về quản lý cây xanh đô thị, cụ thể là: *“Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh. Tổ chức lập, thẩm định về quy hoạch cây xanh đô thị theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh và lập danh mục cây trồng, cây cần bảo tồn, cây nguy hiểm, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong đô thị trên địa bàn tỉnh theo phân cấp”*.

Tuy nhiên các nhiệm vụ nêu trên tại Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND cũng chỉ có đối tượng là “*cây xanh đô thị*”. Nhiệm vụ này rất hạn hẹp, chưa bao quát hết các đối tượng KGX cần quản lý của thành phố Huế như Luận án đã đề xuất ở trên. Do vậy, Luận án đề xuất bổ sung nhiệm vụ của phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật thuộc Sở Xây dựng, để đảm bảo phù hợp với những tính chất đặc thù của KGX thành phố Huế như sau:

- Hướng dẫn, quy định cụ thể về đối tượng quản lý của không gian xanh của thành phố Huế và các đô thị trực thuộc tỉnh và vùng tỉnh.

- Tổ chức lập, thẩm định và trình UBND Tỉnh phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống không gian xanh toàn tỉnh và thành phố Huế nhằm đảm bảo quản lý đồng bộ và thống nhất các không gian xanh hướng đến phát triển đô thị bền vững.

3.4.2. Bổ sung nhiệm vụ của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Huế

Phòng Quản lý đô thị là 1 trong số 12 đơn vị trực thuộc UBND thành phố Huế. Với chức năng nhiệm vụ là quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng đô thị, trong số 11 nhiệm vụ được giao thì có một nhiệm vụ đối với cây xanh đô thị là “*Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị theo phân cấp của UBND tỉnh*”. Với nhiệm vụ hiện thời như vậy là không phù hợp, do vậy nhiệm vụ của Phòng Quản lý đô thị cần phải được kiện toàn hơn. Để đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý hệ thống KGX trên địa bàn thành phố, Luận án đề xuất bổ sung một số nhiệm vụ của Quản lý đô thị thuộc UBND thành phố Huế như sau:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, phát triển hệ thống không gian xanh thành phố Huế theo Quy hoạch và phát triển hệ thống không gian xanh của thành phố Huế đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức lập, thẩm định và trình UBND Thành phố phê duyệt Kế hoạch Tổng thể phát triển công viên và các hoạt động giải trí trong công viên thành phố Huế, sau khi QHC đô thị được phê duyệt.

- Tham gia góp ý kiến dự án đầu tư phát triển đô thị từ bước lập dự án để đảm bảo tính phù hợp với các quy định về quản lý không gian xanh trong các dự án phát triển đô thị.

- Trực tiếp quản lý hệ thống không gian xanh theo phân vùng quản lý.

3.4.3. Bổ sung nhiệm vụ của Trung tâm Công viên cây xanh Huế thuộc UBND thành phố Huế

Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố Huế, Trung tâm có 19 nhiệm vụ để quản lý trực tiếp hệ thống công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố Huế. Để nâng cao hiệu quả quản lý của Trung tâm đối với các đối tượng quản lý hiện nay, Luận án đề xuất bổ sung các nhiệm vụ sau:

- Bổ sung làm rõ hơn nhiệm vụ “Ứng dụng khoa học công nghệ để quản lý hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa” trên địa bàn thành phố.

- Nghiên cứu xây dựng cẩm nang Kỹ thuật chăm sóc cây xanh.

- Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý hệ thống cây xanh thành phố Huế theo hướng có chế tài cụ thể đối với các hành vi chặt, phá cây xanh của thành phố (tham khảo kinh nghiệm của thành phố Đà Lạt).

3.4.4. Đối với Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế- trực thuộc UBND tỉnh Thừa Thiên Huế

Hiện nay trong 17 nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm BTDT Cố đô Huế có 1 nhiệm vụ liên quan đến quản lý KGX đô thị gắn với các di sản, đó là “đảm bảo vệ sinh cảnh quan môi trường văn hóa tại các điểm di tích”, Trung tâm có phòng Cảnh quan và Môi trường, với chức năng “*tham mưu cho Giám đốc Trung tâm về kế hoạch quản lý, bảo tồn, tôn tạo, duy trì, chăm sóc hệ thống cảnh quan, môi trường các khu vực di tích (bao gồm: sân vườn, mặt nước ao hồ, cây chậu cảnh, cây xanh...*”.

Nhưng trong thực tế các nhiệm vụ trên chỉ đang được thực hiện với phạm vi trong khu vực Hoàng thành, đối với hệ thống không gian xanh hoặc cây xanh gắn với các di sản như lăng tẩm, các công trình di tích khác như vườn chùa, dinh thự, phủ đệ,... thì Phòng CQ&MT chưa có đủ khả năng và điều kiện để đảm nhiệm được vì phạm vi, đối tượng quá lớn và nhân sự của phòng thì chưa phù hợp. Do vậy cần có những điều chỉnh hợp lý để đảm bảo yêu cầu quản lý của Trung tâm BTDT Cố đô Huế trong giai đoạn tiếp theo theo hướng bổ sung nhân lực cho phòng Cảnh quan và Môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý đối với các không gian xanh thuộc phạm vi quản lý của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế.

3.4.5. Tổng hợp các nhiệm vụ hiện tại và đề nghị bổ sung của các cơ quan quản lý không gian xanh thành phố Huế

Căn cứ các nội dung tại các các mục 3.4.1 đến 3.4.4, tổng hợp nhiệm vụ quản lý nhà nước hiện tại và đề xuất điều chỉnh bổ sung của các phòng chuyên môn thuộc Sở Xây dựng, UBND thành phố Huế và Trung tâm Công viên cây xanh Huế tại Bảng 3.4 như sau:

Bảng 3.4. Kịch bản tổ chức các phòng chuyên môn về quản lý KGX đô thị

Tên phòng, ban	Chức năng nhiệm vụ hiện tại	Chức năng nhiệm vụ bổ sung	Ghi chú
1. Phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật - Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế	- Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh. - Tổ chức lập, thẩm định về quy hoạch cây xanh đô thị theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; - Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh và	- Hướng dẫn, quy định cụ thể về đối tượng quản lý của không gian xanh của thành phố Huế và các đô thị trực thuộc tỉnh và vùng tỉnh. - Tổ chức lập, thẩm định và trình UBND Tỉnh phê duyệt Quy hoạch và phát triển hệ thống không gian xanh toàn tỉnh và thành phố Huế nhằm đảm bảo quản lý đồng bộ và thống nhất các KGX hướng đến phát triển đô thị bền vững.	- 03 Nhiệm vụ hiện có - 02 Nhiệm vụ bổ sung thêm

	lập danh mục cây trồng, cây cần bảo tồn, cây nguy hiểm, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong đô thị trên địa bàn tỉnh theo phân cấp		
2. Phòng Quản lý đô thị - UBND thành phố Huế	Một trong số 11 nhiệm vụ của lĩnh vực xây dựng đô thị thì có một nhiệm vụ là “ <i>Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị theo phân cấp của UBND tỉnh</i> ”	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu cho Ủy ban nhân dân TP quản lý, phát triển hệ thống không gian xanh thành phố Huế theo quy hoạch và phát triển hệ thống không gian xanh toàn tỉnh và thành phố Huế đã được phê duyệt. - Tổ chức lập, thẩm định và trình UBND TP phê duyệt Kế hoạch Tổng thể phát triển công viên và các hoạt động giải trí trong công viên thành phố Huế, sau khi QHC đô thị được phê duyệt. - Tham gia góp ý kiến dự án đầu tư phát triển đô thị từ bước lập dự án để đảm bảo tính phù hợp với các quy định về quản lý không gian xanh trong các dự án phát triển đô thị. - Trực tiếp quản lý hệ thống không gian xanh theo phân vùng quản lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Nhiệm vụ hiện có - 04 Nhiệm vụ bổ sung
3. Trung tâm Công viên cây xanh Huế - UBND thành phố Huế	Hiện có 19 nhiệm vụ để quản lý trực tiếp hệ thống công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố Huế	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung và làm rõ hơn nhiệm vụ “Ứng dụng khoa học công nghệ để quản lý hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa” trên địa bàn thành phố. - Nghiên cứu xây dựng cẩm nang Kỹ thuật chăm sóc cây xanh. - Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý hệ thống cây xanh thành phố Huế theo hướng có chế tài cụ thể đối với các hành vi chặt, phá cây xanh của thành phố. 	<ul style="list-style-type: none"> - 19 Nhiệm vụ hiện có - 03 Nhiệm vụ bổ sung

3.5. Nâng cao vai trò của cộng đồng trong công tác quản lý không gian xanh thành phố Huế

3.5.1. Vận động cộng đồng dân cư tham gia trồng và chăm sóc cây xanh

- Hộ gia đình trồng cây: Trong giáo lý nhà Phật, Đức Phật đã dạy: “Cây xanh nuôi dưỡng và là khởi nguồn của mọi sự sống, là biểu tượng của trường thọ, sức khỏe, vẻ đẹp và lòng từ bi”. Huế là nơi được coi là “Cái nôi của Phật Giáo Việt Nam”, do vậy thành phố có thể phát động phong trào trồng cây, chăm sóc cây vào các sự kiện của gia đình như tổ chức lễ cưới, lễ thôi nôi, lễ mừng thọ... để mỗi cây là một lời cầu nguyện và chúc phúc cho cha mẹ, con cháu trong gia đình, dòng tộc mạnh khỏe, thông tuệ, giàu lòng bác ái và ghi nhớ sự kiện tốt đẹp đó.

- Thông qua kết quả điều tra xã hội học cho thấy giao việc chăm sóc cây xanh trước cửa nhà và cây xanh trong công viên, vườn hoa gần nhà cho các hộ dân thông qua việc miễn tiền phí môi trường hàng tháng cần được Phòng Quản lý đô thị của UBND thành phố Huế nghiên cứu để xây dựng cơ chế phối hợp giữa tổ chức quản lý môi trường và Trung tâm CVCX Huế cùng với cộng đồng dân cư triển khai thực hiện.

Cây xanh trên hè phố gắn với các hộ gia đình như một phần quan trọng của ngôi nhà, nó đem lại bóng mát và tăng tính thẩm mỹ của ngôi nhà... Do vậy cần có sự nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư trong việc có trách nhiệm bảo vệ cây xanh, các công viên vườn hoa ở gần ngôi nhà của họ vừa là tình cảm vừa là trách nhiệm của quá khứ, hiện tại và tương lai của chính các hộ dân cư cũng như đối với cả cộng đồng dân cư trong khu vực đó và rộng hơn nữa đó cũng trách nhiệm của cộng đồng dân cư, các tổ chức đang sinh sống và hoạt động trên địa bàn thành phố.

3.5.2. Tôn vinh các cá nhân, tổ chức trồng và chăm sóc cây giỏi

- Nhân ngày Môi trường thế giới hàng năm (ngày 05 tháng 6), Hội Công viên cây xanh Huế nên tổ chức sự kiện với sự phối hợp với các Sở Xây dựng, Sở

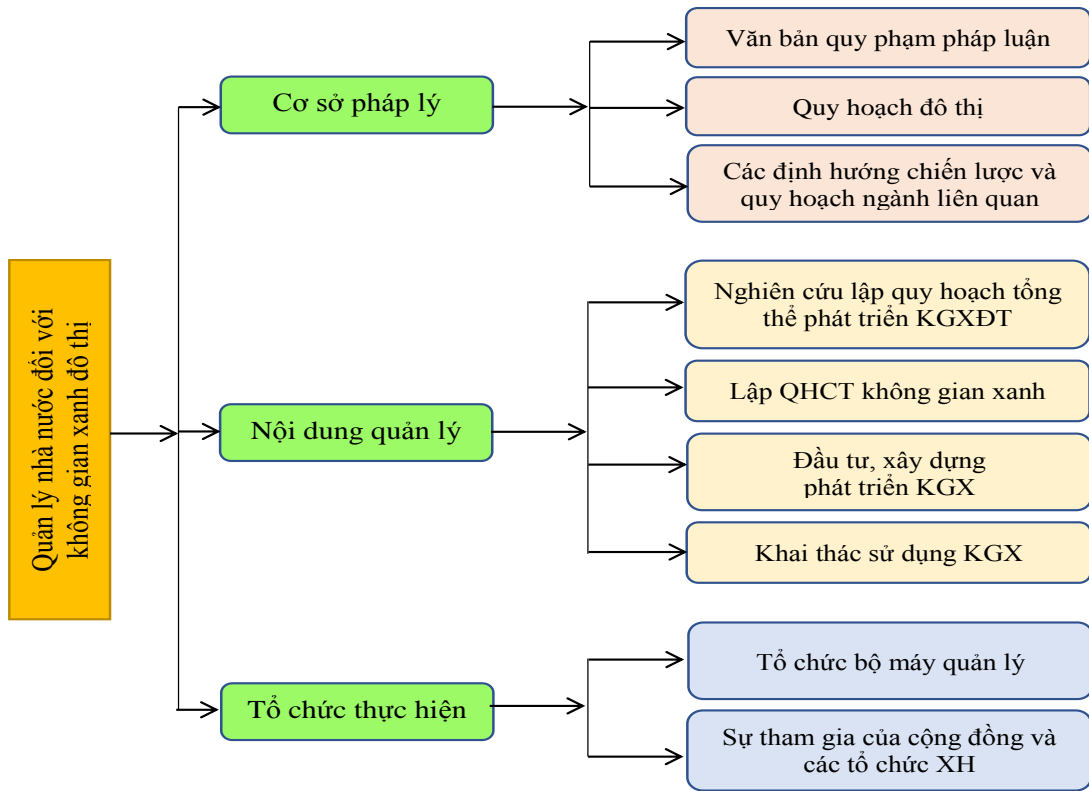
Tài nguyên và Môi trường, các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội cựu Chiến binh... thu hút sự tham gia của giới trẻ (sinh viên các trường đại học, thanh thiếu niên sống trong các khu phố) và cộng đồng dân cư, tôn vinh những cá nhân, hộ gia đình có các hoạt động trồng, chăm sóc cây giới trong năm, với các giải thưởng do chính cộng đồng đề xuất (ví dụ: Giải Bông Mai Ngự) và có sự hỗ trợ của chính quyền thành phố.

- UBND thành phố Huế phải có quy hoạch chỗ cho người dân trong thành phố đến trồng cây hoặc chăm sóc cây. Cách huy động như vậy sẽ đi vào lòng người, thành phố Huế làm được điều này sẽ là dấu ấn cho các đô thị trong cả nước trong việc huy động sức mạnh cộng đồng trong bảo vệ môi trường và quản lý các không gian xanh đô thị.

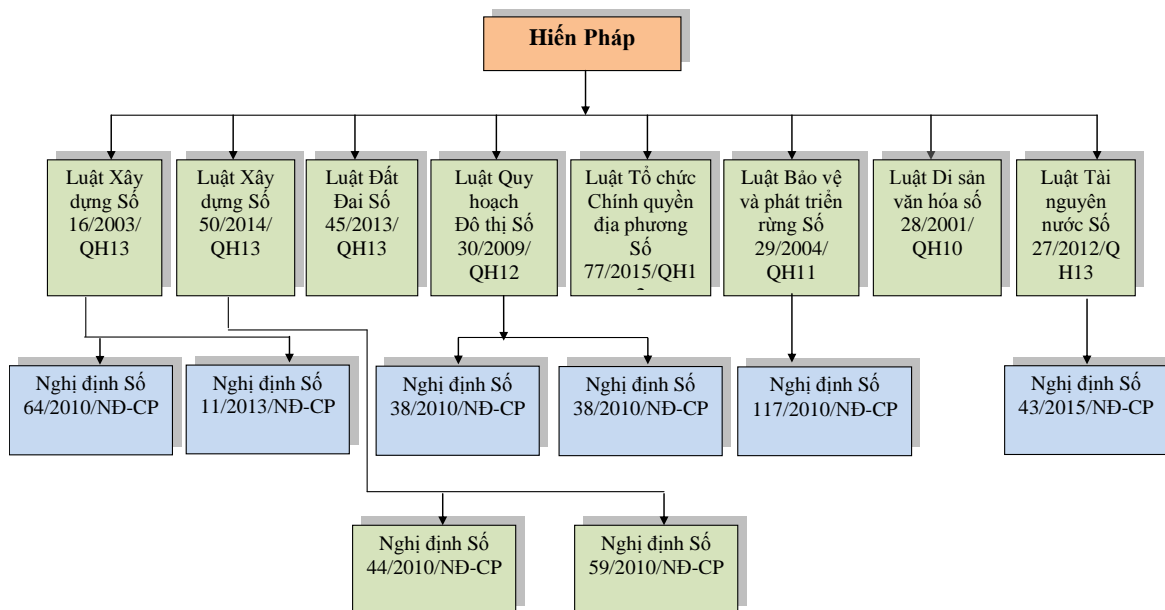
3.6. Điều chỉnh, bổ sung một số cơ sở pháp lý trong quản lý không gian xanh thành phố Huế

Trên cơ sở lý thuyết về quản lý không gian xanh đô thị đã nêu ở chương 2, cùng với các nguyên tắc quản lý, phát triển không gian xanh đô thị nêu trên và quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành, Luận án đề xuất Sơ đồ Công tác quản lý hệ thống không gian xanh đô thị (Hình 3.9).

Qua Sơ đồ (hình 3.9) cho thấy nội dung của công tác quản lý không gian xanh từ việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, lập quy hoạch đô thị và các định hướng chiến lược có liên quan với 4 bước quản lý là lập quy hoạch tổng thể phát triển KGX đô thị, QHCT các không gian xanh cụ thể, đầu tư xây dựng phát triển và quản lý khai thác sử dụng. Cuối cùng để quản lý được hệ thống KGX đô thị thì cần phải có tổ chức bộ máy quản lý với sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội để đảm bảo tính dân chủ, công khai và minh bạch trong công tác quản lý nhà nước.



Hình 3.9. Sơ đồ công tác quản lý hệ thống không gian xanh đô thị



Hình 3.10. Sơ đồ các văn bản quy phạm pháp luật quản lý KGX đô thị

Căn cứ quy định của các văn bản pháp luật hiện hành và khái niệm không gian (bao gồm: KGX tự nhiên, KGX bán tự nhiên và KGX nhân tạo), Luận án

tổng hợp hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý KGXĐT.

Tại Sơ đồ Các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý không gian xanh đô thị cho thấy có 7 Luật, 8 Nghị định (Hình 3.10) có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý không gian xanh đô thị, ngoài ra còn một số văn bản khác có liên quan không trực tiếp.

Đồng thời trên cơ sở các phân tích tại chương II về các quy định đối với quản lý không gian xanh và thực tiễn quản lý từ công tác quy hoạch đô thị, quản lý đất đai, môi trường. Luận án đề xuất điều chỉnh, bổ sung một số cơ sở pháp lý có liên quan nhằm quản lý phát triển đối với không gian xanh đô thị nói chung và không gian xanh của thành phố Huế nói riêng, nhằm đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả của các quy định pháp luật, bao gồm:

- Điều chỉnh, bổ sung quy định về loại đất công viên, vườn hoa trong nhóm đất sử dụng công cộng tại điểm e, khoản 2, Điều 10 Luật Đất đai.
- Bổ sung quy định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trong đô thị trong Quy chuẩn QCVN về quy hoạch đô thị.
- Bổ sung, điều chỉnh quy định các khu chức năng của công viên cấp đô thị và khu vực trong Tiêu chuẩn TCXDVN thiết kế quy hoạch cây xanh công cộng trong đô thị.
- Bổ sung chức năng nhiệm vụ của phòng chuyên môn liên quan đến quản lý KGXĐT tại Sở Xây dựng, UBND thành phố Huế, Trung tâm Công viên cây xanh Huế và Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế.

3.6.1. Làm rõ và bổ sung quy định đất công viên, vườn hoa là một loại đất trong nhóm đất sử dụng công cộng tại điểm e, khoản 2 Điều 10 của Luật đất đai 2013

Căn cứ vào mục tiêu sử dụng đất, Luật Đất đai 2013 đã phân loại đất đai theo ba nhóm chính là: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng. Trong đó: *Đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất,*

rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, đất trồng tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh” thuộc nhóm đất nông nghiệp. “Đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui, chơi giải trí công cộng” thuộc loại đất sử dụng vào mục đích công cộng trong nhóm đất phi nông nghiệp. Mặt nước sông, suối, hồ... tại điểm I, khoản 2 Điều 10 của Luật cũng thuộc nhóm đất phi nông nghiệp.

Như vậy, có thể thấy hầu hết các loại không gian xanh đã được quy định rất rõ trong Điều 10 của Luật Đất đai 2013, nhưng riêng đối với loại đất công viên, vườn hoa thì chưa có tên và chưa được quy định rõ ràng là thuộc nhóm nào. Trong thực tế loại đất công viên, vườn hoa đang được hiểu là trong loại “đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui, chơi giải trí công cộng”.

Trong quy định tại Quy chuẩn QCVN 01: 2008/BXD về quy hoạch xây dựng “công viên, cây xanh” được xác định là một phần của hạ tầng xã hội đô thị. Trong Luật Quy hoạch đô thị 2009, xác định “công viên, cây xanh” là một trong các trung tâm của đô thị. Do vậy, để đảm bảo tính khả thi cho việc triển khai thực hiện quy hoạch đô thị được duyệt, cũng như việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm của các địa phương trong quá trình phát triển đô thị. Luận án đề xuất cần thiết phải làm rõ và có nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung quy định hiện hành về “đất công viên, vườn hoa”, theo hướng là một loại đất trong nhóm đất sử dụng công cộng tại mục e, khoản 2, Điều 10 của Luật Đất đai 2013, nhằm tạo được sự thống nhất trong công tác quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng các cấp ở Trung ương và địa phương.

3.6.2. Bổ sung quy định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trong đô thị tại Quy chuẩn QCVN 01:2008 của Bộ Xây dựng

Tại Luật Quy hoạch Đô thị 2009 đã xác định “các dải đất ven bờ biển, mặt hồ, mặt sông, kênh, rạch trong đô thị” là một bộ phận của cảnh quan đô thị. Tại mục 1.3 nội dung về Khu vực bảo vệ công trình và khoảng cách ly vệ sinh, an toàn. Trong quy hoạch xây dựng, quản lý xây dựng phải tuân thủ các quy định chuyên ngành về khu vực bảo vệ và khoảng cách ly vệ sinh, an toàn, trong đó

khu vực bảo vệ nguồn nước, tuy nhiên trong Quy chuẩn không quy định cụ thể khoảng cách này là bao nhiêu.

Trong thực tế các dải đất ven sông, suối, kênh, rạch có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước, mà còn là các không gian xanh bên sông, hồ trong đô thị – những không gian cảnh quan đã và đang mang lại các giá trị về thẩm mỹ và tinh thần nơi chốn của đô thị.

Về hành lang bảo vệ nguồn nước, tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã có quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các sông, suối, kênh, rạch chảy qua các đô thị. Hành lang bảo vệ nguồn nước được lập để thực hiện các chức năng: Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước...

Do vậy, để khắc phục tình trạng chưa có đầy đủ các quy định như đã ở trên, căn cứ quy định của văn bản pháp luật hiện hành, giá trị cảnh quan thiên nhiên của sông, hồ trong đô thị, và bảo vệ môi trường thủy sinh và cân bằng sinh thái. Luận án đề xuất nghiên cứu, bổ sung quy định: “*Hạn chế xây dựng các công trình trong hành lang bảo vệ sông, hồ trong đô thị với phạm vi tối thiểu từ 20m đến 50m tùy theo địa hình; nếu có thì chỉ xây dựng một số hạng mục trình hạ tầng kỹ thuật – xã hội có quy mô nhỏ phục vụ bảo tồn, tôn tạo cảnh quan và tham quan ngắm cảnh*” tại Quy chuẩn QCVN 01: 2008/BXD.

3.6.3. Bổ sung quy định các khu chức năng trong công viên cấp đô thị và cấp khu vực tại Tiêu chuẩn TCXDVN 362: 2005 của Bộ Xây dựng

Trước hết cần làm rõ về quy định các khu chức năng trong các không gian xanh nhân tạo tại các văn bản pháp quy hiện hành và thực tiễn quản lý không gian xanh đô thị như sau:

Tại tiêu chuẩn TCVN 4449: 1987 và tiêu chuẩn TCXDVN 362: 2005 đã có quy định về tỷ lệ quy mô từng khu chức năng trong khu đất công viên công cộng tại Bảng 3.1. Theo quy định của TCXDVN 362:2005, tỷ lệ các loại đất cho

công trình, đường, các sân bãi và công trình trong công viên văn hóa nghỉ ngơi chiếm tỷ trọng từ 15 - 25% hoặc 25 - 35% diện tích đất và mặt nước trong các công viên đa chức năng (tùy theo mật độ sử dụng 50 ng/ha – 100 ng/ha), đây là tỷ lệ sử dụng đất xây dựng khá cao. Quy định tại TCXDVN 362:2005 đầy đủ và cụ thể hơn so với TCVN 4449: 1987 và về tỷ lệ cơ cấu sử dụng các đất cho các khu chức năng trong công viên theo hướng tăng cao hơn so với TCVN 4449: 1987.

Đồng thời với 6 khu chức năng như quy định TCXDVN 362: 2005 lại chưa rõ các loại hình hoạt động nên rất dễ dẫn đến việc đầu tư các hoạt động không phù hợp với chức năng là nơi thư giãn, hòa đồng với thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần, thể chất của dân cư. Và việc quy định cụ thể tỷ trọng các loại đất cho các chức năng hoạt động trong công viên dễ dẫn đến thiếu tính linh hoạt để đáp ứng các nhu cầu vui chơi giải trí theo nhu cầu của các cộng đồng dân cư khác nhau, không đáp ứng được mục tiêu đã xác định của Tiêu chuẩn này sẽ được phân tích ở phần tiếp theo.

Với khái niệm: *“Công viên là khu cây xanh lớn phục vụ các mục tiêu sinh hoạt ngoài trời cho người dân đô thị vui chơi giải trí, triển khai các hoạt động văn hóa quần chúng, tiếp xúc với thiên nhiên, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần”*[6]. Và với mục tiêu *“Công viên là nơi phục vụ cho sinh hoạt cho người dân đô thị vui chơi giải trí, triển khai các hoạt động quần chúng, tiếp xúc với thiên nhiên, nâng cao đời sống tinh thần người dân”*[6]. Việc cung cấp, thúc đẩy các hoạt động giải trí, hỗ trợ phát triển các kỹ năng sống, sự năng động và sức khỏe cho tất cả các lứa tuổi. Đồng thời thông qua hoạt động giải trí cũng là giải pháp để tăng thêm nguồn thu hút khách du lịch và tạo điều kiện cho phát triển kinh tế đô thị. Để đạt được mục tiêu quản lý việc khai thác, sử dụng các không gian xanh nhằm mang lại ý nghĩa thiết thực cho mục tiêu *“nâng cao đời sống tinh thần”* của cư dân đô thị.

Kế thừa các quy định hiện hành về thiết kế Quy hoạch xây dựng đô thị và Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị (TCXDVN 362:2005), với điều kiện thực tiễn của Việt Nam (Bảng 3.5) và kinh nghiệm quản lý của một số đô thị trên thế giới, Luận án đề xuất quy định về *các khu chức năng của các không gian xanh đáp ứng yêu cầu sử dụng hàng ngày, định kỳ gồm: khu chức năng giải trí trong nhà, khu chức năng giải trí ngoài nhà* trong các không gian xanh nhân tạo (KGX cấp thành phố và cấp khu vực) và không gian xanh tự nhiên, đối với thành phố Huế là các khu rừng đặc dụng và rừng cảnh quan gắn với các di tích lịch sử, văn hóa.

Bảng 3.5. Tỷ lệ sử dụng đất của các khu chức năng trong công viên tại các quy định pháp lý hiện hành

TT	Khu chức năng	Tỷ lệ của từng khu so với diện tích chung (%)	
		TCVN 4449:1987	TCXDVN 362: 2005
1	Khu biểu diễn	5 ÷ 10	8 ÷ 10
2	Khu văn hóa giáo dục	5 ÷ 10	10 ÷ 12
3	Khu thể dục thể thao	5 ÷ 10	8 ÷ 10
4	Khu thiếu nhi	5 ÷ 10	10 ÷ 12
5	Khu nghỉ cho người lớn/ Khu yên tĩnh	60 ÷ 70	40 ÷ 60
6	Khu phục vụ	-	2 ÷ 5

- Trong công viên cấp đô thị và cấp khu vực:

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định hiện hành (Bảng 3.5), Luận án đề xuất các khu chức năng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong các công viên cấp đô thị và cấp khu vực (không áp dụng đối với các vườn hoa) có tỷ lệ sử dụng đất từ 15 ÷ 25% diện tích mặt đất công viên (không bao gồm diện tích mặt nước). Quy tại Bảng 3.6 là quy định chung, tuy nhiên về số lượng và quy mô sử dụng đất của các khu chức năng được xác định tùy thuộc cấp phục vụ của các công viên, tùy theo quy mô dân số trong phạm vi phục vụ và theo nhu cầu của cộng đồng dân cư đô thị.

Bảng 3.6. Đề xuất các chức năng trong công viên cấp đô thị và khu vực

TT	Loại chức năng	Mục tiêu của chức năng hoạt động	Yêu cầu mới	Thời hạn đề xuất
I. Khu chức năng giải trí trong nhà (Indoor Facilities):				
1	Phòng thể dục đa phương tiện	x	x	x
2	Không gian giải trí cho thanh niên	x	x	x
3	Không gian đa chức năng	x	x	x
4	Phòng đọc sách	x	x	x
II. Khu chức năng giải trí ngoài nhà (Outdoor Facilities)				
1	Sân bóng đá	x	x	x
2	Sân cầu lông	x	x	x
3	Sân đá cầu	x	x	x
4	Sân tennis	x	x	x
5	Sân chơi hỗn hợp	x	x	x
6	Khu vực xe đạp leo núi	x	x	x
7	Khu vực chơi ván trượt	x	x	x
8	Khu yên tĩnh			
III. Các công trình hạ tầng kỹ thuật				
	Theo yêu cầu phục vụ	x	x	x

Trong đó:

- Mục tiêu của hoạt động là chỉ tiêu về số lượng dân cư nhất định được sử dụng hoạt động giải trí đó.
- Yêu cầu mới là để xác định hoạt động nào đã có không cần thêm, hoạt động mới nào cần bổ sung.

Thời hạn đề xuất là thời hạn cần để có hoạt động đó trong công viên

- Đối với các không gian xanh tự nhiên

Vì KGX tự nhiên ở Huế hiện nay là các khu rừng đặc dụng, hầu hết gắn liền với các di tích lịch sử, văn hóa, do vậy chỉ nên bố trí một số tuyến đường chuyên dụng, đường xe đạp, phương tiện giao thông thân thiện với môi trường, một số điểm có vị trí thuận lợi để tham quan, ngắm cảnh; không bố trí các công trình dịch vụ ăn uống và tỷ lệ sử dụng đất không quá 2% tổng diện tích các KGX

tự nhiên này, nhằm đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan và di tích theo các quy định của pháp luật về bảo vệ rừng và bảo vệ di sản văn hóa.

3.7. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.7.1. Kết quả nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu về Quản lý không gian xanh thành phố Huế với các nội dung chủ yếu từ công tác quy hoạch đô thị, triển khai các bước sau QHC đô thị để làm cơ sở cho việc lập, thực hiện các dự án đầu tư phát triển và khai thác sử dụng các KGX. Các nội dung quản lý nêu trên phải được quy định các văn bản QPPL và được triển khai thực hiện bởi các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phát triển đô thị, với sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Luận án đã tổng hợp quan điểm, khái niệm về không gian xanh của các nhà khoa học và các quy định của pháp luật trong nước và nước ngoài... Cùng với đó là các nội dung về tổng quan về công tác quản lý không gian xanh của các thành phố của các nước phát triển ở Mỹ, Đức, Canada, Anh, ... và một số thành phố trong nước như Đà Lạt, Hội An, từ đó xác định các vấn đề cần nghiên cứu của Luận án.

Để có cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp quản lý không gian xanh của thành phố Huế, tác giả đã hệ thống hóa các cơ sở lý luận, lý thuyết về công tác quản lý không gian xanh đô thị. Cùng với việc đánh giá các xu hướng phát triển đô thị, các yếu tố khoa học công nghệ, vai trò của chính quyền đô thị và sự tham gia của cộng đồng; kinh nghiệm quản lý của các đô thị trong nước, một số nước trong khu vực và trên thế giới và khái niệm về không gian xanh được hiểu trong Luận án. Để từ đó đưa ra các kết quả nghiên cứu về quản lý không gian xanh đô thị nói chung và quản lý không gian xanh của thành phố Huế nói riêng. Cụ thể như sau:

1. Các nguyên tắc quản lý không gian xanh thành phố Huế;
2. Giải pháp kiểm soát phát triển không gian xanh thành phố Huế;

3. *Giải pháp nâng cao hiệu quản lý không gian xanh thành phố Huế;*
4. *Sự của cộng đồng trong quản lý không gian xanh thành phố Huế;*
5. *Bổ sung và điều chỉnh một số quy định pháp lý về không gian xanh thành phố Huế.*

3.7.2. Bàn luận một số kết quả nghiên cứu

Thành phố Huế là đô thị đặc thù, trong đó không gian xanh đã đóng góp rất quan trọng để tạo nên diện mạo cảnh quan kiến trúc và bản sắc đô thị của thành phố. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu tác giả xin bàn luận một số đề xuất là điểm mới như sau:

1. *Khái niệm không gian xanh và phân loại không gian xanh đô thị.*
2. *Nguyên tắc quản lý không gian xanh thành phố Huế, gồm 6 nguyên tắc.*
3. *Giải pháp quản lý không gian xanh của thành phố Huế, gồm: Nhận diện, phân vùng quản lý và các công cụ để quản lý.*
4. *Giải pháp nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan chức năng của tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Huế, gồm: Phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật thuộc Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố Đô Huế thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế và Phòng Quản lý đô thị, Trung tâm công viên cây xanh Huế thuộc UBND thành phố Huế.*

5. *Điều chỉnh, bổ sung một số quy định của pháp luật hiện hành: Đất công viên, vườn hoa trong nhóm đất sử dụng công cộng của Luật Đất đai; quy định đối với khu vực bảo vệ công trình và khoảng cách an toàn tại Quy chuẩn QCVN 01:2008 và quy định các khu chức năng trong công viên cấp thành phố và khu vực tại Tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch TCXDVN 362:2005.*

Đây là các vấn đề mới liên quan tới việc kiểm soát phát triển, chức năng hoạt động và tổ chức bộ máy quản lý đối với không gian xanh của thành phố Huế nói riêng. Một số quy định đối với công tác lập quy hoạch KGX đô thị nói chung là những nội dung cần được xem xét và bàn luận.

Bàn luận 1. Nhận diện và phân loại không gian xanh thành phố Huế

Căn cứ khái niệm KGX mà Luận án đã đề xuất tại mục 2.1.1, KGX thành phố Huế được nhận diện và xác định bao gồm các loại: KGX bán tự nhiên và KGX nhân tạo đã phản ánh đầy đủ các đối tượng của không gian xanh thành phố và làm cơ sở cho việc xây dựng các giải pháp quản lý phù hợp.

Sự khác biệt về KGX của thành phố Huế với hầu hết các đô thị khác trong cả nước là có hệ thống không gian xanh di sản, gắn với các di sản đã được thế giới và quốc gia công nhận. Hiện nay, hệ thống KGX của thành phố Huế (theo khái niệm không gian xanh của Luận án) đạt chỉ tiêu hơn $36 \text{ m}^2/\text{người}$. Do vậy để so sánh về chỉ tiêu đất không gian xanh của thành phố Huế với các thành phố lớn trên thế giới (thành phố Philadelphia và New York của Mỹ là $47,36 \text{ m}^2/\text{người}$ và $34,1 \text{ m}^2/\text{người}$) thì đây chính là yếu tố mang tính hội nhập mà thành phố Huế đã đạt được về chỉ tiêu không gian xanh đô thị.

Việc nhận diện và phân loại một cách đầy đủ về hệ thống không gian xanh sẽ góp phần bảo vệ quỹ đất đã được phủ xanh trong quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ của các đô thị Việt Nam. Đồng thời đây cũng là cơ sở đánh giá đúng vai trò của không gian xanh trong việc góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với BĐKH của nước ta hiện nay.

Bàn luận 2. Xác định các chỉ số che phủ xanh theo phân vùng không gian xanh của thành phố Huế

Độ che phủ xanh là một công cụ để đo lường giá trị bảo vệ môi trường của thành phố và xây dựng thành phố theo hướng đô thị xanh. Bản đồ che phủ xanh và chỉ số về độ che phủ xanh đô thị theo các vùng không gian xanh của thành phố với các chỉ số TC, TC1, TC2 sẽ giúp cơ quan quản lý nhà nước có số liệu cụ thể, chính xác một cách đầy đủ độ che phủ xanh mỗi vùng so với diện tích toàn thành phố, độ che phủ xanh mỗi vùng so với không gian xanh của toàn thành phố. Từ đó sẽ có được các giải pháp cụ thể phát triển không gian xanh phù hợp với đặc điểm mỗi vùng và đạt được mục tiêu đã đề ra cho các giai đoạn phát triển của thành phố.

Bản đồ che phủ xanh là cơ sở quan trọng để xác định lượng phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH mà không gian xanh đô thị là một thành phần quan trọng. Tuy nhiên hiện nay trong các quy định hiện hành về quản lý xây dựng và phát triển đô thị đều chưa có nội dung này. Đối với thành phố Huế là một thành phố đã quan tâm sử dụng hệ thống thông tin địa lý GIS để quản lý quy hoạch đô thị, mặc dù đang là bước khởi đầu nhưng với những nền tảng đó thì đề xuất của Luận án để thành phố Huế áp dụng các khoa học công nghệ cho việc xác định độ che phủ xanh sẽ là một nội dung quan trọng mà thành phố Huế sẽ thực hiện được trong một tương lai gần.

Bàn luận 3. Bổ sung chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn về công tác quản lý không gian xanh

**** Đối với phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật của Sở Xây dựng***

Tại sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế, phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật là đơn vị có nhiệm vụ trong quản lý cây xanh đô thị, tuy nhiên nhiệm vụ của Phòng thì mới chỉ tập trung vào đối tượng là cây xanh trong công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố. Theo đề xuất của Luận án về khái niệm không gian xanh, thì công tác quản lý không gian xanh sẽ có phạm vi rộng hơn vì khi đó công tác quản lý các không gian xanh sẽ nhiều đối tượng hơn, gồm không gian xanh tự nhiên (rừng đặc dụng), không gian xanh bán tự nhiên (rừng sản xuất, vườn cây trái, mặt nước sông hồ v.v...) và không gian xanh nhân tạo (công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố, không gian xanh tại các di sản v.v...). Vì vậy để đảm bảo công tác quản lý nhà nước của Sở Xây dựng, Luận án đề xuất bổ sung nhiệm vụ của phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật thêm 2 nhiệm vụ để hướng dẫn, quy định cụ thể về đối tượng quản lý của không gian xanh đô thị của thành phố Huế và các đô thị trực thuộc tỉnh và vùng tỉnh. Cũng như giúp UBND Tỉnh trong việc quyết định phê duyệt Quy hoạch và phát triển hệ thống không gian xanh toàn tỉnh và thành phố Huế nhằm đảm bảo quản lý đồng bộ và

thống nhất các không gian xanh hướng đến phát triển đô thị bền vững và góp phần ứng phó với BĐKH.

Do không gian xanh của thành phố Huế có nhiều loại, vì vậy Sở Xây dựng sẽ cần có sự phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành khác trong tỉnh để có thể quản lý tốt hệ thống không gian xanh của tỉnh Thừa Thiên Huế.

** Đối với phòng Quản lý đô thị thuộc UBND thành phố Huế:*

Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND thành phố Huế có 11 nhiệm vụ trong đó có một nhiệm vụ: “*Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị theo phân cấp của UBND tỉnh*”. Với đặc thù của không gian xanh thành phố Huế như phân tích nêu trên thì nhiệm vụ này của phòng QLĐT là quá hạn hẹp. Do đó Luận án đã đề xuất thêm 3 nhiệm vụ của phòng QLĐT nhằm làm tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Huế trong công tác quản lý, phát triển hệ thống không gian xanh thành phố Huế từ bước lập quy hoạch đến lập các dự án đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Mặc dù hạn chế số lượng công chức của phòng QLĐT theo Thông tư 07/2015/TTLT/XD-NV, nhưng khi công tác quản lý được hỗ trợ của khoa học công nghệ mới thì việc quản lý nhà nước của phòng vẫn nhanh và hiệu quả hơn mặc dù số lượng nhân sự không thay đổi.

Việc bổ sung thêm nhiệm vụ cho phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế và phòng Quản lý Đô thị thuộc UBND thành phố Huế cũng là giải pháp có thể giúp cho các địa phương khác tham khảo áp dụng để quản lý tốt hơn KGXĐT của mình.

Bàn luận 4. Điều chỉnh, bổ sung quy định đất công viên, vườn hoa trong nhóm đất sử dụng công cộng của Luật Đất đai.

Đề xuất này sẽ làm rõ loại đất công viên, vườn hoa trong các đô thị trong công tác quy hoạch đô thị và quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đô thị. Bổ sung loại đất này trong Luật Đất đai sẽ tạo sự thống nhất trong các quy định pháp lý

hiện hành như Luật Quy hoạch Đô thị 2009, Nghị định 37/2010/NĐ-CP, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2008 và Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế 362: 2005

Tuy nhiên về thẩm quyền, thì Luật là do Quốc hội ban hành vì vậy sự thay đổi của luật cũng cần phải có thời gian nhiều năm. Mặt khác nội dung về quản lý đất đai, soạn thảo sửa đổi luật thuộc thẩm quyền của Bộ Tài Nguyên và Môi trường. Nội dung về quản lý quy hoạch phát triển đô thị thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, tuy vậy về phân loại đất đai vẫn còn có những quan điểm khác nhau giữa hai Bộ. Vì vậy việc đề xuất của Luận án là mong muốn sẽ làm rõ thêm để các nhà nghiên cứu về quản lý đô thị, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng đô thị có sự quan tâm hơn tới nội dung này.

Bàn luận 5. Bổ sung, điều chỉnh về các khu chức năng của công viên cấp đô thị và khu vực

Luận án đề xuất điều chỉnh, bổ sung các khu chức năng trong các công viên và cơ sở xác định tỷ trọng đất xây dựng trong công viên cấp đô thị và cấp khu vực là mang tính kế thừa và có điều chỉnh đối với một số quy định của Tiêu chuẩn TCVN 362: 2005.

Thứ nhất, các khu chức năng trong công viên được mở rộng về số lượng với hai khu vực chính ngoài nhà và trong nhà, đồng thời không quy định cụ thể tỷ trọng sử dụng đất cũng như các loại chức năng cho tất cả các công viên, mà linh hoạt để đáp ứng yêu cầu của cộng đồng dân cư trong phạm vi phục vụ của công viên đó.

Thứ hai, tỷ trọng đất dành cho các công trình phục vụ vui chơi giải trí, sân bãi, đường, hạ tầng kỹ thuật khác... được tính toán trên cơ sở diện tích đất trong công viên, mà không bao gồm cả diện tích mặt nước như quy định của Tiêu chuẩn TCVN 362: 2005. Việc điều chỉnh này nhằm đảm bảo quỹ đất dành cho các không gian cây xanh, thảm thực vật, mặt nước - những lá phổi xanh trong đô

thị được giữ gìn, để đáp ứng nhu cầu tiếp cận với không gian thiên nhiên của dân cư, là nơi thực sự cỏ thể thư giãn, nghỉ ngơi để giảm áp lực của cuộc sống đô thị, nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất người dân.

Đối với các không gian xanh tự nhiên, Luận án đề xuất tỷ lệ sử dụng đất không quá 2% tổng diện tích đất các không gian xanh tự nhiên, nhằm hạn chế tối đa việc sử dụng đất để xây dựng các công trình, nhằm mục tiêu bảo vệ tốt nhất môi trường tự nhiên, bảo vệ tính đa dạng sinh học và môi trường sinh thái trong không gian xanh tự nhiên.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Thành phố Huế - Kinh đô của triều đại quân chủ cuối cùng tại Việt Nam, trải qua các thời kỳ thăng trầm của lịch sử, nhưng đã để lại cho dân tộc Việt Nam những di sản văn hóa vô cùng phong phú và đặc sắc. Cho đến nay, Huế đã có 5 di sản của triều Nguyễn được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới, trong đó Quần thể kiến trúc Cung đình Huế và hệ thống không gian cảnh quan đã và đang tồn tại cùng các di sản để Huế có điều kiện để trở thành một đô thị Xanh - Thân thiện với môi trường, theo mục tiêu phát triển của thành phố trong một tương lai không xa.

Để thực hiện mục tiêu trên, công tác quản lý hệ thống không gian xanh của thành phố Huế cần thiết phải có những nhận thức đầy đủ và phù hợp với quan điểm chung của quốc tế. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý đô thị, các lý thuyết về thẩm mỹ đô thị hiện đại, các xu hướng phát triển đô thị cùng thực tiễn và kinh nghiệm quản lý không gian xanh của các đô thị có những yếu tố tương đồng trong nước và kinh nghiệm của đô thị tại các nước phát triển, Luận án đã đề xuất các giải pháp cần thiết để quản lý tốt hơn, phù hợp hơn với tình hình chung của thế giới đối với hệ thống không gian xanh của thành phố Huế. Đồng thời các đề xuất này cũng có thể đáp ứng những yêu cầu quản lý đối với nhiều đô thị của hệ thống đô thị Việt Nam, bao gồm:

1. Nhận diện và đề xuất các nguyên tắc quản lý không gian xanh của thành phố Huế

Theo đề xuất khái niệm không gian xanh của Luận án, đối chiếu với thực trạng không gian xanh của thành phố Huế, đã cho thấy thành phố hiện có hai loại không gian xanh là không gian xanh bán tự nhiên và không gian xanh nhân tạo. Cùng với 6 nguyên tắc cho việc quản lý KGX thành phố Huế cũng là những nguyên tắc có thể áp dụng đối với các thành phố khác trong hệ thống đô thị Việt Nam.

2. Kiểm soát phát triển không gian xanh thành phố Huế:

- Phân vùng, phân loại và các yêu cầu quản lý theo phân loại không gian xanh của thành phố Huế;

- Các công cụ để quản lý không gian xanh, gồm: Đề xuất xác định xác định các chỉ số che phủ xanh đô thị. Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý không gian xanh;

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý không gian xanh thành phố Huế

Để nâng cao hiệu quả quản lý đối với hệ thống KGX của thành phố Huế, cần thiết phải có những điều chỉnh bổ sung đối với các cơ quan chức năng của tỉnh Thừa Thiên Huế cũng như các cơ quan trực thuộc UBND thành phố Huế...

4. Nâng cao vai trò cộng đồng trong quản lý phát triển cây xanh đô thị

- Vận động và nâng cao trách nhiệm cộng đồng dân cư tham gia quản lý và phát triển cây xanh;

- Tôn vinh các cá nhân, tổ chức trồng và chăm sóc cây giỏi.

5. Bổ sung, điều chỉnh quy định pháp lý cho việc thiết kế quy hoạch không gian xanh, gồm:

- Bổ sung đất công viên vườn hoa là một loại đất trong nhóm đất sử dụng vào mục đích công cộng tại Luật Đất đai;

- Bổ sung quy định đất các không gian xanh mở ven sông, hồ trong đô thị là loại đất hạn chế xây dựng trong Quy chuẩn QCVN 01:2008.

- Điều chỉnh, bổ sung quy định về các khu chức năng trong các công viên vui chơi giải trí.;

- Bổ sung nhiệm vụ của phòng chuyên môn liên quan về quản lý KGXĐT trong Sở Xây dựng và UBND thành phố Huế.

II. Kiến nghị

1. Kiến nghị Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ

a) Điều chỉnh, bổ sung các quy định trong công tác thiết kế quy hoạch đô thị với các nội dung:

- Nghiên cứu bổ sung khái niệm không gian xanh đô thị trong văn bản quản lý nhà nước về quản lý phát triển đô thị.

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung quy định “*đất công viên, vườn hoa*” là một loại đất trong loại đất sử dụng vào mục đích công tại Luật Đất đai.

- Quy định đất các không gian xanh mở ven sông, hồ trong đô thị là loại đất hạn chế xây dựng trong Quy chuẩn QCXDVN.

- Bổ sung các khu chức năng trong công viên cấp đô thị và khu vực trong Tiêu chuẩn thiết kế cây xanh đô thị sử dụng công cộng.

- Nghiên cứu xây dựng văn bản hướng dẫn về xây dựng bản đồ che phủ xanh và chỉ số che phủ xanh đô thị.

2. Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương

- Bổ sung chức năng nhiệm vụ của phòng Hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị thuộc Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành có liên quan trong công tác quản lý KGXĐT của tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Huế; tổ chức lập Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống không gian xanh toàn tỉnh và Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống không gian xanh thành phố Huế.

- Bổ sung chức năng nhiệm vụ của phòng Quản lý đô thị và Trung tâm CVCX Huế; Tổ chức lập và triển khai Kế hoạch tổng thể chính trang, phát triển hệ thống công viên, vườn hoa của thành phố sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống không gian xanh thành phố Huế được cấp thẩm quyền phê duyệt; Hỗ trợ và nâng cao vai trò của cộng đồng trong công tác quản lý không gian xanh thành phố Huế./.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC

- 1 NGUYỄN HỒNG HẠNH (2016) Không gian xanh với những giá trị trong cuộc sống đô thị ngày nay. *Tạp chí Kiến trúc Việt Nam* số 202/2016 - ISSN 0868 - 3768, tr. 72 – 74.
- 2 NGUYỄN HỒNG HẠNH (2017) Xây dựng các yếu tố cơ sở để quản lý không gian xanh thành phố Huế (2016). *Tạp chí Quy hoạch đô thị* số 26 + 27/2017 – ISSN1859-3668, tr.110 ÷ 111.

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC

- 1 NGUYỄN THỊ HẠNH (2009) Xây dựng chính sách phát triển không gian công cộng trong đô thị. *Hội thảo quốc tế giữa Bộ XD và tổ chức HEALTHBRIDGE – CANADA* về: Quản lý và phát triển không gian công cộng trong đô thị, tr. 65 ÷ 68.
- 2 NGUYỄN HỒNG HẠNH (2014) Tái lập không gian công cộng trong quy hoạch cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ - *Hội thảo quốc tế: Tái thiết khu chung cư cũ thành không gian đô thị sống tốt* – ISBN 97-604-82-2387-9, tr. 7 ÷ 15.
- 3 NGUYỄN HỒNG HẠNH (2017) Không gian xanh đô thị và xu hướng phát triển đô thị xanh - *Hội thảo khoa học: Cây xanh đô thị với phát triển đô thị Xanh – Bền vững*, tr.16 ÷ 17.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

- [1] Phan Thuận An (2008), *Huế xưa và nay Di tích và Danh thắng*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.
- [2] Phạm Thị Việt Anh (2014), *Nghiên cứu đánh giá tổng hợp chất lượng môi trường không khí khu vực Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bộ Xây dựng (2009), *Thông tư số 20/2009/TT-BXD ngày 20/12/2005 Hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị*.
- [4] Bộ Xây dựng (1987), *Tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị – TCVN 4449: 1987*.
- [5] Bộ Xây dựng (2005), *Tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - TCXDVN 362: 2005*.
- [6] Bộ Xây dựng (2008), *Quy chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam Quy hoạch xây dựng QCXDVN01: 2008/BXD*.
- [7] Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015*.
- [8] Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2010), *Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị*.
- [9] Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2010), *Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 04/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị*.
- [10] Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2010), *Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị*.
- [11] Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2010), *Nghị định số*

- 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 tổ chức quản lý rừng đặc dụng.
- [12] Phạm Ngọc Đăng (2011), “Phát triển đô thị Việt Nam - Thiếu không gian xanh”, *Kiến Việt – Hội Kiến trúc sư Việt Nam*.
- [13] Giáo trình quản lý kinh tế (2014).
- [14] Phan Thu Giang (2016), “Việc quản lý cây xanh ở các nước phát triển”, *Báo Điện tử của Bộ Xây dựng*.
- [15] Giáo trình kiến trúc đô thị (2014).
- [16] Trần Trọng Hanh (2016), *Giáo trình Quản lý đô thị - “Quản lý Quy hoạch và xây dựng đô thị”*.
- [17] Đỗ Hậu (2010), *Xây dựng và quản lý không gian xanh trong các khu đô thị mới ở Hà Nội đến năm 2020 với sự tham gia của cộng đồng*.
- [18] Tô Văn Hùng (2015), *Tổ chức kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng đô thị sinh thái (lấy đô thị Đà Nẵng làm địa bàn nghiên cứu)*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
- [19] Hội nghị thượng đỉnh về trái đất (1992), Rio De Janeiro, Brazil
- [20] Đặng Đức Diệu Hạnh (2016), *Phật giáo và hệ thống chùa trên đất Huế*, Hội thảo quốc tế: Di sản văn hóa Cung đình thời Nguyễn nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị.
- [21] Jan Gehl (2009), *Cuộc sống giữa những công trình kiến trúc – Sử dụng không gian công cộng*, Nhà xuất bản Xây dựng.
- [22] Kenvn Lynch (2014), *Lý thuyết thẩm mỹ đô thị phương Tây hiện đại*, <http://tusachnoithat.com/?p=289>.
- [23] Lê Hồng Kế (2009), *Quy hoạch môi trường đô thị và phát triển đô thị bền vững*.
- [24] L. Cadriere (1933) Hội Thừa sai Paris, *Kinh thành Huế - Địa danh*.
- [25] Trần Mạnh Liễu (2012), *Phát triển bền vững trong bối cảnh BĐKH*

toàn cầu – nguyên tắc tiếp cận nội dung và thách thức.

- [26] Phạm Thúy Loan – *Không gian công cộng một không gian chính quy, thiết yếu trong cấu trúc không gian đô thị.*
- [27] Hàn Tất Ngạn - (1992), *Khai thác và tổ chức cảnh quan trong sự phát triển đô thị Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- [28] Hàn Tất Ngạn (2013), *Kiến trúc cảnh quan*, Nhà xuất bản xây dựng.
- [29] Nguyễn Hoàng Nam (2015), *Chuyện chăm sóc cây ở Hàn Quốc*, từ Seoul, Hàn Quốc, Báo Mới.com
- [30] Vũ Tiến Phương, Matieu Henry và các cộng sự (2012), *Hướng dẫn đo đếm sinh khối rừng bằng phương pháp chặt hạ*, Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn
- [31] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2009), *Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH11.*
- [32] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013) *Luật Đất đai số 45/2013/QH13.*
- [33] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2009), *Luật sửa đổi một số điều của Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10.*
- [34] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2004), *Luật bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11.*
- [35] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Luật số 77/2015/QH13 về Tổ chức chính quyền địa phương.*
- [36] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014) *Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.*
- [37] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012) *Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13.*

- [38] Quản lý tài sản công (2015), *Dự án của Ngân hàng thế giới WB.*
- [39] Sở NN&PTNT Thừa Thiên Huế (2016), *Báo cáo tình hình và kế hoạch sử đất tỉnh Thừa Thiên Huế.*
- [40] Đỗ Trần Tín (2012), *Khai thác yếu tố cây xanh, mặt nước trong tổ chức không gian công cộng các khu đô thị mới tại Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại Kiến trúc Hà Nội.
- [41] Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2014), *Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050*, Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06/5/2014.
- [42] Tổng hợp của Trí thức trẻ (2015), *Số lượng cây xanh để trả lời câu hỏi này thực sự ngoài sức tưởng tượng của bất kỳ ai.*
- [43] Tuyên ngôn về Thành phố xanh (2005), *Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP).*
- [44] Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Ban hành một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*, Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 03/9/2015.
- [45] Nguyễn Quốc Thông – *Vai trò của xã hội công dân trong quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị.*
- [46] Trung tâm CVCX Huế (2015), *Báo cáo tình hình quản lý công viên cây xanh điểm xanh trên địa bàn thành phố Huế năm 2015.*
- [47] Nguyễn Thị Kim Thái, Lê Thị Hiền Thảo (2003), *Sinh thái học và Bảo vệ môi trường*, nhà Xuất bản Xây dựng.
- [48] Trung tâm dự báo và Nghiên cứu đô thị – PADDI (2011), *Khóa tập huấn: Quy hoạch và quản lý không gian xanh, chính sách bảo tồn và phát triển cây xanh.*
- [49] Thành phố Hội An - *Đô thị sinh thái bền vững (2017)*, Đài truyền hình và phát thanh Hội An.

- [50] UNESCO – *Tuyên ngôn 1981*.
Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng*, Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20/8/2016.
- [51] Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 03/8/2015.
- [52] Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2014), *Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*, Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014.
- [53] Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), *Kế hoạch hành động thành phố xanh Huế đến năm 2020 định hướng đến năm 2030*, Văn bản số 110/KH-UBND ngày 09/10/2015.
- [54] Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), *Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*, Văn bản số 91/KH-UBND ngày 07/8/2015.
- [55] Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), *Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế đặc trưng*, Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 24/6/2015.
- [56] Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế*, Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 29/10/2010.
- [57] Ủy ban nhân dân thành phố Huế (2005), *Quy chế quản lý công viên cây xanh thành phố Huế*, Quyết định số 90/QĐ-UB ngày 24/01/2005.
- [58]

- [59] Ủy ban nhân dân thành phố Huế (2016), *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Quản lý đô thị – TP Huế*, Quyết định số 20925/2016/QĐ-UBND ngày 13/12/2016.
- [60] Ủy ban nhân dân thành phố Huế (2006), *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm công viên cây xanh Huế*, Quyết định số 442/2006/QĐ-UBND ngày 25/4/2006.
- [61] Ủy ban nhân dân thành phố Huế (2016), *Kế hoạch sử dụng đất của thành phố Huế năm 2016*.
- [62] Ủy ban nhân dân thành phố Huế (2016), *Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Quản lý đô thị*, Quyết định số 20925/2016/QĐ-UBND ngày 13/12/2016.
- [63] Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2014), *Quy hoạch hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050*, Quyết định số 1495/ QĐ-UBND ngày 18/3/2014.
- [64] Vũ Thị Vinh (2013), *Đô thị tăng trưởng xanh là con đường ngắn nhất hướng tới sự phát triển kinh tế bền vững*, Tin tức 11/2013.

Tài liệu tiếng Anh

- [65] Akira Miyawaki (2011), *Plant Native Tree Recreate Forests to Project the Future – JFS Japan Sustainability*
- [66] Adbul Aziz Nor Akmar Binti (2012), “*Green Space use and Management in Malaysia*”.
- [67] AYUH - International youth movement (2015), *Tree Planning in our Communities*
- [68] Broxtowe Brough council (2009), *Green Spaces Strategy 2009-2019 “Your Space Your Place -Derectorate of Environment”*.

- [69] Craig Alexander and Conner Mc Donald, *Urban Forest value – All about th green, Renew Canada the Infrastrucre Magazine 2014.*
- [70] Million Trees NYC (2015), *A Planyc Intitative with NYC Parks and New York Restoration Project.*
http://www.milliontreesnyc.org/html/about/urban_forest_facts.shtml
- [71] Jarlath O’Neili (2011), *A Report on the City of Philadenphia’s Existing and Possible Canopy – Dunne, University Vermont Spatial Analysis Laboratory Joneildu@uvm.edu 802.656.3324.*
- [72] FAO Forestry Department (1998), *Term and definition FRA Working paper.*
- [73] *Space Planning Law of Indonesian.*
- [74] Green Spaces in Urban areas (2010), Workshop Tenerife October 2010 (UrbSpace - CENTERAL EUROPE - EUROPEN UNION).
- [75] St Albans City & District Council - *Sopwell Nunnery Green Space Strategy Management Plan 2013 - 2017.*
- [76] Ministe`re De L`equipement, Du Logement, De Transport Et Du Tourisme; *L`ame`nagement Des Espace Verts, Le Moniteur.*
- [77] Md. Atiqul Haq (2011), *Urban Green Spaces and an Integrative Approach to Sustainable EnvironmentShah, University of Hong Kong,Email: shahatiq1@yahoo.com - Received January 5th, 2011; revised March 26th, 2011; accepted May 3rd, 2011. accepted May 3rd, 2011*
- [78] Michael Digregorio 10.5.1999
- [79] *Management Green Space in EU Seven ingredient for Success*
Group CABE space (2010),
- [80] Maruani and Amit - Cohen (2007), *Strategy for Urban Green*

Space - Centre for Environmental Research -UFZ

- [81] Madistone Borough Council - UK (2007), *Strategy for Green Space*
- [82] Mduduzi W. Nhlozi - (2012), *Understanding Planning and Management Dynamics in the City of Johannesburg*
- [83] Publication City Ottawa (2006), *Aussi disponible en Francais Greenspace Master Plan*
- [84] Portland Council (2015), *Urban Green Space Board in Portland*
- [85] Simon Bell (2013), *What is Green space Managemnet in Urban areas*, Estonia University of Life Sciences.
- [86] Therese Lindgren (2010), *Green space management and Resident's Benefits - A Study of Swedish Rental Multi-Family Housing Areas*", Swedish University of Agricultural Sciences, Alnarp.
- [87] Bonny Bryant (2007), *The Open Space management Stetagy of City Regina, Canada (OSMS)*.
- [88] Tarquinio Mateus Magathas - Thomas Selfert (2015), *Estimation of tree biomass, carbon stocks and error propagation in Mecrusse Woodlands , Sciencific resear ch Publising*
- [89] UN HABITAT (2013), *Planning for CitiesLaeder in 2013.*
- [90] Health and Sustainable Development (2016), *World Health Oganization (WHO)*.
http://stalbans-consult.limehouse.co.uk/portal/planning_polic
<http://Green+space+of+Nantes+city+-+France&tb>
- [91] <https://www.google.com.vn/search?q=.green+space+singapore&tbm>
<https://www.green+space+plan+of+Dalat+-+VN&tbm>
(https://www.eco+city+Helsinki&tb)

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Hiện trạng hệ thống công viên cây xanh thành phố Huế 2015 (nguồn: TTCVCX Huế)

STT	Khu vực bờ Bắc sông Hương	Tổng diện tích(m ²)	Cây thân gỗ, Cây cảnh			Thảm kiểng/ cây bụi(cây)	Thảm cỏ, hoa (m ²)
			Đường kính (cây)	Đường kính (cây)	Cây cảnh (cây)		
1	Công viên Nguyễn Văn Trỗi	16.978			170		10.191
2	Công viên Trần Quốc Toản	4.013			118		3.321
3	Công viên Ngô Môn (kể cả lề đường Đoàn Thị Điểm)	71.812			751		61.804
4	Công viên Phú Xuân	132.749			1,114	130	47.879
5	Công viên Thương Bạc	39.064			601		13.278
6	Công viên An Hòa	28.637			622		21.179
7	Công viên Phú Hậu	5.500			13		3.113
8	Công viên An Hòa (phần giữa QL1A và đường sắt)	7.366					7.049

9	Công viên bờ sông Kim Long	85.000			105		21.768
10	Công viên Khu định cư Kim Long	4.880			16		1.790
11	Công viên bờ sông Phú Cát	24.564			304		12.735
12	Công viên tại khu đất nhà bia tưởng niệm trung đoàn 6	8.552			42		7.695
13	Công viên Phú Văn Lâu	18.196					16.514
14	Sân cỏ Hàm Nghi	9.250					9.250
	Cộng	456.561					
II - Điểm xanh, dải phân cách							
1	Điểm xanh Bạch Hồ	1.748					1.138
2	Điểm xanh Cổng Thủy Quan	4.805			20		4.805
3	Dải phân cách quốc lộ 1A	1.282			223		1.165
4	Điểm xanh Phú Hậu I	1.453					1.425
5	Điểm xanh Phú Hậu II	774					774
6	Điểm xanh Phú Hậu III	1.398					1.275
7	Dải phân cách chợ Tây Lộc	360			11		96
8	Dải phân cách Trần Hưng Đạo	828					445

9	Điểm xanh 1 khu định cư Kim Long	1.610					1.610
10	Điểm xanh 2 khu định cư Kim Long	4.630					4.630
11	Điểm xanh cầu Gia Hội	272			1		265
12	Cỏ lê đường Lý Thái Tổ	314					314
13	Dải phân cách Nguyễn Văn Linh	4.168			351		4.168
Cộng		94.421					
III. Không gian xanh khác							
1	Rú bấp	69.123					
2	Khối lượng dọc hồ thành hào	9.520					8.460
Cộng		78.643			4462	130	
Tổng cộng khu vực bờ Bắc Sông Hương (I+II+III) = 558.846							
STT	Khu vực bờ Nam sông Hương	Tổng diện tích(m²)	Cây thân gỗ, Cây cảnh			Thảm kiếng/ cây bụi(cây)	Thảm cỏ, hoa (m²)
	I - Công viên		Đường kính (cây)	Đường kính (cây)	Cây cảnh (cây)		
1	Công viên 3/2	26.894			79		19.402

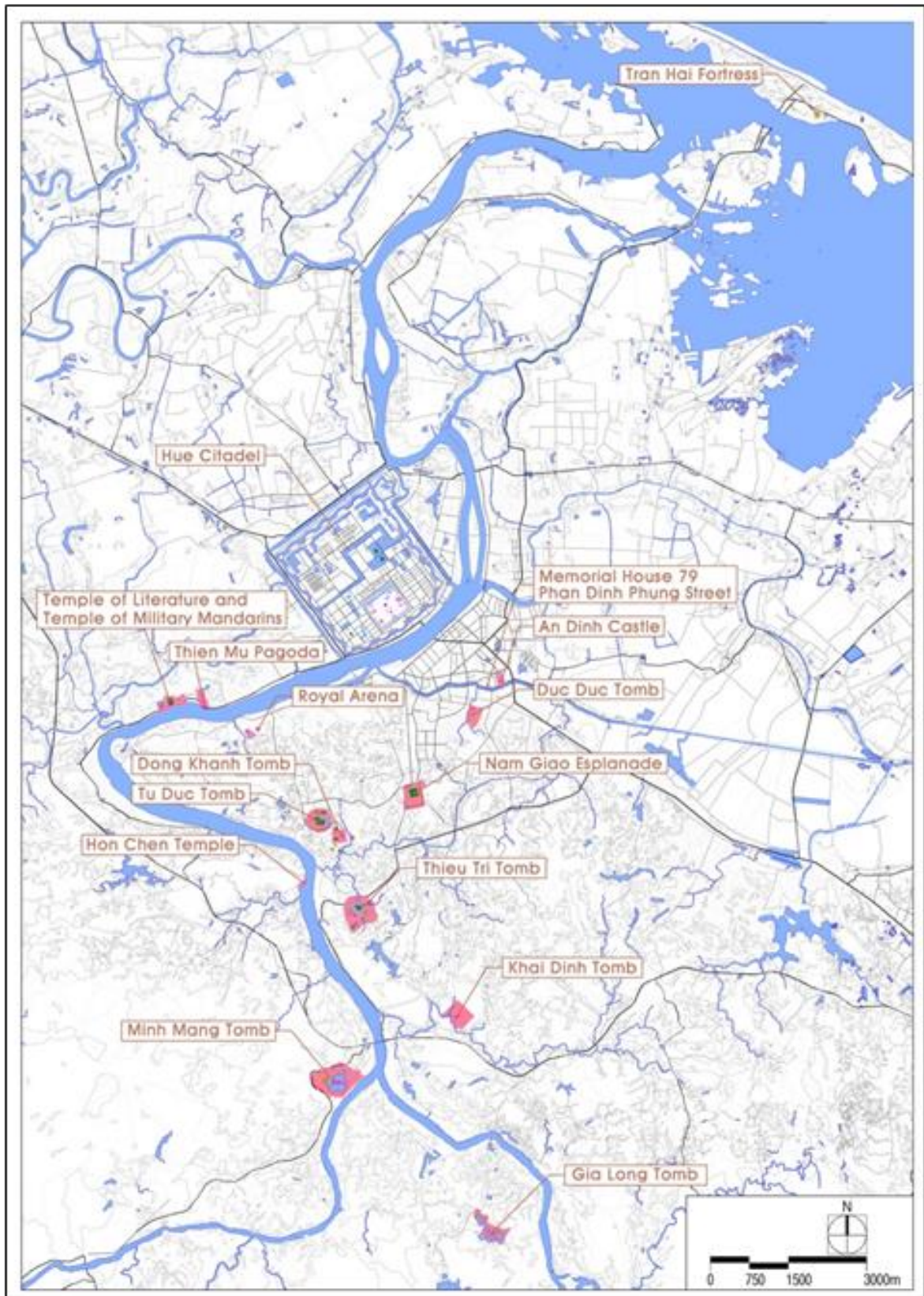
2	Công viên Tứ Tượng	2.618			61		1.728
3	Công viên Lý Tự Trọng	48.023			534	316	17.919
4	Công viên Kim Đồng	6.914			88		3.766
5	Công viên Lê Hồng Phong	2.605					2.076
6	Công viên Hồ Lê Hồng Phong	4.839			3		1.535
7	Công viên Hồ Tôn Đức Thắng	20.600			53		5.735
8	Công viên 19 Lê Lợi	2.879			51		2.202
9	Công viên phần ngoài nhà thi đấu	2.850			30		2.850
10	Khu tưởng niệm anh hùng dân tộc Quang Trung	100.000			90		10.016
11	Công viên trụ sở mới của UBND TP Huế	5.662					
Cộng		223.884					
I. Điểm xanh, dải phân cách							
1	Bờ sông Phan Đình Phùng - Phan Chu Trinh	2.089					
2	Dải phân cách Lê Quý Đôn	1.076			82		1.014
3	Điểm xanh HN - Ngô Quyền	366			20		256
4	Điểm xanh HN - Trần.CaoVân	143			21		115
5	Điểm xanh Ngô Quyền - Hai Bà Trưng	261			21		143

6	Điểm xanh Nguyễn Huệ - Phan Bội Châu	186			21		98
7	Điểm xanh Lê Lợi - Nguyễn Huệ	273					111
8	Điểm xanh Cầu Nam Giao	80					69
9	Điểm xanh trước bến xe phía nam	1.082			51		989
10	Đảo giao thông ngã 6 Hùng Vương	449					312
11	Hoa và cỏ lề đường Hai Bà Trưng, Phạm Hồng Thái	2.973					2.973
12	Điểm xanh Trần Phú - Đoàn Hữu Trưng	2.961			1		1.131
13	Cỏ lề đường Nguyễn Trường Tộ	1.299					1.271
14	Điểm xanh Võ Dạ 9	3.157			3		1.689
15	Điểm xanh khu quy hoạch Kiềm Huệ	4.531			62		2.461
16	Điểm xanh dọc bờ sông An Cựu I	4.496					3.645
17	Điểm xanh dọc bờ sông An Cựu II	1.731					1.294
18	Điểm xanh dọc bờ sông An Cựu III	2.662					2.336
19	Điểm xanh 2 khu quy hoạch Kiềm Huệ	1.956			4		1.475
20	Điểm xanh Võ Dạ 7	6.855					6.198
21	Vĩa hè xung quanh trung tâm hành chính	900					875

22	Điểm xanh cầu vượt Thủy Dương	14.000			93		8.040
23	Lê đường Nguyễn Huệ	3.010				2.777	
24	Dải phân cách cầu vượt Thủy Dương	3.209			193		3.209
25	Lê đường Ngô Quyền	89				89	
26	Dải cây xanh dọc đường sắt phía nam Thành phố	2.749			295		2.603
27	Lê đường Lý Thường Kiệt	830					830
28	Điểm xanh trước siêu thị Big C	1.751			19		877.5
29	Đường 56m nối từ đường 100m đến đường Thủy Dương - Thuận An	5.074					3.394
30	Cầu đường bộ Bạch Hổ qua Sông Hương	1.110			77		879
Cộng		289.569					
II. Không gian xanh khác							
1	Nghĩa trang liệt sỹ thành phố	94.000			721		829
2	Cồn Giã Viên	36.054					
3	Đồi Vọng Cảnh	152.415			174		823
4	Bãi bồi số 1-5 Lê Lợi	30.000					
Cộng		312.469			2.847	3.182	117.169

Tổng cộng khu vực bờ Nam S. Hương (I+II+III) = 602.038							
V. Vườn ươm							
1	Vườn Thủy Xuân	52.000					
2	Vườn Hương Long	11.630					
3	Vườn ươm Hương An	100.000					
4	Bờ sông Kẻ Vạn	9.700					
Tổng cộng		173.330					

Phụ lục 2. Sơ đồ hiện trạng di sản thế giới của thành phố Huế



Phụ lục 3. Mẫu điều tra xã hội học

Khu vực: Phường.....Thành phố Huế

PHIẾU ĐIỀU TRA:

Họ và tên: (Nam/Nữ)

Tuổi:

Nghề Nghiệp (nếu có)

Địa chỉ: Tổ dân phốPhường.....

1. Theo Anh/Chị trên địa bàn nơi Anh/Chị ở có công viên, vườn hoa không?

Có Không Ý kiến khác

2. Anh/Chị nghĩ như thế nào về công viên, vườn hoa nơi Anh/Chị đang sống?

Tốt Trung bình Ý kiến khác

3. Anh/Chị & Gia đình có hay thường xuyên ra công viên, vườn hoa chơi không?

Có Không Ý kiến khác

4. Công viên, vườn hoa có các tiện ích cho trẻ em, thanh niên & người già không?

Có Không Ý kiến khác

5. Theo Anh/Chị khoảng cách từ nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?

Có Không Ý kiến khác

6. Nếu giao cho Anh/Chị một phần việc chăm sóc vườn hoa, cây xanh và được miễn giảm phí vệ sinh môi trường đô thị Anh/Chị có đồng ý không?

Có Không Ý kiến khác

**Phụ lục 3a. Tổng hợp kết quả điều tra xã hội học về không gian xanh
thành phố Huế**

STT	Tên Phường / các câu hỏi khảo sát	Ý kiến của người dân				
		Có	Không	Tốt	Trung bình	Ý kiến khác
I	PHƯỜNG PHÚ HIỆP					
1	1. Nơi ở có CV, Vườn hoa không?	7				
2	2. Công viên, vườn hoa đó như thế nào?			3	4	
3	3.A/C có thường xuyên ra CV, VH chơi không?	5	2			
4	4.Công viên, vườn hoa có tiện ích cho trẻ em, thanh niên, người già không?	5	2			
5	5. Khoảng cách từ nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?	4	3			
6	6. Nếu giao một phần việc chăm sóc vườn hoa cây xanh và được miễn giảm phí VSMT đô thị	7				

	A/C có đồng ý không?					
II	PHƯỜNG PHÚ CÁT	Có	Không	Tốt	Trung bình	Ý kiến khác
1	1. Nơi ở có CV, Vườn hoa không?	12				
2	2. Công viên, vườn hoa đó như thế nào?			6	6	
3	3.A/C có thường xuyên ra CV, VH chơi không?	7	5			
4	4.Công viên, vườn hoa có tiện ích cho trẻ em, thanh niên, người già không?	7	5			
5	5. Khoảng cách từ nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?	11	1			
6	6. Nếu giao một phần việc chăm sóc vườn hoa cây xanh và được miễn giảm phí VSMT đô thị A/C có đồng ý không?	12				
III	PHƯỜNG AN CỰU	Có	Không	Tốt	Trung bình	Ý kiến khác

1	1. Nơi ở có CV, Vườn hoa không?	27	6			
2	2. Công viên, vườn hoa đó như thế nào?			13	13	7
3	3.A/C có thường xuyên ra CV, VH chơi không?	11	22			
4	4.Công viên, vườn hoa có tiện ích cho trẻ em, thanh niên, người già không?	21	12			
5	5. Khoảng cách từ nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?	29	4			
6	6. Nếu giao một phần việc chăm sóc vườn hoa cây xanh và được miễn giảm phí VSMT đô thị A/C có đồng ý không?	14	18			
IV	PHƯỜNG PHƯỚC VĨNH	Có	Không	Tốt	Trung bình	Ý kiến khác
1	1. Nơi ở có CV, Vườn hoa không?	3	1			
2	2. Công viên, vườn			2	1	1

	hoa đó như thế nào?					
3	3.A/C có thường xuyên ra CV, VH chơi không?	3	1			
4	4.Công viên, vườn hoa có tiện ích cho trẻ em, thanh niên, người già không?	1	3			
5	5. Khoảng cách từ nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?	2	1			1
6	6. Nếu giao một phần việc chăm sóc vườn hoa cây xanh và được miễn giảm phí VSMT đô thị A/C có đồng ý không?	2	2			
V	PHƯỜNG THUẬN HÒA	Có	Không	Tốt	Trung bình	Ý kiến khác
1	1. Nơi ở có CV, Vườn hoa không?	15	2			
2	2. Công viên, vườn hoa đó như thế nào?			11	5	1
3	3.A/C có thường xuyên ra CV, VH	6	11			

	chơi không?					
4	4.Công viên, vườn hoa có tiện ích cho trẻ em, thanh niên, người già không?	14	3			
5	5. Khoảng cách từ nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?	13	4			
6	6. Nếu giao một phần việc chăm sóc vườn hoa cây xanh và được miễn giảm phí VSMT đô thị A/C có đồng ý không?	11	5			1
VI	PHƯỜNG PHÚ HÒA	Có	Không	Tốt	Trung bình	Ý kiến khác
1	1. Nơi ở có CV, Vườn hoa không?	7				
2	2. Công viên, vườn hoa đó như thế nào?			5	2	
3	3.A/C có thường xuyên ra CV, VH chơi không?	7				
4	4.Công viên, vườn hoa có tiện ích cho	7				

	trẻ em, thanh niên, người già không?					
5	5. Khoảng cách từ nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?	7				
6	6. Nếu giao một phần việc chăm sóc vườn hoa cây xanh và được miễn giảm phí VSMT đô thị A/C có đồng ý không?	5	2			
VII	PHƯỜNG THUAN THÀNH	Có	Không	Tốt	Trung bình	Ý kiến khác
1	1. Nơi ở có CV, Vườn hoa không?	10				
2	2. Công viên, vườn hoa đó như thế nào?			8	2	
3	3.A/C có thường xuyên ra CV, VH chơi không?	6	3			
4	4.Công viên, vườn hoa có tiện ích cho trẻ em, thanh niên, người già không?	10				
5	5. Khoảng cách từ	8	2			

	nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?					
6	6. Nếu giao một phần việc chăm sóc vườn hoa cây xanh và được miễn giảm phí VSMT đô thị A/C có đồng ý không?	7	3			
VIII	PHƯỜNG PHÚ NHUẬN	Có	Không	Tốt	Trung bình	Ý kiến khác
1	1. Nơi ở có CV, Vườn hoa không?		1			
2	2. Công viên, vườn hoa đó như thế nào?				1	
3	3.A/C có thường xuyên ra CV, VH chơi không?	1				
4	4.Công viên, vườn hoa có tiện ích cho trẻ em, thanh niên, người già không?	1				
5	5. Khoảng cách từ nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?	1				

6	6. Nếu giao một phần việc chăm sóc vườn hoa cây xanh và được miễn giảm phí VSMT đô thị A/C có đồng ý không?	1				
IX	PHƯỜNG PHÚ HẬU	Có	Không	Tốt	Trung bình	Ý kiến khác
1	1. Nơi ở có CV, Vườn hoa không?	1				
2	2. Công viên, vườn hoa đó như thế nào?			1		
3	3.A/C có thường xuyên ra CV, VH chơi không?		1			
4	4.Công viên, vườn hoa có tiện ích cho trẻ em, thanh niên, người già không?	1				
5	5. Khoảng cách từ nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?	1				
6	6. Nếu giao một phần việc chăm sóc vườn hoa cây xanh	1				

	và được miễn giảm phí VSMT đô thị A/C có đồng ý không?					
--	---	--	--	--	--	--

Phụ lục 3b. Tổng hợp các ý kiến theo câu hỏi

Câu 1: Nơi ở có công viên, vườn hoa không?

82 người trả lời: Có

9 người trả lời: Không

Câu 2: Công viên, vườn hoa đó như thế nào?

49 người trả lời: Tốt

34 người trả lời: Trung Bình

9 người có ý kiến khác

Câu 3: A/C có thường xuyên ra công viên, vườn hoa chơi không?

46 người trả lời: Có

45 người trả lời: Không

01 người có ý kiến khác.

Câu 4: Công viên, vườn hoa có tiện ích cho trẻ em, thanh niên, người già không?

67 người trả lời: Có

25 người trả lời: Không.

Câu 5: Khoảng cách từ nhà đến công viên, vườn hoa có hợp lý không?

76 người trả lời: Có

15 người trả lời: Không

01 người có ý kiến khác.

Câu 6: Nếu giao một phần việc chăm sóc vườn hoa cây xanh và được miễn giảm phí vệ sinh môi trường đô thị A/C có đồng ý không?

60 người trả lời: Có

49 người trả lời: Không

01 người có ý kiến khác.